

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



ĐỀ TÀI ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN QUA THỰC TIỄN TẠI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Lâm Đồng - 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



ĐỀ TÀI ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN QUA THỰC TIỄN TẠI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. TS. TRẦN VĂN BIÊN

2. TS. NGUYỄN THỊ BÌNH

Lâm Đồng - 2026

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô giảng dạy tại Trường Đại học Phan Thiết nói chung và tại Khoa Luật Kinh tế nói riêng - những người đã truyền dạy cho tôi nhiều kiến thức và kỹ năng, giúp tôi hoàn thiện bản thân và hiểu biết hơn về cuộc sống.

Tiếp đến, tôi xin gửi lời cảm ơn đến thầy TS. Trần Văn Biên và cô TS. Nguyễn Thị Bình đã tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp. Nhờ sự giúp đỡ đầy tâm huyết của thầy cô, tôi đã xây dựng và hoàn thiện đề án một cách tốt nhất. Mặc dù thầy cô bận công tác giảng dạy, nhưng với tâm huyết và tri thức của mình, thầy cô vẫn tận tâm hướng dẫn tôi qua thư điện tử, các buổi trao đổi, thảo luận và định hướng đề tài để tôi có thể hoàn thành tốt đề án tốt nghiệp này. Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc thầy cô dồi dào sức khỏe, gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong sự nghiệp trồng người.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, song do đây là kết quả nghiên cứu bước đầu của tôi, kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung đề án không tránh khỏi những thiếu sót, chưa hoàn thiện. Rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của quý thầy cô để tôi có thể hoàn thiện đề án một cách tốt nhất.

Xin chân thành cảm ơn!

Học viên

Hoàng Minh Huy

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề án này là công trình nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kế thừa hợp lý khung đề cương đã xác lập, có bổ sung, chỉnh lý chất liệu thực tiễn từ bản đề án tốt nghiệp của học viên và các tài liệu pháp lý, học thuật được kiểm tra trong phạm vi có thể. Các nhận định, đánh giá và kiến nghị trong đề án được trình bày độc lập, có trích dẫn nguồn đối với tài liệu, bản án và văn bản pháp luật được sử dụng.

Các số liệu, bản án, văn bản pháp luật và tài liệu tham khảo được sử dụng trong đề án đều được ghi nguồn. Những tài liệu chưa đủ điều kiện kiểm chứng hoặc không phù hợp với trọng tâm “giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án” không được đưa vào làm căn cứ lập luận chính.

Học viên

Hoàng Minh Huy

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ
HĐMBHH	Hợp đồng mua bán hàng hóa
TAND	Tòa án nhân dân
BLDS	Bộ luật dân sự
BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
SĐBS	Sửa đổi bổ sung

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT

Đề án nghiên cứu pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án qua thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng. Trong bối cảnh hoạt động mua bán hàng hóa ngày càng đa dạng, tranh chấp phát sinh từ HĐMBHH không chỉ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích tài sản của các bên mà còn tác động đến dòng tiền, uy tín kinh doanh và sự ổn định của trật tự thương mại. Tòa án, với tư cách là thiết chế tài phán của Nhà nước, có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thật pháp lý của tranh chấp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và bảo đảm hiệu lực thi hành của phán quyết.

Về lý luận, đề án làm rõ khái niệm, đặc điểm, phân loại và vai trò của HĐMBHH; phân tích bản chất, đặc điểm, các dạng tranh chấp và nguyên nhân phát sinh tranh chấp HĐMBHH. Trên cơ sở đó, đề án xác định giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là hoạt động tài phán được tiến hành theo trình tự tố tụng chặt chẽ, nhằm làm rõ quyền, nghĩa vụ của các bên, hành vi vi phạm và hậu quả pháp lý tương ứng. Đề án cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tranh chấp, bao gồm chất lượng pháp luật, năng lực người tiến hành tố tụng, ý thức pháp lý của các bên, chất lượng chứng cứ và điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

Về thực trạng, đề án phân tích các nhóm quy định pháp luật hiện hành về xác định tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án; quyền khởi kiện, thụ lý; chứng cứ và chứng minh; hòa giải, xét xử, phán quyết; chế tài hợp đồng và thi hành bản án. Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy tranh chấp HĐMBHH thường tập trung vào nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa, chủ thể có nghĩa vụ thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và lãi chậm trả. Nhiều khó khăn phát sinh từ việc hợp đồng được giao kết sơ sài, chứng cứ giao nhận không đầy đủ, đối chiếu công nợ chưa chặt chẽ và quy trình kiểm tra, khiếu nại chất lượng hàng hóa chưa rõ ràng.

Trên cơ sở những hạn chế được nhận diện, đề án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử, tăng cường hiệu quả thi hành án và nâng cao năng lực quản trị hợp đồng của các chủ thể kinh doanh. Các giải pháp hướng tới mục tiêu xử lý hiệu quả tranh chấp đã phát sinh, đồng thời phòng ngừa rủi ro từ giai đoạn giao kết và thực hiện HĐMBHH, góp phần xây dựng môi trường thương mại minh bạch, an toàn và ổn định tại tỉnh Lâm Đồng.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
LỜI CAM ĐOAN.....	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
TÓM TẮT TIẾNG VIỆT	iv
MỞ ĐẦU	8
1. Tính cấp thiết của đề án.....	8
2. Tình hình nghiên cứu	9
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	11
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	11
5. Phương pháp nghiên cứu.....	12
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án.....	12
7. Kết cấu của đề án	13
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN.....	14
1.1. Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hóa	14
1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa	14
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa.....	15
1.1.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hóa	16
1.1.4. Vai trò của hợp đồng mua bán hàng hóa trong hoạt động thương mại.....	18
1.2. Khái quát về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	19
1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	19
1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	23
1.2.3. Các dạng tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phổ biến	24
1.2.4. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	26
1.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án	27
1.3.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án.....	27
1.3.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án	30
1.3.3. Vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	31
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án.....	33
1.4.1. Chất lượng của hệ thống pháp luật.....	33
1.4.2. Năng lực của người tiến hành tố tụng.....	34
1.4.3. Ý thức pháp lý và thiện chí của các bên tranh chấp.....	35
1.4.4. Chất lượng chứng cứ trong giao dịch mua bán hàng hóa	37
1.4.5. Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương	38
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	39

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG	41
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án	41
2.1.1. <i>Thực trạng pháp luật về xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thẩm quyền giải quyết của Tòa án</i>	<i>41</i>
2.1.2. <i>Thực trạng pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án</i>	<i>44</i>
2.1.3. <i>Thực trạng pháp luật về hòa giải, xét xử và phán quyết của Tòa án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>46</i>
2.1.4. <i>Thực trạng pháp luật về chế tài hợp đồng và thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>48</i>
2.2. Khái quát điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng.....	50
2.2.1. <i>Khái quát điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng.....</i>	<i>50</i>
2.2.2. <i>Tình hình tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng.....</i>	<i>52</i>
2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng	53
2.3.1. <i>Thực tiễn thực hiện quy định về xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thẩm quyền giải quyết của Tòa án</i>	<i>54</i>
2.3.2. <i>Thực tiễn thực hiện quy định về quyền khởi kiện, thụ lý và điều kiện giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>56</i>
2.3.3. <i>Thực tiễn thực hiện quy định về chứng cứ và chứng minh trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>59</i>
2.3.4. <i>Thực tiễn thực hiện quy định về hòa giải, xét xử và phán quyết của Tòa án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>62</i>
2.3.5. <i>Thực tiễn thực hiện quy định về chế tài hợp đồng và thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>65</i>
2.3.6. <i>Nhận xét chung từ thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng</i>	<i>68</i>
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	69
Chương 3: GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN Ở TỈNH LÂM ĐỒNG	71
3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án.....	71
3.1.1. <i>Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa</i>	<i>71</i>
3.1.2. <i>Bảo đảm tính nhanh chóng, kịp thời nhưng không làm giảm chất lượng hoạt động xét xử.....</i>	<i>72</i>
3.1.3. <i>Bảo đảm tính thống nhất, dự đoán được trong áp dụng pháp luật</i>	<i>72</i>
3.1.4. <i>Bảo đảm sự phù hợp với bối cảnh tổ chức Tòa án và địa bàn Lâm Đồng sau ngày 01/7/2025...73</i>	<i>73</i>

3.1.5. Bảo đảm tính khả thi của giải pháp	74
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại TAND tỉnh Lâm Đồng	74
3.2.1. Hoàn thiện quy định và hướng dẫn về thẩm quyền, chuyển tiếp thẩm quyền sau khi tổ chức Tòa án theo mô hình mới.....	75
3.2.2. Hoàn thiện hướng dẫn về chứng cứ, chứng cứ điện tử và nghĩa vụ chứng minh trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	76
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng về chất lượng hàng hóa, kiểm tra hàng hóa và khiếu nại chất lượng.....	77
3.2.4. Hoàn thiện hướng dẫn về lãi chậm trả trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	78
3.2.5. Hoàn thiện pháp luật về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và quan hệ giữa các chế tài.....	80
3.2.6. Hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn về thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	81
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại TAND tỉnh Lâm Đồng	81
3.3.1. Xây dựng cơ chế nhận diện và phân loại sớm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	83
3.3.2. Nâng cao năng lực chuyên môn của Thẩm phán, Thư ký trong giải quyết tranh chấp thương mại	84
3.3.3. Chuẩn hóa yêu cầu cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử.....	85
3.3.4. Nâng cao chất lượng hòa giải trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	85
3.3.5. Chuẩn hóa cách lập luận và tuyên án trong bản án kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.....	86
3.3.6. Tăng cường phối hợp giữa Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự	87
3.4. Giải pháp đối với các chủ thể tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng.....	87
3.4.1. Nâng cao chất lượng soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa.....	87
3.4.2. Quản trị chứng cứ trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng	88
3.4.3. Thiết lập quy trình kiểm tra và khiếu nại chất lượng hàng hóa	89
3.4.4. Chuẩn hóa điều khoản thanh toán, lãi chậm trả và đối chiếu công nợ.....	89
3.4.5. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.....	90
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	90
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93
Phụ lục 1: DANH MỤC BẢN ÁN SỬ DỤNG TRONG ĐỀ ÁN	96
Phụ lục 2: CÁC VỤ VIỆC SỬ DỤNG TRONG ĐỀ ÁN.....	97

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

HĐMBHH là một trong những công cụ pháp lý phổ biến nhất của hoạt động thương mại. Thông qua hợp đồng, hàng hóa được lưu thông, vốn được chuyển dịch, nhu cầu sản xuất - kinh doanh được đáp ứng và lợi ích của các chủ thể được xác lập trong một khuôn khổ có thể dự đoán. Tuy nhiên, chính sự phổ biến của HĐMBHH cũng làm cho tranh chấp trong lĩnh vực này phát sinh tương đối nhiều, nhất là khi thị trường biến động, năng lực quản trị hợp đồng của các bên không đồng đều hoặc chứng cứ giao dịch không được lưu giữ đầy đủ.

Trong thực tiễn, tranh chấp HĐMBHH thường phát sinh từ các vấn đề như chậm giao hàng, không giao hàng, giao hàng không đúng số lượng, chất lượng hoặc chủng loại; bên mua chậm thanh toán hoặc không thanh toán; các bên bất đồng về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, lãi chậm trả và đối chiếu công nợ. Tác động của các dạng tranh chấp này mang tính toàn diện, từ khía cạnh lợi ích tài sản cục bộ đến các yếu tố vĩ mô như dòng vốn, danh tiếng thương mại và thể chế giao dịch, Không chỉ gây hệ quả tiêu cực lên quyền tài sản của các chủ thể, xung đột thương mại này còn làm suy yếu năng lực tài chính, hạ thấp tín nhiệm và phá vỡ cấu trúc trật tự thị trường.

Hệ thống tòa án không chỉ là công cụ giải quyết xung đột mà còn là phương thức mang tính định chế cốt lõi trong cấu trúc cơ chế bảo vệ quyền pháp lý. Khác với thương lượng hoặc hòa giải phụ thuộc nhiều vào thiện chí của các bên, bản án, quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc thi hành và được đảm bảo bằng quyền lực nhà nước. Vì vậy, chất lượng giải quyết tranh chấp tại Tòa án có ý nghĩa trực tiếp đối với niềm tin của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân vào sự an toàn pháp lý của giao dịch thương mại.

Tại tỉnh Lâm Đồng, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra đa dạng, gắn với nông sản, vật tư nông nghiệp, phân bón, hàng hóa tiêu dùng, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị và các chuỗi phân phối phục vụ sản xuất, du lịch, dịch vụ. Sau ngày 01/7/2025, hệ thống cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng bước vào giai đoạn mới sau sắp xếp đơn vị hành chính. Do đó, vai trò của Tòa án có những thay đổi cần được nhận diện khi nghiên cứu thực tiễn. Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, Lâm Đồng mới được hình thành trên cơ sở sắp xếp Lâm Đồng, Đắk Nông và Bình Thuận; đồng thời tổ

chức Tòa án cũng chuyển sang mô hình TAND cấp tỉnh và TAND khu vực theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15¹².

Từ những căn cứ thực chứng trên, đề tài **“Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án qua thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng”** được triển khai với đầy đủ giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn hành động. Đề án hướng đến mục tiêu nội khóa hóa cơ sở lý luận, kiểm chứng thực trạng lập quy và thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, từ đó nhận diện xung đột pháp lý tiềm ẩn để khơi thông các giải pháp nâng cao hiệu suất tư pháp của Tòa án.

2. Tình hình nghiên cứu

Chế định hợp đồng mua bán hàng hóa, xung đột phát sinh và cơ chế tài phán tại Tòa án là chủ đề thu hút sự quan tâm của giới luật học, được luận giải đa chiều trong nhiều công trình nghiên cứu dưới các biên độ tiếp cận khác nhau. Có thể khái quát các công trình liên quan thành bốn nhóm chính: nhóm nghiên cứu lý luận về hợp đồng; nhóm nghiên cứu về HĐMBHH và pháp luật thương mại; nhóm nghiên cứu về tranh chấp, chế tài và giải quyết tranh chấp thương mại; nhóm nghiên cứu về tố tụng, chứng cứ và thực tiễn xét xử.

Ở nhóm thứ nhất, các công trình nghiên cứu lý luận về hợp đồng cung cấp nền tảng quan trọng cho việc nhận diện bản chất của HĐMBHH. Sách chuyên khảo “Pháp luật về hợp đồng - Các vấn đề pháp lý cơ bản” của Trương Nhật Quang tiếp cận hợp đồng từ cả phương diện lý luận và thực tiễn, làm rõ nguyên tắc tự do hợp đồng, hiệu lực ràng buộc, phân bổ rủi ro và xử lý vi phạm. Sách chuyên khảo có giá trị tham khảo trong việc phân tích hợp đồng thông qua thực tiễn xét xử là công trình “Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án” của Đỗ Văn Đại. Bên cạnh đó, sách “Contract Law: Text, Cases and Materials” của Ewan McKendrick giúp bổ sung cách tiếp cận học thuật về hợp đồng như một cơ chế pháp lý bảo vệ các cam kết có giá trị ràng buộc trong đời sống kinh tế - xã hội.

Ở nhóm thứ hai, các giáo trình và công trình về pháp luật thương mại có ý nghĩa trực tiếp đối với đề tài. “Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam”, Tập I của Trường Đại học Luật Hà Nội và “Giáo trình Một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương

¹ Quốc hội, Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

² Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực

mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo” của Trường Đại học Luật Hà Nội cung cấp cơ sở lý luận về chủ thể, đối tượng, nội dung, quyền và nghĩa vụ trong hoạt động mua bán hàng hóa. “Giáo trình Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ” của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh cũng là tài liệu tham khảo quan trọng để nhận diện đặc trưng pháp lý của HĐMBHH. Bài viết “Hoàn thiện quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại năm 2005” của Lê Kiên Lương, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, góp phần làm rõ các nghĩa vụ trung tâm của bên bán và bên mua.

Ở nhóm thứ ba, các bài viết về tranh chấp thương mại và chế tài hợp đồng giúp làm rõ bản chất, dạng thức và hậu quả pháp lý của tranh chấp HĐMBHH. Bài viết “Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19” của Nguyễn Thị Ngọc Tú, đăng trên Tạp chí Công Thương, gợi mở cách tiếp cận tranh chấp hợp đồng như một dạng xung đột lợi ích trong hoạt động thương mại. Bài viết “Các loại tranh chấp thương mại: Thực trạng và những vấn đề đặt ra” của Hoàng Tùng, đăng trên Tạp chí Luật sư Việt Nam, giúp nhận diện tranh chấp thương mại dưới góc độ tài sản, lợi ích kinh doanh và quyền tự định đoạt của các bên. Các bài viết “Phạt vi phạm hợp đồng theo pháp luật thương mại Việt Nam” của Nguyễn Đức Anh, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử; “Thực tiễn áp dụng pháp luật về chế tài phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại” của Lê Thị Tuyết Hà, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp; và “Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng thương mại” của Trần Văn Biên, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, có ý nghĩa trong việc phân biệt phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, lãi chậm trả và các hậu quả pháp lý khác.

Ở nhóm thứ tư, các công trình về tố tụng, chứng cứ và thực tiễn xét xử cung cấp cơ sở để phân tích vai trò của Tòa án. Bài viết “Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án đáp ứng yêu cầu hiện nay” của Nguyễn Thị Thu Thủy, đăng trên Tạp chí Công Thương, làm rõ ý nghĩa của việc xác định đúng thẩm quyền. Bài viết “Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh, thương mại thông qua mạng xã hội” của Trương Vĩnh Xuân, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, và bài viết “Chứng cứ điện tử trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại: Lý luận và thực tiễn” của Nguyễn Đình Hải, đăng trên Tạp chí Luật sư Việt Nam, có giá trị khi nghiên cứu chứng cứ điện tử trong tranh chấp

HĐMBHH. Bài viết “Bàn về lãi suất chậm thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” của Trần Xuân Hải, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, liên quan trực tiếp đến vướng mắc về lãi chậm trả. Ngoài ra, luận văn thạc sĩ “Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi” của Nguyễn Văn Độ là công trình có giá trị tham khảo về phương pháp tiếp cận thực tiễn địa phương.

Nhìn chung, các công trình nêu trên đã cung cấp nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu đề tài. Tuy nhiên, phần lớn mới tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ như hợp đồng, chế tài, chứng cứ, thẩm quyền hoặc thực tiễn xét xử tại một địa phương khác. Khoảng trống mà đề án hướng tới là nghiên cứu pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án trong một chỉnh thể thống nhất, gắn với thực tiễn tỉnh Lâm Đồng và bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức Tòa án sau ngày 01/7/2025.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề án là làm rõ những vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Để đạt mục đích trên, đề án thực hiện các nhiệm vụ: làm rõ khái niệm, đặc điểm của HĐMBHH; làm rõ khái niệm, đặc điểm và các dạng tranh chấp HĐMBHH; phân tích vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp; đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành; khảo sát thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lâm Đồng; chỉ ra kết quả, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án tỉnh Lâm Đồng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đối tượng này bao gồm cả quy phạm nội dung về HĐMBHH và quy phạm tổ tụng về việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Về phạm vi nội dung, đề án tập trung vào tranh chấp HĐMBHH được giải quyết tại Tòa án, đặc biệt là tranh chấp về giao hàng, thanh toán, lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Đề án không đi sâu vào tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế, tranh chấp tiêu dùng hoặc tranh chấp mua bán bất động sản, trừ khi cần đối chiếu để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Về phạm vi không gian, đề án nghiên cứu thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng. Khi sử dụng số liệu hoặc bản án, đề án phân biệt bối cảnh trước và sau ngày 01/7/2025 do có sự thay đổi về đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức Tòa án. Về phạm vi thời gian, đề án ưu tiên giai đoạn 2018-2025 và cập nhật những thông tin cần thiết đến thời điểm hoàn thành đề án.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để làm rõ nội dung lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Phương pháp so sánh được sử dụng để phân biệt HĐMBHH với các hợp đồng gần giống và đối chiếu một số điểm với chuẩn mực quốc tế. Phương pháp nghiên cứu bản án được sử dụng nhằm làm rõ các Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, đánh giá chứng cứ và áp dụng chế tài. Phương pháp thống kê, mô tả và đánh giá thực tiễn được sử dụng khi xử lý thông tin về tình hình tranh chấp tại địa phương.

Hệ thống các phương pháp đặc thù trong luật học cấu thành một chỉnh thể khoa học hoàn chỉnh, với sự kết nối và tương trợ chặt chẽ nhằm giải quyết toàn diện cả lý thuyết lẫn thực tiễn của đời sống pháp lý. Sự kết hợp giữa tư duy phân tích quy phạm và nghiên cứu lịch sử định hình nền tảng cốt lõi, cùng với góc nhìn so sánh và phân tích kinh tế mở rộng khả năng lập pháp, được kiểm chứng bằng xã hội học pháp luật, đã giúp luật học chuyển dịch mạnh mẽ từ trạng thái tĩnh của văn bản sang trạng thái năng động theo sự phát triển của xã hội. Việc làm chủ và sử dụng linh hoạt các phương pháp này tạo điều kiện tiên quyết để giới luật học giải thích và áp dụng pháp luật một cách logic, thấu đáo, đồng thời xây dựng hệ thống chính sách vừa đồng bộ về mặt khoa học, vừa tối ưu hóa nguồn lực và đáp ứng hiệu quả yêu cầu thực tế của kỷ nguyên mới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Về ý nghĩa khoa học, đề án góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về HĐMBHH, tranh chấp HĐMBHH và giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Đề án cũng làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng trong việc bảo vệ quyền của các bên trong hợp đồng.

Về ý nghĩa thực tiễn, đề án góp phần nhận diện những khó khăn trong thực tiễn thực hiện pháp luật tại tỉnh Lâm Đồng, nhất là các khó khăn về xác định thẩm quyền, chứng cứ, lỗi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thi hành bản án. Các giải

pháp được đề xuất có thể tham khảo trong hoạt động của Tòa án, cơ quan thi hành án và các chủ thể kinh doanh trên địa bàn.

7. Kết cấu của đề án

Chương 1: Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tòa án.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tòa án và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tòa án ở tỉnh Lâm Đồng.

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN

1.1. Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hóa

1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa

Từ bình diện lý luận, HĐMBHH là một dạng cụ thể của hợp đồng trao đổi tài sản trong nền kinh tế thị trường. Nếu nhìn ở tầng sâu hơn, quan hệ này không chỉ là việc một bên giao hàng và bên còn lại trả tiền, mà là sự gặp gỡ ý chí giữa các chủ thể độc lập nhằm thiết lập một trật tự lợi ích có tính ràng buộc. Trong quan hệ đó, bên bán kỳ vọng nhận được giá trị thanh toán tương ứng với hàng hóa đã chuyển giao; bên mua kỳ vọng nhận được hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn và mục đích sử dụng đã thỏa thuận. Chính sự trao đổi kỳ vọng này làm cho HĐMBHH trở thành công cụ pháp lý trung tâm của hoạt động lưu thông hàng hóa.

Dưới góc độ pháp luật Việt Nam, Luật Thương mại năm 2005 không đưa ra một điều khoản riêng định nghĩa trực tiếp “HĐMBHH”. Vì vậy, việc nhận diện khái niệm này cần được đặt trên nền tảng của pháp luật dân sự về hợp đồng quy định: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự³”. Hai quy định này tạo cơ sở pháp lý chung để lý giải bản chất của HĐMBHH.

Tuy nhiên, HĐMBHH không hoàn toàn đồng nhất với hợp đồng mua bán tài sản thông thường. Điểm đặc thù của nó nằm ở đối tượng là hàng hóa và bối cảnh xác lập, thực hiện trong hoạt động thương mại. Từ quy định này, có thể hiểu HĐMBHH là sự thỏa thuận giữa bên bán và bên mua về việc xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa, nhận hàng và thanh toán trong hoạt động thương mại.

Khái niệm nêu trên cho thấy hợp đồng mua bán hàng hóa có ba lớp nội dung cơ bản. Lớp thứ nhất là yếu tố thỏa thuận, thể hiện sự thống nhất ý chí giữa các bên. Lớp thứ hai là yếu tố chuyển giao, bao gồm giao hàng và chuyển quyền sở hữu hàng hóa từ bên bán sang bên mua. Lớp thứ ba là yếu tố đối giá, thể hiện qua nghĩa vụ thanh toán của bên mua. Ba lớp nội dung này gắn bó với nhau, tạo nên tính song vụ và đền bù của HĐMBHH. Nếu thiếu yếu tố chuyển giao hàng hóa, quan hệ có thể chuyển sang hợp đồng dịch vụ, gia công hoặc quan hệ thương mại khác; nếu thiếu yếu tố thanh toán, giao dịch có thể không còn là mua bán theo nghĩa thông thường.

³ Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Dưới góc độ pháp lý, Luật Thương mại năm 2005 không quy định trực tiếp khái niệm “hợp đồng mua bán hàng hóa”. Vì vậy, việc nhận diện khái niệm này cần xuất phát từ khái niệm hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa

Thứ nhất, HĐMBHH mang tính đền bù và song vụ rõ nét. Trong quan hệ này, nghĩa vụ của mỗi bên luôn tồn tại tương ứng với quyền của bên còn lại: bên bán giao hàng để nhận thanh toán, còn bên mua thanh toán để nhận hàng hóa và lợi ích kinh tế từ hàng hóa đó. Chính mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nghĩa vụ làm cho việc thực hiện HĐMBHH mang tính tương hỗ cao. Khi tranh chấp phát sinh, Tòa án không chỉ xem xét có hay không hành vi vi phạm mà còn phải xác định bên nào có nghĩa vụ thực hiện trước, mức độ vi phạm ra sao và hành vi vi phạm đó có làm phát sinh quyền tạm ngừng, đình chỉ hoặc từ chối thực hiện nghĩa vụ đối ứng của bên kia hay không. Tính song vụ của HĐMBHH là cơ sở để bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong giao lưu thương mại, đồng thời tạo nền tảng cho việc áp dụng các chế tài thương mại khi hợp đồng bị vi phạm⁴.

Thứ hai, HĐMBHH gắn trực tiếp với quá trình lưu thông hàng hóa trên thị trường nên yếu tố thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong hoạt động thương mại, giá trị của hàng hóa không chỉ phụ thuộc vào bản thân hàng hóa mà còn gắn với thời điểm giao hàng, khả năng đưa vào sản xuất hoặc tiêu thụ và nhu cầu thị trường tại từng thời kỳ. Chậm giao hàng hoặc chậm thanh toán có thể làm gián đoạn kế hoạch sản xuất, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của bên còn lại. Đối với hàng hóa có tính mùa vụ, nông sản hoặc nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, sự chậm trễ còn có thể dẫn đến giảm chất lượng, mất giá trị sử dụng hoặc phát sinh thêm chi phí lưu kho, vận chuyển và bảo quản. Vì vậy, thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong HĐMBHH thường được xem là yếu tố gắn chặt với mục đích thương mại của giao dịch và có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả kinh doanh của các bên.

Thứ ba, HĐMBHH có tính chứng từ rất cao. Quá trình giao kết và thực hiện HĐMBHH thường để lại nhiều dấu vết pháp lý dưới dạng đơn đặt hàng, hợp đồng, phụ lục hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn, chứng từ thanh toán, đối chiếu công nợ hoặc dữ liệu điện tử. Những tài liệu này không chỉ phản ánh nội dung giao dịch mà còn là căn cứ quan trọng để chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ khi

⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo*, Nxb. Công an nhân dân, 2012

tranh chấp phát sinh. Trong thực tiễn xét xử, lời trình bày của đương sự chỉ có giá trị khi được đối chiếu với hệ thống chứng cứ khách quan được hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng. Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử và giao dịch trực tuyến, email, tin nhắn, dữ liệu điện tử và lịch sử giao dịch trên nền tảng số ngày càng được Tòa án xem xét như nguồn chứng cứ quan trọng để xác định sự tồn tại và nội dung của HĐMBHH.

Thứ tư, HĐMBHH thường chịu ảnh hưởng đáng kể của tập quán và thông lệ thương mại. Trong nhiều lĩnh vực kinh doanh, các bên không phải lúc nào cũng ghi nhận đầy đủ mọi điều khoản trong văn bản hợp đồng mà có thể mặc nhiên áp dụng tập quán giao dịch đã hình thành giữa họ hoặc trong ngành nghề cụ thể. Chẳng hạn, cách xác định chất lượng hàng hóa, thời hạn kiểm tra hàng, quy cách đóng gói, phương thức giao nhận hoặc cách tính lãi chậm thanh toán có thể được hiểu dựa trên thói quen thương mại thay vì được quy định chi tiết trong hợp đồng. Điều này làm cho việc giải thích HĐMBHH trong tranh chấp thương mại không thể chỉ dừng ở câu chữ mà còn phải đặt trong bối cảnh giao dịch thực tế và tập quán thương mại liên quan. Tập quán và thông lệ thương mại vì vậy không chỉ có vai trò hỗ trợ cho ý chí của các bên mà còn góp phần tăng tính linh hoạt, ổn định và khả năng thích ứng của quan hệ thương mại trong nền kinh tế thị trường⁵.

1.1.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hóa

Việc phân loại HĐMBHH có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu và giải quyết tranh chấp, bởi mỗi loại hợp đồng phản ánh một cấu trúc giao dịch, cơ chế thực hiện nghĩa vụ và mức độ rủi ro pháp lý khác nhau. Trong thực tiễn xét xử, tranh chấp không chỉ phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ đơn lẻ mà còn chịu ảnh hưởng bởi tính chất của từng loại HĐMBHH, đặc điểm hàng hóa, phương thức giao dịch và bối cảnh thương mại cụ thể. Vì vậy, phân loại HĐMBHH không đơn thuần mang ý nghĩa lý luận mà còn giúp nhận diện đúng bản chất tranh chấp, xác định nghĩa vụ chứng minh và lựa chọn hướng áp dụng pháp luật phù hợp⁶.

Theo phạm vi lãnh thổ, có thể phân biệt HĐMBHH trong nước và HĐMBHH quốc tế. HĐMBHH trong nước chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và pháp luật tố tụng Việt Nam; trong khi

⁵ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam*, tập I, Nxb. Công an nhân dân

⁶ United Nations, *United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, 1980, https://uncitral.un.org/en/texts/salegoods/conventions/sale_of_goods/cisg

HĐMBHH quốc tế còn chịu tác động của điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và cơ chế xung đột pháp luật. Mặc dù đề án này tập trung nghiên cứu tranh chấp phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hóa trong nước được giải quyết tại Tòa án Việt Nam, việc tham khảo một số chuẩn mực quốc tế vẫn có ý nghĩa cần thiết nhằm làm rõ các vấn đề lý luận về nghĩa vụ giao hàng, sự phù hợp của hàng hóa, chuyển rủi ro và biện pháp khắc phục khi hợp đồng bị vi phạm. Trong bối cảnh thương mại hiện đại, ranh giới giữa giao dịch nội địa và giao dịch có yếu tố quốc tế ngày càng trở nên linh hoạt, khiến việc tiếp cận các chuẩn mực quốc tế trở thành yêu cầu cần thiết trong nghiên cứu pháp lý.

Theo thời điểm và phương thức thực hiện nghĩa vụ, có thể phân biệt HĐMBHH giao ngay, HĐMBHH giao hàng nhiều lần và HĐMBHH theo thời hạn. Mỗi loại HĐMBHH làm phát sinh những dạng tranh chấp đặc thù. Đối với HĐMBHH giao hàng nhiều lần, vấn đề thường đặt ra là liệu vi phạm trong một lần giao hàng có đủ làm mất mục đích của toàn bộ hợp đồng hay không. Trong khi đó, đối với HĐMBHH theo thời hạn, tranh chấp thường xoay quanh việc chậm giao hàng, chậm thanh toán, tính lãi chậm trả hoặc xác định hậu quả của việc kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ. Điều này cho thấy yếu tố thời gian trong HĐMBHH không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật mà còn gắn trực tiếp với lợi ích kinh doanh và khả năng duy trì ổn định của hoạt động thương mại.

Theo đối tượng hàng hóa, HĐMBHH cũng có thể được phân thành nhiều nhóm khác nhau như hàng hóa thông thường, hàng hóa cần điều kiện bảo quản đặc biệt, hàng hóa theo mẫu, nông sản, máy móc thiết bị hoặc vật liệu xây dựng. Mỗi loại hàng hóa đặt ra những yêu cầu riêng về tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện bảo quản, phương thức kiểm tra và chứng minh tình trạng hàng hóa khi giao nhận. Đối với địa bàn tỉnh Lâm Đồng, nơi hoạt động sản xuất nông nghiệp và kinh doanh vật tư nông nghiệp phát triển mạnh, các tranh chấp liên quan đến chất lượng nông sản, thời vụ, bảo quản hàng hóa và xác định tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận xuất hiện tương đối phổ biến. Chính đặc điểm này làm cho việc thu thập chứng cứ kỹ thuật, chứng cứ giao nhận và xác định lỗi trong quá trình bảo quản trở thành vấn đề có ý nghĩa đặc biệt trong thực tiễn xét xử.

Ngoài ra, HĐMBHH còn có thể được phân loại theo chủ thể tham gia giao dịch như hợp đồng giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với hộ kinh doanh,

hợp tác xã với thương nhân hoặc cá nhân kinh doanh với nhau. Sự khác biệt về quy mô, mức độ chuyên nghiệp và khả năng quản trị pháp lý của các chủ thể ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức giao kết hợp đồng, lưu giữ chứng cứ và xử lý rủi ro pháp lý. Trong nhiều trường hợp, tranh chấp không phát sinh từ nội dung hợp đồng quá phức tạp mà xuất phát từ việc hợp đồng được lập sơ sài, thiếu điều khoản quan trọng hoặc không có cơ chế kiểm soát chứng cứ đầy đủ. Vì vậy, việc phân loại HĐMBHH theo chủ thể không chỉ giúp nhận diện đặc điểm giao dịch mà còn có ý nghĩa trong việc đánh giá khả năng chứng minh và bảo vệ quyền lợi của các bên khi tranh chấp được giải quyết tại Tòa án.

1.1.4. Vai trò của hợp đồng mua bán hàng hóa trong hoạt động thương mại

HĐMBHH giữ vị trí trung tâm trong hoạt động thương mại hiện đại, đóng vai trò là công cụ pháp lý quan trọng để tổ chức và điều phối quá trình lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường. Trong bối cảnh các quan hệ trao đổi ngày càng đa dạng, phức tạp và chịu tác động mạnh mẽ của yếu tố thị trường, hợp đồng trở thành cơ chế chủ yếu để xác lập, ghi nhận và điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể kinh doanh. Thông qua hợp đồng, các bên không chỉ thể hiện ý chí tự do thỏa thuận mà còn thiết lập một khuôn khổ pháp lý cụ thể, trong đó quyền và nghĩa vụ được xác định rõ ràng, minh bạch và có thể kiểm chứng.

Trước hết, HĐMBHH là công cụ tổ chức quá trình lưu thông hàng hóa một cách hiệu quả và có trật tự. Nếu trong các hình thức trao đổi truyền thống, sự giao kết có thể dựa trên sự tin cậy hoặc thỏa thuận miệng, thì trong thương mại hiện đại, hợp đồng đóng vai trò “chuẩn hóa” các giao dịch. Việc xác lập hợp đồng giúp các bên chuyển hóa sự tin tưởng mang tính xã hội thành cam kết pháp lý có giá trị ràng buộc. Từ đó, quan hệ thương mại được vận hành trên cơ sở ổn định, hạn chế tình trạng tùy tiện trong thực hiện nghĩa vụ.

Bên cạnh vai trò tổ chức, hợp đồng còn là công cụ quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Thông qua các điều khoản về chất lượng hàng hóa, số lượng, thời hạn và địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán, điều kiện nghiệm thu, cũng như các chế tài như phạt vi phạm, lãi chậm trả và bồi thường thiệt hại, các bên đã dự liệu trước các tình huống có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Cơ chế này cho phép phân bổ rủi ro một cách hợp lý, đồng thời tạo áp lực pháp lý để các bên tuân thủ cam

kết. Nhờ đó, hợp đồng không chỉ giảm thiểu khả năng tranh chấp mà còn giúp tranh chấp, nếu xảy ra, được giải quyết nhanh chóng và có căn cứ rõ ràng.

Đối với hoạt động xét xử của Tòa án, HĐMBHH đóng vai trò là nguồn chứng cứ và là điểm khởi đầu để xác định bản chất pháp lý của tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thực chất là quá trình xác định nội dung thỏa thuận giữa các bên, làm rõ nghĩa vụ phát sinh, mức độ thực hiện nghĩa vụ, hành vi vi phạm và hậu quả pháp lý tương ứng. Do đó, chất lượng của hợp đồng tính rõ ràng, đầy đủ và chặt chẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chứng minh và hiệu quả xét xử, đồng thời góp phần bảo đảm tính công bằng và khách quan của phán quyết.

Ở góc độ kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các địa phương có hoạt động thương mại hàng hóa phát triển đa dạng như Lâm Đồng, HĐMBHH còn có vai trò định hướng hành vi ứng xử thương mại của các chủ thể. Những hợp đồng được soạn thảo rõ ràng, thực hiện nghiêm túc và được cơ quan tài phán bảo vệ hiệu quả sẽ góp phần hình thành môi trường kinh doanh minh bạch, chuyên nghiệp. Đồng thời, điều này cũng thúc đẩy sự thay đổi trong thói quen giao dịch, giảm dần các hình thức thỏa thuận miệng hoặc giao dịch dựa trên quan hệ quen biết, qua đó nâng cao tính an toàn pháp lý và tính bền vững của các quan hệ thương mại.

1.2. Khái quát về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Dựa trên các đặc điểm của HĐMBHH, chúng tôi cho rằng tranh chấp HĐMBHH là những mâu thuẫn, bất đồng về ý chí giữa các bên liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã cam kết. Theo đó, tranh chấp HĐMBHH trong thực tiễn thường phát sinh ở các giai đoạn thực hiện hợp đồng, gồm các hình thức, biểu hiện như: 1) *Vi phạm nghĩa vụ thanh toán*: như tranh chấp về mức lãi suất chậm trả theo Điều 306 Luật Thương mại. 2) *Vi phạm về giao nhận và chất lượng hàng hóa*: Bên bán giao hàng chậm, giao thiếu số lượng hoặc giao hàng bị lỗi, không đúng chủng loại. 3) *Tranh chấp về chế tài và bồi thường*: Liên quan đến việc xác định mức phạt vi phạm (không quá 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm) và chứng minh thiệt hại thực tế để yêu cầu bồi thường. 4) *Lãi chậm trả và các khoản phí*: Xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán để tính lãi chậm trả. Sự bất đồng này có thể biểu hiện ở việc bên bán yêu cầu bên mua thanh toán tiền hàng, lãi chậm trả, phạt vi phạm hoặc bồi thường thiệt hại; bên mua yêu cầu bên bán giao hàng, đổi trả hàng, giảm giá, bồi thường thiệt hại hoặc phản đối nghĩa vụ

thanh toán do cho rằng hàng hóa không đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn hoặc mục đích sử dụng đã thỏa thuận.

Tranh chấp HĐMBHH trước hết là một dạng cụ thể của tranh chấp hợp đồng thương mại. Pháp luật hiện hành không đưa ra một khái niệm chung về tranh chấp hợp đồng; tuy nhiên, từ thực tiễn phát sinh tranh chấp, có thể hiểu tranh chấp hợp đồng là sự mâu thuẫn, bất đồng giữa các bên trong quan hệ hợp đồng liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với hợp đồng thương mại, tranh chấp còn có đặc điểm là phát sinh trực tiếp từ quan hệ hợp đồng thương mại, mang yếu tố tài sản, gắn với lợi ích kinh doanh và thuộc quyền tự định đoạt của các bên⁷. Như vậy, tranh chấp HĐMBHH vừa mang bản chất chung của tranh chấp hợp đồng, vừa có đặc thù riêng do đối tượng của hợp đồng là hàng hóa và nghĩa vụ trung tâm của các bên là giao hàng, nhận hàng, chuyển quyền sở hữu và thanh toán.

Điểm cần nhấn mạnh là tranh chấp HĐMBHH không chỉ là sự vi phạm nghĩa vụ một cách đơn giản, mà còn là sự đổ vỡ của kỳ vọng hợp pháp được các bên thiết lập khi giao kết hợp đồng. Khi tham gia HĐMBHH, bên bán kỳ vọng nhận được khoản thanh toán tương ứng với hàng hóa đã giao; bên mua kỳ vọng nhận được hàng hóa đúng thỏa thuận để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, phân phối hoặc tiêu dùng trong hoạt động thương mại. Khi một trong các kỳ vọng này không được đáp ứng, mâu thuẫn lợi ích xuất hiện. Vì vậy, tranh chấp không chỉ là xung đột về tiền hoặc hàng hóa, mà còn là xung đột về cách hiểu hợp đồng, cách đánh giá mức độ thực hiện nghĩa vụ, cách xác định lỗi, thiệt hại và hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm.

Từ góc độ cấu trúc pháp lý, tranh chấp HĐMBHH có thể phát sinh ở nhiều tầng nấc khác nhau. Tầng thứ nhất là tranh chấp về sự tồn tại của HĐMBHH. Dạng tranh chấp này thường xuất hiện khi các bên giao dịch bằng lời nói, qua tin nhắn, email, mạng xã hội, đơn đặt hàng, phiếu giao nhận hoặc hành vi thực tế mà không lập văn bản hợp đồng đầy đủ. Trong bối cảnh giao dịch thương mại ngày càng được thực hiện qua phương tiện điện tử và mạng xã hội, vấn đề hình thức hợp đồng, thời điểm giao kết, thời điểm có hiệu lực và khả năng sử dụng dữ liệu điện tử làm chứng cứ trở nên phức tạp hơn. Trương Vĩnh Xuân khi nghiên cứu về hình thức HĐMBHH thông qua mạng xã hội đã chỉ ra rằng giao kết hợp đồng qua mạng xã hội tạo thuận lợi cho hoạt

⁷ Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19*, Tạp chí Công Thương, 02/6/2022, <https://tapchicongthuong.vn/giai-quyet-tranh-chap-hop-dong-thuong-mai-theo-phap-luat-viet-nam-trong-boi-canhh-dai-dich-covid-19-89044.htm>

động thương mại nhưng cũng đặt ra những vấn đề pháp lý về cách xác định hình thức hợp đồng, thời điểm giao kết và giá trị chứng cứ của thông tin trao đổi trên nền tảng số⁸. Vì vậy, trong thực tiễn hiện đại, tranh chấp HĐMBHH đôi khi không bắt đầu từ câu hỏi bên nào vi phạm nghĩa vụ giao hàng hoặc thanh toán, mà bắt đầu từ câu hỏi nền tảng hơn: giữa các bên đã tồn tại một hợp đồng có giá trị ràng buộc hay chưa.

Tầng thứ hai là tranh chấp về nội dung và cách giải thích HĐMBHH. Trong nhiều trường hợp, các bên đều thừa nhận có giao dịch mua bán hàng hóa nhưng bất đồng về nội dung cam kết, chẳng hạn tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, thời hạn thanh toán, địa điểm giao hàng, trách nhiệm vận chuyển, thời hạn khiếu nại, điều kiện bảo hành, mức phạt vi phạm hoặc phương pháp tính lãi chậm trả. Đây là dạng tranh chấp phổ biến vì HĐMBHH trong thực tiễn, nhất là giữa doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã hoặc cá nhân kinh doanh, thường được lập ngắn gọn, thiếu điều khoản chi tiết hoặc sử dụng mẫu hợp đồng sơ sài. Khi hợp đồng không dự liệu rõ các tình huống phát sinh, Tòa án phải giải thích ý chí của các bên thông qua toàn bộ quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng và hệ thống chứng cứ liên quan.

Tầng thứ ba là tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Đây là dạng tranh chấp điển hình nhất trong HĐMBHH. Đối với bên bán, vi phạm thường thể hiện ở việc không giao hàng, giao hàng chậm, giao thiếu số lượng, giao hàng không đúng chủng loại, chất lượng, quy cách, nguồn gốc hoặc không thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Đối với bên mua, vi phạm thường thể hiện ở việc chậm thanh toán, không thanh toán, từ chối nhận hàng không có căn cứ, không phối hợp kiểm tra hàng hóa hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo khi phát hiện hàng hóa không phù hợp. Việc nhận diện tranh chấp từ góc độ quyền và nghĩa vụ của các bên là cần thiết, bởi quyền và nghĩa vụ của bên bán, bên mua chính là trung tâm của HĐMBHH; khi các nghĩa vụ này không được thực hiện đúng thì tranh chấp về giao hàng, thanh toán, chất lượng hàng hóa, bảo hành và chuyển quyền sở hữu có thể phát sinh⁹.

Tầng thứ tư là tranh chấp về chế tài và hậu quả pháp lý của vi phạm. Sau khi xác định có hành vi vi phạm hợp đồng, các bên vẫn có thể tiếp tục bất đồng về việc áp

⁸ Trương Vĩnh Xuân, *Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh, thương mại thông qua mạng xã hội*, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 31/3/2022, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211012/Hinh-thuc-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-trong-kinh-doanh--thuong-mai-thong-qua-mang-xa-hoi.html>

⁹ Lê Kiên Lương, Hoàn thiện quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại năm 2005, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 15/7/2025, <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-quyen-va-nghia-vu-cua-cac-chu-the-trong-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-theo-luat-thuong-mai-nam-200513745.html>

dụng chế tài nào, mức độ áp dụng ra sao và căn cứ chứng minh thế nào. Trong thực tiễn, các yêu cầu thường gặp gồm buộc thanh toán tiền hàng, tính lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng, hoàn trả hàng hóa hoặc hoàn trả tiền đã nhận. Các nghiên cứu về phạt vi phạm hợp đồng thương mại cho thấy việc áp dụng chế tài này trong thực tiễn không đơn giản, bởi Tòa án phải xác định hợp đồng có hiệu lực hay không, có hành vi vi phạm hay không và các bên có thỏa thuận phạt vi phạm hay không¹⁰. Bên cạnh đó, thực tiễn cũng phát sinh các cách hiểu khác nhau về thời điểm thỏa thuận phạt vi phạm, giới hạn mức phạt và mối quan hệ giữa phạt vi phạm với bồi thường thiệt hại, lãi chậm thanh toán¹¹. [5] Do đó, tranh chấp HĐMBHH không dừng lại ở việc xác định ai đúng, ai sai, mà còn đặt ra yêu cầu xác định đúng loại trách nhiệm pháp lý, căn cứ áp dụng và giới hạn của từng chế tài.

Về bản chất kinh tế, tranh chấp HĐMBHH là tranh chấp tài sản. Đối tượng tranh chấp thường có thể lượng hóa bằng tiền, như giá trị hàng hóa chưa thanh toán, tiền lãi chậm trả, khoản phạt vi phạm, thiệt hại do hàng hóa không đạt chất lượng, chi phí lưu kho, chi phí vận chuyển, chi phí giám định, khoản lợi nhuận bị mất hoặc giá trị hàng hóa phải hoàn trả. Chính tính tài sản này làm cho tranh chấp HĐMBHH gắn rất chặt với chứng cứ kế toán, hóa đơn, phiếu giao nhận, chứng từ ngân hàng, biên bản đối chiếu công nợ, thông báo đòi nợ, dữ liệu điện tử và các tài liệu thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng. Cách tiếp cận này cho phép lý giải vì sao trong tranh chấp HĐMBHH, yêu cầu khởi kiện thường được lượng hóa bằng các khoản tiền cụ thể và việc chứng minh chủ yếu dựa trên hệ thống chứng từ thương mại.

Tuy nhiên, không phải mọi mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thực hiện HĐMBHH đều đương nhiên trở thành tranh chấp pháp lý. Trong hoạt động thương mại, các bên có thể có bất đồng tạm thời về tiến độ giao hàng, chất lượng hàng hóa, thời hạn trả nợ hoặc phương án xử lý công nợ nhưng vẫn tự giải quyết được thông qua thương lượng, gia hạn, giảm giá, đổi trả hàng hoặc đối chiếu công nợ. Chỉ khi mâu thuẫn không thể được giải quyết bằng cơ chế tự thỏa thuận và một bên yêu cầu cơ chế tài phán can thiệp, bất đồng thương mại mới chuyển hóa thành tranh chấp pháp lý theo

¹⁰ Nguyễn Đức Anh, *Phạt vi phạm hợp đồng theo pháp luật thương mại Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 05/5/2021, <https://tapchitoaan.vn/phat-vi-pham-hop-dong-theo-phap-luat-thuong-mai-viet-nam>

¹¹ Lê Thị Tuyết Hà, *Thực tiễn áp dụng pháp luật về chế tài phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 29/4/2026, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/212145/Thuc-tien-ap-dung-phap-luat-ve-che-tai-phat-vi-pham-trong-hop-dong-thuong-mai.html>

nghĩa tố tụng. Vì vậy, nghiên cứu tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án không thể chỉ nhìn vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, mà cần nhìn lại cả giai đoạn trước tố tụng, bao gồm giao kết, thực hiện, giao nhận hàng hóa, xuất hóa đơn, thanh toán, nhắc nợ, khiếu nại chất lượng, thương lượng và đôi chiều công nợ.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm khái quát như sau: *Tranh chấp HĐMBHH là sự bất đồng hoặc xung đột lợi ích giữa các bên trong quan hệ HĐMBHH về sự tồn tại, nội dung, việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm, trong đó yêu cầu của các bên thường gắn với nghĩa vụ giao hàng, nhận hàng, thanh toán, chất lượng hàng hóa, lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.* Khái niệm này cho thấy tranh chấp HĐMBHH vừa mang bản chất chung của tranh chấp hợp đồng thương mại, vừa có đặc thù riêng do đối tượng là hàng hóa, nghĩa vụ trung tâm là giao hàng và thanh toán, chứng cứ chủ yếu là chứng từ thương mại và hậu quả pháp lý thường được lượng hóa bằng tài sản.

1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Thứ nhất, tranh chấp gắn trực tiếp với quan hệ hợp đồng. Đây là đặc điểm nền tảng để phân biệt tranh chấp HĐMBHH với các tranh chấp tài sản hoặc tranh chấp ngoài hợp đồng khác¹². Khi giải quyết tranh chấp, vấn đề đầu tiên cần làm rõ là giữa các bên có tồn tại quan hệ HĐMBHH hay không, quan hệ đó được xác lập bằng hình thức nào, nội dung cam kết cụ thể ra sao và nghĩa vụ nào giữ vị trí trung tâm trong giao dịch. Về lý luận, tranh chấp HĐMBHH không thể được nhận diện chỉ dựa vào tên gọi văn bản mà phải căn cứ vào bản chất của sự trao đổi giữa hàng hóa và tiền. Trường hợp các bên có hợp đồng bằng văn bản, việc xác định quan hệ tranh chấp tương đối thuận lợi hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn thương mại, nhiều giao dịch được thiết lập thông qua đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, hóa đơn, tin nhắn, email hoặc hành vi giao nhận thực tế. Vì vậy, ngay cả khi không có văn bản hợp đồng hoàn chỉnh, quan hệ HĐMBHH vẫn có thể được nhận diện thông qua chuỗi hành vi như bên bán giao hàng, bên mua nhận hàng, xuất hóa đơn, thanh toán một phần hoặc xác nhận công nợ.

Thứ hai, tranh chấp HĐMBHH có tính kinh doanh, thương mại rõ nét. Khác với quan hệ mua bán phục vụ nhu cầu sinh hoạt thông thường, HĐMBHH thường được xác lập nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, phân phối, bán lại, chế biến hoặc sử dụng

¹² ThS. Nguyễn Văn Việt, *Bàn về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*, Tạp chí Công Thương, số 08 -tháng 07/2017, <https://ojs.tapchicongthuong.vn/vi/ojs-post/ban-ve-giai-quyet-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-27320.htm>

hàng hóa trong quá trình sinh lợi. Chính mục đích thương mại này làm cho tranh chấp HĐMBHH không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi tài sản trực tiếp của các bên, mà còn tác động đến dòng tiền, tiến độ kinh doanh, uy tín thương mại và quan hệ khách hàng. Khi bên mua chậm thanh toán, bên bán có thể bị thiếu vốn quay vòng; khi bên bán giao hàng chậm hoặc giao hàng không phù hợp, bên mua có thể bị gián đoạn kế hoạch sản xuất, mất cơ hội kinh doanh hoặc phát sinh trách nhiệm với bên thứ ba. Vì vậy, tranh chấp HĐMBHH thường có tính lan tỏa kinh tế cao hơn so với tranh chấp dân sự thông thường.

Thứ ba, tranh chấp HĐMBHH phụ thuộc rất lớn vào chứng cứ. Trong loại tranh chấp này, lời trình bày của các bên chỉ có giá trị khi được kiểm chứng bằng hệ thống tài liệu khách quan hình thành trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Các chứng cứ thường gặp bao gồm hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn, chứng từ thanh toán, sao kê ngân hàng, biên bản đối chiếu công nợ, email, tin nhắn, dữ liệu điện tử hoặc tài liệu kỹ thuật về hàng hóa. Chất lượng chứng cứ quyết định trực tiếp khả năng chứng minh của mỗi bên. Bên bán muốn yêu cầu thanh toán phải chứng minh việc giao hàng và số tiền còn nợ; bên mua muốn phản đối nghĩa vụ thanh toán do hàng hóa không phù hợp phải chứng minh tình trạng hàng hóa, thời điểm phát hiện khiếm khuyết và việc khiếu nại kịp thời.

Thứ tư, tranh chấp HĐMBHH có thể phát sinh từ cả hành vi vi phạm rõ ràng và khoảng trống trong hợp đồng. Vi phạm rõ ràng thường là không giao hàng, giao thiếu hàng, giao sai chủng loại, chậm giao hàng, không thanh toán hoặc chậm thanh toán. Đây là những trường hợp tương đối dễ nhận diện vì hành vi vi phạm có thể đối chiếu trực tiếp với nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên, nhiều tranh chấp lại phát sinh từ các khoảng trống hợp đồng, như không quy định rõ tiêu chuẩn chất lượng, phương thức kiểm tra hàng hóa, thời hạn thanh toán, điều kiện bảo hành, cách tính lãi chậm trả hoặc cơ chế xử lý khi hàng hóa không phù hợp. Những khoảng trống này làm cho mỗi bên có thể diễn giải hợp đồng theo hướng có lợi cho mình, từ đó làm tăng gánh nặng giải thích và đánh giá chứng cứ khi tranh chấp được đưa ra Tòa án.

1.2.3. Các dạng tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phổ biến

Dạng tranh chấp phổ biến nhất trong HĐMBHH là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán. Đây là dạng tranh chấp thường phát sinh sau khi bên bán đã giao hàng hoặc cho rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, nhưng bên mua không thanh toán, chậm

thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần giá trị hàng hóa. Trong trường hợp này, bên bán thường khởi kiện yêu cầu bên mua thanh toán tiền hàng còn nợ, tiền lãi do chậm thanh toán, đồng thời yêu cầu bên mua chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan. Về phía bên mua, họ có thể thừa nhận đã nhận hàng nhưng không thừa nhận toàn bộ số nợ, cho rằng đã thanh toán một phần, đã đối trừ nghĩa vụ, hoặc cho rằng hàng hóa được giao không đúng thỏa thuận nên chưa có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ. Dạng tranh chấp này cho thấy nghĩa vụ thanh toán không thể xem xét tách rời nghĩa vụ giao hàng, bởi trong HĐMBHH, quyền nhận tiền của bên bán thường gắn với việc đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và điều kiện đã cam kết.

Dạng tranh chấp thứ hai là tranh chấp về chất lượng, số lượng, chủng loại hàng hóa. Đây là dạng tranh chấp phức tạp vì việc xác định vi phạm không chỉ dựa vào lời trình bày của các bên mà còn phải căn cứ vào hợp đồng, phụ lục, mẫu hàng, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn chất lượng, biên bản giao nhận, kết quả kiểm định hoặc giám định. Bên mua thường cho rằng hàng hóa không phù hợp với thỏa thuận nên yêu cầu đổi hàng, giảm giá, không thanh toán, bồi thường thiệt hại hoặc hủy bỏ hợp đồng. Ngược lại, bên bán có thể cho rằng hàng hóa đã được giao đúng thỏa thuận, bên mua đã kiểm tra và nhận hàng, hoặc khiếu nại của bên mua không được đưa ra trong thời hạn hợp lý. Do đó, vấn đề trọng tâm của dạng tranh chấp này là xác định tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận, trách nhiệm kiểm tra của bên mua, nghĩa vụ thông báo khi phát hiện khiếm khuyết và khả năng khắc phục của bên bán.

Dạng tranh chấp thứ ba là tranh chấp về giao hàng và nhận hàng. Tranh chấp này thường xoay quanh việc bên bán có giao hàng đúng thời hạn, đúng địa điểm, đúng số lượng, đúng phương thức và kèm theo đầy đủ chứng từ hay không. Trong nhiều trường hợp, bên bán cho rằng đã chuẩn bị hoặc đã giao hàng nhưng bên mua không nhận, chậm nhận hoặc từ chối nhận hàng không có căn cứ. Ngược lại, bên mua có thể cho rằng bên bán giao hàng chậm, giao sai địa điểm, giao thiếu chứng từ hoặc giao hàng không đáp ứng điều kiện sử dụng. Đối với hàng hóa có tính thời vụ, hàng nông sản, vật tư sản xuất hoặc hàng hóa phục vụ tiến độ công trình, việc chậm giao hoặc chậm nhận trong một thời gian ngắn cũng có thể làm phát sinh thiệt hại đáng kể.

Dạng tranh chấp thứ tư là tranh chấp về chế tài do vi phạm HĐMBHH. Khi một bên cho rằng bên kia vi phạm hợp đồng, các yêu cầu thường được đưa ra bao gồm phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng,

hoàn trả tiền hoặc hàng hóa, tính lãi chậm trả. Trong thực tiễn, dạng tranh chấp này thường phức tạp vì các bên dễ nhầm lẫn giữa phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và lãi chậm thanh toán. Phạt vi phạm thường phụ thuộc vào thỏa thuận trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại đòi hỏi phải chứng minh thiệt hại thực tế và quan hệ nhân quả; còn lãi chậm trả gắn với nghĩa vụ thanh toán bị chậm thực hiện. Vì vậy, khi giải quyết dạng tranh chấp này, Tòa án phải xác định rõ căn cứ phát sinh trách nhiệm, loại chế tài được yêu cầu và giới hạn áp dụng đối với từng chế tài.

1.2.4. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Nguyên nhân đầu tiên là HĐMBHH được soạn thảo sơ sài, thiếu các điều khoản cần thiết để điều chỉnh đầy đủ quá trình thực hiện hợp đồng. Trong thực tiễn thương mại, nhiều hợp đồng chỉ ghi nhận những nội dung cơ bản như tên hàng hóa, số lượng, đơn giá và tổng giá trị hợp đồng, nhưng không quy định rõ tiêu chuẩn chất lượng, quy cách hàng hóa, phương thức giao nhận, thời hạn kiểm tra, điều kiện nghiệm thu, thời điểm chuyển rủi ro, phương thức thanh toán, lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và cơ quan giải quyết tranh chấp. Khi quan hệ giữa các bên diễn ra thuận lợi, sự thiếu chặt chẽ này có thể chưa bộc lộ hậu quả. Tuy nhiên, khi phát sinh vi phạm hoặc bất đồng lợi ích, mỗi bên có xu hướng giải thích hợp đồng theo hướng có lợi cho mình. Bên bán có thể cho rằng mình đã giao đúng hàng hóa theo thỏa thuận, trong khi bên mua lại cho rằng hàng hóa không đạt chất lượng hoặc không phù hợp với mục đích sử dụng. Chính sự thiếu rõ ràng trong hợp đồng làm tăng nguy cơ tranh chấp và gây khó khăn cho Tòa án khi xác định nội dung cam kết thực sự của các bên.

Nguyên nhân thứ hai là quá trình thực hiện HĐMBHH thiếu chứng cứ hoặc chứng cứ không đầy đủ, không chặt chẽ. Một số giao dịch mua bán hàng hóa được thực hiện chủ yếu dựa trên sự quen biết, tin cậy hoặc thỏa thuận miệng; việc đặt hàng, giao hàng, xác nhận công nợ có thể chỉ thông qua điện thoại, tin nhắn, giấy giao hàng đơn giản hoặc sổ ghi nợ nội bộ. Có trường hợp phiếu giao hàng không ghi rõ người nhận, không có chữ ký của người có thẩm quyền, không thể hiện rõ số lượng và chủng loại hàng hóa; việc thanh toán bằng tiền mặt không có phiếu thu, biên nhận hoặc chứng từ kế toán; việc đổi trả hàng hóa hoặc khiếu nại về chất lượng không được lập thành biên bản. Khi tranh chấp phát sinh, các bên khó chứng minh chính xác nghĩa vụ đã thực hiện hoặc chưa thực hiện. Điều này làm cho vụ án kéo dài, phụ thuộc nhiều

vào việc Tòa án đánh giá chuỗi chứng cứ gián tiếp như hóa đơn, sao kê, tin nhắn, email, lời khai và quá trình đối chiếu công nợ.

Nguyên nhân thứ ba là sự biến động của thị trường và điều kiện khách quan trong hoạt động thương mại. Giá hàng hóa, chi phí vận chuyển, nhu cầu tiêu thụ, nguồn cung, thời tiết, dịch bệnh và yếu tố mùa vụ có thể thay đổi nhanh chóng, đặc biệt đối với nông sản, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng hoặc hàng hóa phục vụ sản xuất. Khi giá thị trường tăng, bên bán có thể không muốn tiếp tục giao hàng theo mức giá đã thỏa thuận trước đó; khi giá giảm hoặc hàng hóa khó tiêu thụ, bên mua có thể chậm nhận hàng, chậm thanh toán hoặc viện dẫn lý do hàng hóa không đạt chất lượng để giảm nghĩa vụ. Đối với hàng hóa có tính thời vụ, chỉ cần chậm giao hoặc chậm nhận trong một thời gian ngắn cũng có thể làm mất cơ hội kinh doanh, giảm giá trị hàng hóa hoặc phát sinh thêm chi phí bảo quản, vận chuyển, lưu kho.

Nguyên nhân thứ tư là ý thức pháp lý và năng lực quản trị hợp đồng của các chủ thể chưa đồng đều. Doanh nghiệp lớn thường có bộ phận kế toán, pháp chế, quy trình kiểm soát hợp đồng và hệ thống lưu trữ chứng từ tương đối đầy đủ. Ngược lại, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc hợp tác xã có thể dựa nhiều vào quan hệ quen biết, tập quán giao dịch và sự tin tưởng, ít chú trọng dự liệu rủi ro pháp lý. Nhiều chủ thể chỉ quan tâm đến giá cả và việc giao nhận hàng hóa mà chưa quan tâm đúng mức đến điều khoản thanh toán, chứng cứ giao hàng, thời hạn khiếu nại, chế tài vi phạm và phương thức giải quyết tranh chấp. Vì vậy, nguyên nhân phát sinh tranh chấp HĐMBHH không chỉ nằm ở hành vi vi phạm cụ thể, mà còn bắt nguồn từ hạn chế trong tư duy pháp lý và năng lực phòng ngừa rủi ro của các bên ngay từ giai đoạn giao kết và thực hiện hợp đồng.

1.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

1.3.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

Giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là hoạt động tài phán do cơ quan xét xử của Nhà nước thực hiện nhằm xem xét, đánh giá và kết luận về những bất đồng phát sinh giữa các bên trong quan hệ HĐMBHH; từ đó xác định sự tồn tại của hợp đồng, nội dung quyền và nghĩa vụ của các bên, hành vi vi phạm, mức độ vi phạm và hậu quả pháp lý tương ứng. Bản chất quyền lực nhà nước của phương thức giải quyết tranh chấp này được minh chứng qua trình tự tổ tụng luật định chặt chẽ và hệ thống bản án, quyết định có tính cưỡng chế thi hành cao. Không chỉ giới hạn ở chức năng

bảo vệ quyền tư hữu và lợi ích hợp đồng của các bên, tòa án chính là công cụ tối hậu bảo đảm sự thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - thương mại. Một nghiên cứu về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại của Tòa án đã nhấn mạnh rằng Tòa án là một trong những công cụ để Nhà nước quản lý trật tự xã hội, trong đó có trật tự kinh tế; việc xác định đúng thẩm quyền của Tòa án có ý nghĩa quan trọng trong bảo đảm xét xử kịp thời, giảm thời gian và chi phí tố tụng cho các bên¹³.

Về bản chất, giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là quá trình chuyên hóa một xung đột lợi ích thương mại thành một vụ án được xử lý bằng thủ tục tố tụng. Khi các bên còn khả năng tự thỏa thuận, tranh chấp có thể được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải hoặc phương thức khác do các bên lựa chọn. Tuy nhiên, khi một bên không thiện chí, không hợp tác hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ, việc khởi kiện tại Tòa án trở thành cơ chế bảo vệ quyền có tính cưỡng chế cao hơn. Trong quá trình này, Tòa án không tự mình tạo ra quyền, nghĩa vụ mới cho các bên, mà xác định lại quyền, nghĩa vụ đã phát sinh từ HĐMBHH trên cơ sở hợp đồng, chứng cứ và quy định pháp luật có liên quan. Nói cách khác, Tòa án làm rõ “sự thật pháp lý” của tranh chấp: có hợp đồng hay không, hợp đồng có hiệu lực hay không, bên nào đã thực hiện nghĩa vụ, bên nào vi phạm và vi phạm đó làm phát sinh hậu quả pháp lý nào.

Dưới góc độ lý luận hợp đồng, Tòa án không thay các bên quyết định lợi ích kinh doanh, cũng không sửa lại hợp đồng theo ý chí chủ quan của cơ quan xét xử. Vai trò trung tâm của Tòa án là tái dựng quan hệ pháp lý từ hệ thống chứng cứ và giải thích cam kết trong giới hạn pháp luật. Đối với tranh chấp HĐMBHH, yêu cầu này càng có ý nghĩa vì nhiều giao dịch thương mại không được lập thành văn bản đầy đủ mà được chứng minh thông qua đơn đặt hàng, phiếu giao nhận, hóa đơn, chứng từ thanh toán, sao kê ngân hàng, email, tin nhắn hoặc biên bản đối chiếu công nợ. Do đó, việc xác định đúng bản chất tranh chấp là dân sự hay kinh doanh, thương mại có ý nghĩa nền tảng. Thực tiễn Tòa án còn có những cách hiểu khác nhau khi xác định quan hệ tranh chấp, đặc biệt trong trường hợp các bên có hoạt động sinh lợi nhưng tư cách đăng ký kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh không rõ ràng¹⁴. Điều này cho thấy giải quyết

¹³ Nguyễn Thị Thu Thủy, *Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án đáp ứng yêu cầu hiện nay*, Tạp chí Công Thương, <https://ojs.tapchicongthuong.vn/vi/ojs-post/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-tham-quyen-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-cua-toa-an-dap-ung-yeu-cau-hien-nay-105032.htm>

¹⁴ Trần Văn Biên, *Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng thương mại*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 06/3/2020, <https://tapchitoaan.vn/index.php/trach-nhiem-phap-ly-khi-vi-pham-hop-dong-thuong-mai>

tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án không chỉ là áp dụng điều luật về mua bán hàng hóa, mà trước hết còn là hoạt động nhận diện đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Hoạt động giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án luôn bao gồm hai phương diện gắn bó với nhau: phương diện nội dung và phương diện tố tụng. Về phương diện nội dung, Tòa án phải xác định HĐMBHH có tồn tại hay không; bên bán đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn hay chưa; bên mua đã nhận hàng và thanh toán đúng cam kết hay chưa; có căn cứ áp dụng lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng hay không. Chế tài là công cụ để cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp, nhằm bảo đảm hiệu lực hợp đồng và bảo vệ lợi ích của bên bị vi phạm. Nhận định này có ý nghĩa quan trọng đối với tranh chấp HĐMBHH, bởi kết quả giải quyết vụ án không chỉ dừng lại ở việc xác định có vi phạm, mà còn phải lựa chọn đúng hậu quả pháp lý tương ứng với tính chất và mức độ vi phạm.

Về phương diện tố tụng, Tòa án phải xác định thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, nghĩa vụ chứng minh, tính hợp pháp của chứng cứ, thủ tục hòa giải, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và thi hành bản án. Khi khởi kiện, người khởi kiện phải nộp đơn và tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền khởi kiện cũng như yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp; Tòa án chỉ thụ lý khi xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết. Điều này cho thấy giải quyết tranh chấp tại Tòa án không chỉ phụ thuộc vào việc bên khởi kiện có quyền lợi bị xâm phạm hay không, mà còn phụ thuộc vào khả năng tuân thủ điều kiện tố tụng và nghĩa vụ chứng minh.

Bên cạnh xét xử, hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng là một bộ phận quan trọng của cơ chế Tòa án. Trong tranh chấp HĐMBHH, nhiều vụ việc có bản chất là tranh chấp công nợ, tranh chấp giao hàng hoặc tranh chấp chất lượng hàng hóa nên vẫn có khả năng giải quyết bằng thỏa thuận nếu các bên thống nhất được phương án thanh toán, trả nợ dần, giảm lãi, đổi trả hàng hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nghiên cứu về quyền của bị đơn trong thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại chỉ ra rằng hòa giải trong tố tụng dân sự được đặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với thủ tục thông thường, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được¹⁵. Điều này cho thấy Tòa án không chỉ có

¹⁵ Nguyễn Thị Thu Hà, *Quyền của bị đơn trong thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại*, Tạp chí Công Thương, 06/7/2019, <https://tapchicongthuong.vn/quyen-cua-bi-don-trong-thu-tuc-hoa-giai-tranh-chap-kinh-doanh--thuong-mai-63719.htm>

chức năng xét xử theo nghĩa hẹp, mà còn tạo điều kiện để các bên tự định đoạt trong khuôn khổ pháp luật.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát: Giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là hoạt động tài phán của cơ quan xét xử nhằm giải quyết bất đồng phát sinh từ quan hệ HĐMBHH theo trình tự tố tụng, trên cơ sở xác định sự thật pháp lý của vụ án, làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, xác định hành vi vi phạm và áp dụng hậu quả pháp lý tương ứng bằng bản án hoặc quyết định có giá trị bắt buộc thi hành. Khái niệm này cho thấy giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án vừa là cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng, vừa là phương thức bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và sự ổn định của trật tự thương mại.

1.3.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

Thứ nhất, tính quyền lực nhà nước

Giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là phương thức tài phán chính thức, được thực hiện nhân danh quyền lực nhà nước. Phán quyết của Tòa án không phải là sự khuyến nghị hay ý kiến trung gian, mà là bản án, quyết định có giá trị bắt buộc đối với các bên và được bảo đảm thi hành bằng cơ chế cưỡng chế nhà nước. Đây là ưu thế nổi bật của Tòa án so với thương lượng hoặc hòa giải thuận túy, nhất là trong trường hợp một bên không hợp tác, cố tình trì hoãn, không thiện chí hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ. Nhờ tính quyền lực này, Tòa án trở thành cơ chế bảo vệ quyền có hiệu quả đối với bên bị vi phạm trong HĐMBHH.

Thứ hai, tính thủ tục chặt chẽ

Việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án phải tuân theo trình tự tố tụng do pháp luật quy định, từ tiếp nhận đơn khởi kiện, xem xét thụ lý, yêu cầu nộp tạm ứng án phí, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa, tuyên án đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị nếu có. Tính thủ tục giúp bảo đảm quyền tiếp cận công lý, quyền trình bày ý kiến, quyền cung cấp chứng cứ, quyền tranh tụng và quyền yêu cầu xem xét lại bản án của các bên. Tuy nhiên, chính sự chặt chẽ về thủ tục cũng làm cho quá trình giải quyết tranh chấp cần thời gian, đòi hỏi đương sự phải chuẩn bị hồ sơ, chứng cứ đầy đủ và tuân thủ đúng nghĩa vụ tố tụng.

Thứ ba, tính công khai và khả năng kiểm soát

Nguyên tắc xét xử công khai, quyền kháng cáo, kháng nghị và cơ chế công khai bản án góp phần nâng cao tính minh bạch của hoạt động xét xử. Trong lĩnh vực thương mại, tính công khai còn có ý nghĩa định hướng hành vi cho các chủ thể kinh doanh. Thông qua các bản án được lập luận rõ ràng, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể dự đoán cách Tòa án đánh giá chứng cứ, xác định nghĩa vụ thanh toán, xử lý hàng hóa không phù hợp, tính lãi chậm trả hoặc áp dụng chế tài hợp đồng.

 Thứ tư là sự phụ thuộc lớn vào chứng cứ do các bên cung cấp

Trong tranh chấp HĐMBHH, Tòa án không thể tự suy đoán ngoài chứng cứ. Bên yêu cầu thanh toán phải chứng minh việc giao hàng, giá trị hàng hóa và khoản nợ còn lại; bên phản đối nghĩa vụ thanh toán do hàng hóa kém chất lượng phải chứng minh khiếm khuyết, thời điểm phát hiện, việc thông báo khiếu nại và thiệt hại phát sinh. Vì vậy, chất lượng chứng cứ là yếu tố quyết định hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

1.3.3. Vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Tòa án giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH, bởi đây là thiết chế tài phán nhân danh quyền lực nhà nước để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên và bảo đảm sự ổn định của trật tự thương mại. Trong quan hệ HĐMBHH, các bên tham gia hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm về cam kết của mình. Tuy nhiên, khi một bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, sự tự nguyện ban đầu không còn đủ để bảo vệ quyền lợi của bên bị vi phạm. Khi đó, Tòa án trở thành cơ chế có thẩm quyền xác định bên nào vi phạm, vi phạm ở mức độ nào và phải gánh chịu hậu quả pháp lý ra sao.

Trước hết, Tòa án có vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị vi phạm trong HĐMBHH. Khi bên mua chậm thanh toán, không thanh toán tiền hàng hoặc bên bán không giao hàng, giao hàng không đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn, bên bị vi phạm cần một cơ chế pháp lý có khả năng buộc bên kia thực hiện nghĩa vụ. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án có thể buộc bên mua thanh toán tiền hàng, trả lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại; hoặc buộc bên bán giao hàng, đổi trả hàng, hoàn trả tiền, chịu phạt vi phạm hoặc bồi thường nếu có căn cứ. Nếu không có cơ chế tài phán hiệu quả, cam kết hợp đồng sẽ dễ trở thành lời hứa hình thức, bên vi phạm có thể trì

hoãn hoặc né tránh trách nhiệm, còn bên bị vi phạm khó bảo vệ quyền lợi thực tế của mình.

Thứ hai, Tòa án có vai trò duy trì trật tự pháp lý trong hoạt động thương mại. Thị trường không thể vận hành ổn định chỉ dựa vào niềm tin hoặc quan hệ quen biết giữa các chủ thể. Hoạt động thương mại cần một cơ chế bảo đảm rằng cam kết hợp đồng phải được tôn trọng và người vi phạm cam kết phải chịu hậu quả tương xứng. Khi Tòa án giải quyết tranh chấp HĐMBHH đúng pháp luật, công bằng và có khả năng thi hành, phán quyết đó không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bên trong vụ án cụ thể mà còn góp phần củng cố văn hóa tôn trọng hợp đồng. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong môi trường kinh doanh, nơi sự an toàn pháp lý và khả năng dự đoán rủi ro là điều kiện quan trọng để các chủ thể yên tâm giao kết, đầu tư và mở rộng giao dịch.

Thứ ba, Tòa án có vai trò làm rõ và phát triển cách hiểu pháp luật thông qua thực tiễn xét xử. Nhiều quy định pháp luật về HĐMBHH tưởng như rõ ràng nhưng khi áp dụng vào vụ việc cụ thể lại phát sinh khó khăn. Chẳng hạn, việc xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, chứng minh thiệt hại thực tế, phân biệt phạt vi phạm với bồi thường thiệt hại, đánh giá chứng cứ điện tử, xác định thời điểm phát hiện hàng hóa không phù hợp hoặc trách nhiệm của bên mua khi không khiếu nại kịp thời đều là những vấn đề có thể gây tranh luận. Thông qua quá trình giải quyết vụ án, Tòa án góp phần nhận diện các khoảng trống, điểm chưa rõ hoặc bất cập của pháp luật. Những vướng mắc này là cơ sở thực tiễn quan trọng để kiến nghị hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất.

Thứ tư, Tòa án có vai trò phòng ngừa tranh chấp. Một bản án được lập luận rõ ràng về hợp đồng, chứng cứ, nghĩa vụ giao hàng, nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa, lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại sẽ tạo ra giá trị định hướng cho các chủ thể kinh doanh. Khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhận thấy rằng hợp đồng sơ sài, chứng cứ thiếu chặt chẽ hoặc yêu cầu bồi thường không chứng minh được thiệt hại thực tế sẽ khó được Tòa án chấp nhận, họ sẽ có động lực nâng cao chất lượng quản trị hợp đồng ngay từ đầu. Vì vậy, vai trò của Tòa án không chỉ thể hiện ở việc giải quyết tranh chấp đã phát sinh, mà còn ở khả năng thúc đẩy các chủ thể thương mại giao kết và thực hiện HĐMBHH một cách chuyên nghiệp, minh bạch và có trách nhiệm hơn.

Table 1.1. Khái quát sự khác biệt giữa các phương thức giải quyết tranh chấp.

Tiêu chí	Thương lượng	Hòa giải	Trọng tài thương mại	Tòa án Nhân dân
Chủ thể giải quyết	Các bên tự giải quyết với nhau	Bên thứ ba trung gian hòa giải	Hội đồng trọng tài/Trọng tài vụ việc	Cơ quan xét xử của Nhà nước
Tính linh hoạt	Rất cao	Cao	Cao	Theo trình tự tố tụng chặt chẽ
Tính cưỡng chế	Phụ thuộc thiện chí của các bên	Phụ thuộc thỏa thuận của các bên	Có cơ chế công nhận và thi hành	Bắt buộc thi hành bằng quyền lực nhà nước
Phù hợp khi	Còn quan hệ hợp tác	Còn khả năng dung hòa lợi ích	Có thỏa thuận trọng tài thương mại	Cần phán quyết có tính cưỡng chế

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

1.4.1. Chất lượng của hệ thống pháp luật

Chất lượng của hệ thống pháp luật là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Một hệ thống pháp luật rõ ràng, thống nhất, ổn định và có khả năng dự đoán cao sẽ giúp Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp, lựa chọn đúng căn cứ pháp lý và đưa ra phán quyết có sức thuyết phục. Ngược lại, nếu quy định pháp luật thiếu rõ ràng, thiếu liên thông hoặc tồn tại khoảng trống, cùng một tình huống tranh chấp có thể được hiểu và xử lý theo nhiều cách khác nhau, làm giảm tính thống nhất trong xét xử và ảnh hưởng đến niềm tin của các chủ thể kinh doanh.

Trong tranh chấp HĐMBHH, Tòa án không chỉ áp dụng một nhóm quy phạm đơn lẻ mà phải kết hợp nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Pháp luật dân sự cung cấp nền tảng chung về hợp đồng, giao kết, hiệu lực, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ. Pháp luật thương mại điều chỉnh các vấn đề đặc thù của hoạt động mua bán hàng hóa, như giao hàng, thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, lãi chậm trả và các chế tài thương mại. Pháp luật tố tụng dân sự quy định trình tự khởi kiện, thụ lý, chứng cứ, hòa giải, xét xử và kháng cáo. Vì vậy, hiệu quả giải quyết tranh chấp phụ thuộc rất lớn vào mức độ đồng bộ giữa các nhóm quy phạm này.

Chất lượng pháp luật không chỉ được đánh giá ở việc có đầy đủ văn bản điều chỉnh hay không, mà quan trọng hơn là các quy định đó có đủ rõ, đủ cụ thể và đủ khả năng áp dụng trong thực tiễn hay không. Chẳng hạn, đối với lãi chậm trả trong

HĐMBHH, nếu pháp luật không xác định rõ căn cứ tính lãi, thời điểm bắt đầu tính lãi, thời điểm kết thúc tính lãi và phương pháp xác định mức lãi suất, Tòa án có thể gặp khó khăn khi giải quyết yêu cầu của bên bán. Tương tự, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu tiêu chí chứng minh thiệt hại thực tế, quan hệ nhân quả và nghĩa vụ hạn chế tổn thất không được nhận thức thống nhất, việc chấp nhận hoặc bác yêu cầu bồi thường có thể thiếu tính dự đoán.

Trong bối cảnh giao dịch thương mại ngày càng sử dụng nhiều phương tiện điện tử, chất lượng pháp luật về chứng cứ cũng có ý nghĩa đặc biệt. Hóa đơn điện tử, email, tin nhắn, dữ liệu giao dịch, xác nhận công nợ qua nền tảng số hoặc chứng từ thanh toán điện tử ngày càng xuất hiện phổ biến trong tranh chấp HĐMBHH. Nếu pháp luật và thực tiễn áp dụng chưa có tiêu chí rõ ràng về giá trị chứng minh, tính xác thực, tính toàn vẹn và cách thức thu thập các loại chứng cứ này, quá trình giải quyết tranh chấp sẽ gặp nhiều khó khăn.

Do đó, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật không chỉ là sửa đổi từng điều khoản riêng lẻ, mà còn là bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật nội dung, pháp luật tố tụng và pháp luật thi hành án. Một hệ thống pháp luật tốt phải giúp các bên dự liệu được hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm, giúp Tòa án có căn cứ áp dụng thống nhất và giúp bản án có khả năng thi hành hiệu quả. Đây là điều kiện nền tảng để nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án.

1.4.2. Năng lực của người tiến hành tố tụng

Năng lực của người tiến hành tố tụng là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Trong loại tranh chấp này, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án không chỉ cần nắm chắc quy định tố tụng mà còn phải hiểu bản chất của giao dịch thương mại, cấu trúc nghĩa vụ hợp đồng và logic vận hành của hoạt động mua bán hàng hóa. Nếu chỉ tiếp cận vụ án như một quan hệ nợ tiền đơn thuần, người tiến hành tố tụng có thể bỏ qua những vấn đề quan trọng như điều kiện giao hàng, thời điểm chuyển rủi ro, trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, khiếu nại chất lượng, nghĩa vụ thanh toán đối ứng và căn cứ áp dụng chế tài.

Tranh chấp HĐMBHH thường đặt ra nhiều câu hỏi pháp lý đan xen. Tòa án phải xác định có tồn tại HĐMBHH hay không; hợp đồng được xác lập bằng văn bản, bằng lời nói hay bằng hành vi thực tế; bên bán đã giao hàng đúng thỏa thuận chưa; bên mua có căn cứ từ chối nhận hàng hoặc chậm thanh toán hay không; yêu cầu lãi chậm trả,

phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại có đủ điều kiện chấp nhận hay không. Những vấn đề này đòi hỏi người tiến hành tố tụng phải có năng lực phân tích toàn diện, không tách rời từng chứng cứ riêng lẻ khỏi bối cảnh giao dịch chung.

Năng lực chuyên môn của Thẩm phán còn thể hiện ở khả năng đánh giá chứng cứ. Trong tranh chấp HĐMBHH, chứng cứ thường không chỉ là hợp đồng chính mà còn bao gồm hóa đơn, phiếu giao hàng, biên bản nghiệm thu, sao kê ngân hàng, tin nhắn, email, xác nhận công nợ và các tài liệu kỹ thuật về hàng hóa. Các tài liệu này có thể không hoàn hảo, thậm chí mâu thuẫn nhau ở một số chi tiết. Vì vậy, Thẩm phán phải biết đánh giá chứng cứ theo chuỗi, xác định tài liệu nào phản ánh trực tiếp quá trình giao nhận, tài liệu nào chỉ có ý nghĩa hỗ trợ, tài liệu nào cần được đối chiếu thêm. Năng lực này quyết định việc Tòa án có tái dựng đúng sự thật pháp lý của tranh chấp hay không.

Bên cạnh chuyên môn pháp lý, kỹ năng tố tụng cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Một Thẩm phán chuẩn bị hồ sơ tốt sẽ xác định sớm vấn đề cần chứng minh, yêu cầu các bên giao nộp tài liệu cần thiết, làm rõ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và phạm vi tranh chấp. Trong giai đoạn hòa giải, kỹ năng phân tích lợi ích, giải thích rủi ro tố tụng và định hướng phương án thỏa thuận có thể giúp các bên đạt được giải pháp hợp lý, nhất là đối với tranh chấp công nợ hoặc tranh chấp có khả năng tiếp tục quan hệ kinh doanh. Khi vụ án phải đưa ra xét xử, kỹ năng điều hành tranh tụng giúp phiên tòa tập trung vào vấn đề cốt lõi, tránh lan man, bảo đảm quyền trình bày và phản biện của các bên.

Do đó, năng lực của người tiến hành tố tụng không chỉ là điều kiện kỹ thuật của hoạt động xét xử mà còn là yếu tố bảo đảm công bằng thực chất trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH. Một vụ án có thể có cùng hệ thống chứng cứ và cùng căn cứ pháp lý, nhưng kết quả giải quyết sẽ khác nhau tùy thuộc vào khả năng nhận diện đúng bản chất tranh chấp, đánh giá chứng cứ chặt chẽ và áp dụng pháp luật hợp lý của người tiến hành tố tụng.

1.4.3. Ý thức pháp lý và thiện chí của các bên tranh chấp

Ý thức pháp lý và thiện chí của các bên là yếu tố có tính quyết định đối với hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Khác với một số lĩnh vực mà cơ quan nhà nước có thể chủ động thu thập phần lớn thông tin, trong tranh chấp hợp đồng, chính các bên là người nắm giữ tài liệu, chứng cứ và hiểu rõ nhất quá trình giao kết,

thực hiện hợp đồng. Vì vậy, thái độ hợp tác hay không hợp tác của đương sự ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng và khả năng thi hành kết quả giải quyết vụ án.

Ý thức pháp lý trước hết thể hiện ở cách các chủ thể ứng xử trước khi tranh chấp phát sinh. Một chủ thể có ý thức pháp lý tốt thường chú trọng lập hợp đồng rõ ràng, lưu giữ chứng từ giao nhận, sử dụng phương thức thanh toán có thể kiểm chứng, lập biên bản đối chiếu công nợ định kỳ và khiếu nại kịp thời khi phát hiện hàng hóa không phù hợp. Những hành vi này không chỉ giúp phòng ngừa tranh chấp mà còn tạo nền tảng chứng cứ vững chắc nếu tranh chấp phải đưa ra Tòa án. Ngược lại, nếu các bên giao dịch chủ yếu dựa vào quan hệ quen biết, thỏa thuận miệng, thanh toán tiền mặt không chứng từ, giao nhận hàng không biên bản, thì khi tranh chấp phát sinh, việc chứng minh quyền và nghĩa vụ sẽ trở nên khó khăn.

Trong quá trình tố tụng, thiện chí của các bên có ý nghĩa không kém phần quan trọng. Nếu đương sự hợp tác cung cấp tài liệu, tham gia các phiên làm việc, khai báo trung thực, xác nhận đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện và phần còn tranh chấp, Tòa án có điều kiện giải quyết vụ án nhanh và chính xác hơn. Đối với tranh chấp HĐMBHH, nhiều vụ việc có thể được giải quyết thông qua hòa giải nếu các bên cùng nhận thức được lợi ích của việc thỏa thuận. Chẳng hạn, bên mua có thể cam kết trả nợ theo lộ trình; bên bán có thể đồng ý giảm một phần lãi; các bên có thể thỏa thuận đổi trả hàng hóa hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Khi thiện chí còn tồn tại, Tòa án không chỉ là nơi xét xử mà còn là không gian để các bên tái cân bằng lợi ích.

Ngược lại, nếu đương sự cố tình né tránh, thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo, không cung cấp tài liệu, phủ nhận nghĩa vụ một cách thiếu căn cứ hoặc sử dụng tố tụng như công cụ kéo dài thời gian, hiệu quả giải quyết tranh chấp sẽ bị giảm sút. Vụ án có thể phải kéo dài do khó tổng đạt văn bản tố tụng, khó thu thập chứng cứ, khó tổ chức hòa giải hoặc khó thi hành bản án. Trong trường hợp này, ngay cả khi Tòa án ban hành phán quyết đúng pháp luật, việc bảo vệ quyền lợi thực tế của bên thắng kiện vẫn có thể gặp trở ngại.

Vì vậy, ý thức pháp lý và thiện chí của các bên không chỉ là vấn đề đạo đức kinh doanh mà còn là điều kiện thực tế của công lý hợp đồng. Một hệ thống Tòa án hiệu quả cần được hỗ trợ bởi những chủ thể giao dịch có khả năng quản trị hợp đồng, tôn trọng chứng cứ, tôn trọng cam kết và tôn trọng phán quyết. Đây cũng là lý do các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH không thể chỉ hướng đến Tòa

án mà còn phải hướng đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

1.4.4. Chất lượng chứng cứ trong giao dịch mua bán hàng hóa

Trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án, chứng cứ là nền tảng để xác định sự thật pháp lý của vụ án. Tòa án không thể giải quyết tranh chấp chỉ dựa trên suy đoán, cảm tính hoặc lời trình bày đơn phương của một bên. Mọi yêu cầu về thanh toán, giao hàng, chất lượng hàng hóa, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại hoặc lãi chậm trả đều cần được chứng minh bằng tài liệu, dữ liệu hoặc nguồn chứng cứ hợp pháp. Vì vậy, chất lượng chứng cứ trong giao dịch mua bán hàng hóa ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng bảo vệ quyền lợi của các bên.

Chứng cứ trong HĐMBHH có tính đa dạng. Nó có thể bao gồm hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn, chứng từ thanh toán, sao kê ngân hàng, biên bản đối chiếu công nợ, thư nhắc nợ, thông báo khiếu nại, tài liệu giám định, email, tin nhắn, file ghi âm hoặc dữ liệu điện tử. Trong nhiều trường hợp, không có một tài liệu riêng lẻ nào đủ sức chứng minh toàn bộ sự việc; giá trị chứng minh chỉ hình thành khi các tài liệu được đặt trong một chuỗi liên tục, hợp lý và phù hợp với diễn biến giao dịch.

Vấn đề cốt lõi không chỉ là có chứng cứ hay không, mà là chứng cứ có đáng tin cậy hay không. Một phiếu giao hàng có thể chưa đủ nếu không ghi rõ người nhận, không có chữ ký, không thể hiện số lượng hoặc không liên kết được với hóa đơn. Một tin nhắn xác nhận nợ có thể có giá trị, nhưng cần được đối chiếu với số liệu kế toán, chứng từ giao hàng và quá trình thanh toán. Một khiếu nại về chất lượng hàng hóa có thể không đủ sức thuyết phục nếu bên mua không chứng minh được tình trạng hàng hóa tại thời điểm nhận, thời điểm phát hiện khiếm khuyết và việc thông báo cho bên bán trong thời hạn hợp lý. Do đó, chất lượng chứng cứ phụ thuộc vào tính xác thực, tính liên tục, tính phù hợp và khả năng kiểm chứng của từng tài liệu trong tổng thể hồ sơ.

Chứng cứ yếu làm tăng rủi ro cho cả hai bên. Bên bán có thể không chứng minh được mình đã giao đủ hàng, giao đúng hàng hoặc số tiền còn nợ. Bên mua có thể không chứng minh được hàng hóa có khiếm khuyết, thiệt hại thực tế hoặc lý do chính đáng để chưa thanh toán. Khi chứng cứ không rõ, vụ án dễ kéo dài, phát sinh yêu cầu giám định, đối chất, xác minh hoặc phải đánh giá qua nhiều chứng cứ gián tiếp.

Từ góc độ quản trị rủi ro, quản trị chứng cứ chính là một phần của quản trị hợp đồng. Chủ thể kinh doanh không nên chỉ quan tâm đến giá cả, số lượng và lợi nhuận, mà cần thiết lập quy trình lưu giữ chứng từ, xác nhận giao nhận, đối chiếu công nợ, phản hồi khiếu nại và lưu dữ liệu điện tử. Một hợp đồng tốt nhưng chứng cứ thực hiện hợp đồng yếu vẫn có thể khiến bên có quyền gặp khó khăn khi khởi kiện. Ngược lại, một hệ thống chứng cứ đầy đủ, logic và xác thực sẽ giúp Tòa án giải quyết tranh chấp nhanh hơn, chính xác hơn và làm tăng khả năng thi hành phán quyết.

1.4.5. Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương là yếu tố tác động mạnh đến số lượng, tính chất và mức độ phức tạp của tranh chấp HĐMBHH. HĐMBHH không tồn tại trong khoảng trống pháp lý thuần túy, mà luôn gắn với môi trường kinh tế cụ thể, tập quán giao dịch, cơ cấu ngành nghề, quy mô chủ thể kinh doanh và đặc điểm hàng hóa lưu thông trên thị trường. Vì vậy, khi nghiên cứu hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án, không thể tách rời bối cảnh kinh tế - xã hội nơi tranh chấp phát sinh.

Ở những địa phương có hoạt động sản xuất, phân phối và lưu thông hàng hóa phát triển, số lượng HĐMBHH thường lớn và kéo theo khả năng phát sinh tranh chấp cao hơn. Đối với địa phương có thế mạnh về nông nghiệp hàng hóa, các tranh chấp thường liên quan đến nông sản, cây giống, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì, máy móc phục vụ sản xuất và dịch vụ vận chuyển. Loại hàng hóa này có đặc điểm riêng: chịu tác động của thời tiết, mùa vụ, thời hạn bảo quản, biến động giá và yêu cầu chất lượng. Chỉ một sự chậm trễ trong giao hàng, một sai lệch về chất lượng giống cây trồng hoặc một lô vật tư không đúng tiêu chuẩn cũng có thể làm phát sinh thiệt hại lớn cho bên mua.

Ở những địa phương có du lịch, xây dựng và dịch vụ phát triển, tranh chấp HĐMBHH lại có thể gắn với vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất, máy móc, hàng tiêu dùng, hàng hóa phục vụ nhà hàng, khách sạn hoặc chuỗi phân phối. Với vật liệu xây dựng, thời hạn giao hàng thường gắn với tiến độ công trình; với máy móc thiết bị, tranh chấp có thể liên quan đến tính năng kỹ thuật, bảo hành, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng; với hàng tiêu dùng, vấn đề có thể nằm ở nguồn gốc, chất lượng, hạn sử dụng hoặc khả năng tiêu thụ. Như vậy, đặc điểm kinh tế địa phương làm cho dạng tranh chấp HĐMBHH không giống nhau giữa các vùng, các ngành và các nhóm chủ thể.

Tại Lâm Đồng, yếu tố địa phương càng cần được nhận diện rõ do địa bàn có sự đa dạng về nông nghiệp, du lịch, thương mại, xây dựng và phân phối hàng hóa. Sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, không gian kinh tế của tỉnh rộng hơn, số lượng chủ thể giao dịch có thể lớn hơn, phạm vi giao thương đa dạng hơn và các dạng tranh chấp cũng có khả năng phức tạp hơn. Tranh chấp không chỉ giới hạn ở mua bán nông sản hoặc vật tư nông nghiệp, mà còn có thể mở rộng sang vật liệu xây dựng, máy móc, hàng hóa tiêu dùng, hàng hóa phục vụ du lịch, dịch vụ và logistics.

Điều kiện kinh tế - xã hội còn ảnh hưởng đến năng lực quản trị hợp đồng của các chủ thể. Doanh nghiệp có quy mô lớn thường có quy trình hợp đồng và chứng từ tốt hơn; trong khi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc hợp tác xã nhỏ có thể giao dịch dựa nhiều vào quan hệ quen biết, niềm tin và tập quán địa phương. Điều này làm tăng nguy cơ hợp đồng sơ sài, chứng cứ thiếu, thanh toán không rõ và khiếu nại không đúng thủ tục. Vì vậy, giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án phải gắn với điều kiện cụ thể của địa phương, không thể chỉ dừng ở giải pháp chung về pháp luật hoặc tổ tụng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Việc hệ thống hóa lý luận tại Chương 1 đã làm sáng tỏ bản chất của hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tổ tụng tòa án. Trước tiên, chương này đã giải mã nội hàm của hợp đồng mua bán hàng hóa như một định chế đặc thù, được hình thành từ sự giao thoa ý chí giữa bên mua và bên bán nhằm thực hiện việc dịch chuyển quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. HĐMBHH không chỉ là công cụ chuyển giao tài sản, mà còn là phương tiện tổ chức lưu thông hàng hóa, phân bổ rủi ro, xác lập trật tự lợi ích và tạo cơ sở chứng cứ khi tranh chấp phát sinh.

Trên cơ sở đó, Chương 1 đã phân tích khái niệm, đặc điểm, các dạng tranh chấp và nguyên nhân phát sinh tranh chấp HĐMBHH. Tranh chấp HĐMBHH được nhận diện là sự bất đồng hoặc xung đột lợi ích giữa các bên về sự tồn tại, nội dung, việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng hoặc xử lý hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm. Các tranh chấp này thường gắn với nghĩa vụ thanh toán, giao hàng, chất lượng hàng hóa, lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp không chỉ xuất phát từ hành vi vi phạm cụ thể, mà còn từ hợp đồng sơ sài,

chứng cứ thiếu chặt chẽ, biến động thị trường và hạn chế trong năng lực quản trị hợp đồng của các chủ thể.

Chương 1 cũng làm rõ bản chất của giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Đây là hoạt động tài phán mang tính quyền lực nhà nước, được tiến hành theo trình tự tố tụng chặt chẽ, nhằm xác định sự thật pháp lý của vụ án, làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, xác định hành vi vi phạm và áp dụng hậu quả pháp lý tương ứng. So với thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại, Tòa án có ưu thế nổi bật ở tính cưỡng chế và khả năng bảo đảm thi hành phán quyết, nhưng đồng thời cũng chịu sự ràng buộc bởi thủ tục tố tụng, chứng cứ và nguyên tắc xét xử công khai.

Ngoài ra, Chương 1 đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án, bao gồm chất lượng hệ thống pháp luật, năng lực của người tiến hành tố tụng, ý thức pháp lý và thiện chí của các bên, chất lượng chứng cứ, cũng như điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận này, Chương 2 sẽ tiếp tục phân tích thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng.

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

Trên cơ sở khung lý luận đã xác định ở Chương 1, thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án được phân tích theo năm nhóm nội dung cơ bản: xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án; quyền khởi kiện, thụ lý và điều kiện giải quyết vụ án; chứng cứ và chứng minh; hòa giải, xét xử và phán quyết; chế tài hợp đồng và thi hành bản án. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá pháp luật hiện hành không phải như tập hợp rời rạc các điều luật, mà như một cơ chế pháp lý liên hoàn, bắt đầu từ việc nhận diện tranh chấp, đưa tranh chấp vào tố tụng, làm rõ sự thật pháp lý, áp dụng hậu quả pháp lý và bảo đảm thi hành phán quyết. Chúng ta cần đặc biệt lưu ý sự thay đổi mô hình Tòa án từ ngày 01/7/2025 theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 85/2025/QH15 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15, vì đây là thay đổi trực tiếp tác động đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại nói chung và tranh chấp HĐMBHH nói riêng.

2.1.1. Thực trạng pháp luật về xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Việc xác định đúng tranh chấp HĐMBHH là điểm khởi đầu của toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Luật Thương mại năm 2005 không đưa ra một điều khoản riêng định nghĩa trực tiếp “hợp đồng mua bán hàng hóa”, nhưng đã xác định “mua bán hàng hóa” là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận quy định tại khoản 8 Điều 3. Quy định này là căn cứ quan trọng để nhận diện tranh chấp HĐMBHH thông qua bản chất nghĩa vụ trung tâm của các bên, gồm giao hàng, chuyển quyền sở hữu, nhận hàng và thanh toán.

Trong thực tiễn, việc xác định tranh chấp HĐMBHH không thể chỉ dựa vào tên gọi của văn bản. Có trường hợp hợp đồng mang tên “hợp đồng mua bán”, nhưng nội dung thực chất lại bao gồm nghĩa vụ gia công, lắp đặt, cung ứng dịch vụ kỹ thuật hoặc vận chuyển; ngược lại, cũng có giao dịch không được lập thành văn bản hợp đồng đầy

đủ nhưng vẫn thể hiện quan hệ mua bán thông qua đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, hóa đơn, chứng từ thanh toán, xác nhận công nợ hoặc dữ liệu điện tử. Vì vậy, Tòa án khi giải quyết tranh chấp phải căn cứ vào bản chất quyền và nghĩa vụ thực tế của các bên, chứ không chỉ căn cứ vào hình thức hoặc tên gọi hợp đồng. Đây cũng là điểm mà một số nghiên cứu thực tiễn về giải quyết tranh chấp HĐMBHH đã lưu ý, khi cho rằng việc áp dụng nhằm giữa quan hệ mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại và quan hệ mua bán tài sản theo Bộ luật Dân sự có thể ảnh hưởng đến việc xác định chế tài, thời hiệu, lãi chậm trả và nghĩa vụ chứng minh¹⁶.

Về thẩm quyền theo loại việc, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc nhóm tranh chấp kinh doanh, thương mại¹⁷. Quy định này có ý nghĩa phân biệt tranh chấp HĐMBHH mang tính thương mại với tranh chấp dân sự thông thường về mua bán tài sản. Tuy nhiên, bất cập thường gặp là việc xác định “mục đích lợi nhuận” và tư cách “có đăng ký kinh doanh” không phải lúc nào cũng rõ, nhất là trong các giao dịch có sự tham gia của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hợp tác xã hoặc chủ thể giao dịch không thể hiện đầy đủ thông tin pháp lý trên hợp đồng. Vì vậy, khi xác định tranh chấp, Tòa án phải đánh giá đồng thời tư cách chủ thể, mục đích giao dịch, phương thức thực hiện và mối liên hệ của giao dịch với hoạt động kinh doanh của các bên.

Điểm mới rất quan trọng sau ngày 01/7/2025 là thẩm quyền sơ thẩm không còn được xác định theo mô hình TAND cấp huyện như trước đây vì địa giới hành chính sau sáp nhập đã bỏ đi cấp huyện. Theo Bộ Luật TTDS 2015 (SĐBS 2025 - Luật số 85/2025/QH15), TAND khu vực có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp quy định tại các điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; trong đó có tranh chấp kinh doanh, thương mại theo Điều 30. TAND cấp tỉnh chủ yếu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của TAND khu vực bị kháng cáo, kháng nghị; đồng thời giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND khu vực bị kháng nghị theo quy định. Tòa Kinh tế TAND khu vực có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm các vụ việc về

¹⁶ Nguyễn Văn Độ, *Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật - Đại học Huế, 2022

¹⁷ Điều 30 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

kinh doanh, thương mại, trừ những vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa Sở hữu trí tuệ TAND khu vực¹⁸.

Sự thay đổi này tạo ra cơ sở pháp lý mới, tương đối rõ ràng hơn về phân công thẩm quyền trong hệ thống Tòa án. Tuy nhiên, nó cũng làm phát sinh yêu cầu cập nhật trong nghiên cứu và áp dụng pháp luật. Nếu tiếp tục viết theo mô hình cũ “TAND cấp huyện có thẩm quyền sơ thẩm, TAND cấp tỉnh có thẩm quyền sơ thẩm một số vụ việc”, thì không còn phù hợp với pháp luật hiện hành từ ngày 01/7/2025. Đối với tỉnh Lâm Đồng, vấn đề càng cần được lưu ý vì Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 thành lập TAND tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở hợp nhất TAND tỉnh Lâm Đồng, TAND tỉnh Đắk Nông và TAND tỉnh Bình Thuận; đồng thời thành lập các TAND khu vực và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ. Như vậy, khi phân tích thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng, cần phân biệt bối cảnh trước và sau ngày 01/7/2025, đặc biệt đối với bản án, hồ sơ hoặc số liệu được hình thành trong giai đoạn chuyển tiếp¹⁹.

Một bất cập thực tiễn có thể phát sinh là vấn đề chuyển tiếp thẩm quyền đối với các vụ án đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã hướng dẫn việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các TAND kể từ ngày 01/7/2025, trong đó có nội dung về việc TAND khu vực tiếp nhận và tiếp tục giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền. Quy định này giúp hạn chế khoảng trống pháp lý khi tổ chức lại hệ thống Tòa án, nhưng trong thực tiễn vẫn có thể phát sinh khó khăn về xác định Tòa án kế thừa hồ sơ, địa bàn thẩm quyền theo xã mới, địa chỉ của đương sự sau sắp xếp đơn vị hành chính và cách ghi nhận thông tin Tòa án trong bản án, quyết định²⁰.

Từ những cơ sở trên, thì qua thực tiễn, tác giả cho rằng hệ thống pháp lý hiện tại vẫn chưa thể giải quyết triệt để được các vấn đề nói trên, từ đó cần tạo ra hành lang pháp lý rộng hơn là điều hoàn toàn cần thiết. Ví dụ như cần phải có hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn về việc áp dụng luật, những yếu tố được Tòa án chú trọng và đánh giá cao về mặt chứng cứ, hậu quả pháp lý phải được thấy trước và giải quyết triệt để trong quyết định hoặc bản án của Tòa.

¹⁸ Quang Phúc, *Bộ luật Tổ tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 những quy định về thẩm quyền của các Tòa án*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 13/07/2025, <https://tapchitoaan.vn/bo-luat-to-tung-dan-su-sua-doi-bo-sung-nam-2025-nhung-quy-dinh-ve-tham-quyen-cua-cac-toa-an13743.html>

¹⁹ Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*

²⁰ Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân*

2.1.2. Thực trạng pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

Chứng cứ và chứng minh là nội dung trung tâm trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác²¹. Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp²². Nguồn chứng cứ bao gồm tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử, vật chứng, lời khai, kết luận giám định, biên bản thẩm định tại chỗ và các nguồn khác theo quy định (Điều 94).

Trong tranh chấp HĐMBHH, nghĩa vụ chứng minh được phân bổ theo yêu cầu và sự phản đối của từng bên. Bên bán yêu cầu thanh toán phải chứng minh sự tồn tại của quan hệ mua bán, việc giao hàng, giá trị hàng hóa đã giao, số tiền bên mua đã thanh toán và khoản còn nợ. Bên mua phản đối nghĩa vụ thanh toán do hàng hóa không phù hợp phải chứng minh hàng hóa có khiếm khuyết, khiếm khuyết đó thuộc trách nhiệm của bên bán, việc khiếu nại được thực hiện đúng thời điểm và thiệt hại phát sinh nếu có. Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh hành vi vi phạm, thiệt hại thực tế và quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm với thiệt hại. Cách phân bổ này phù hợp với nguyên tắc ai yêu cầu thì phải chứng minh, đồng thời hạn chế việc Tòa án suy đoán thay cho đương sự.

Chứng cứ trong tranh chấp HĐMBHH thường rất đa dạng. Các tài liệu phổ biến gồm hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu, hóa đơn, chứng từ thanh toán, sao kê ngân hàng, biên bản đối chiếu công nợ, thư nhắc nợ, thông báo khiếu nại, tài liệu kỹ thuật, kết quả kiểm định hoặc giám định. Giá trị chứng minh của các tài liệu này không chỉ nằm ở từng chứng cứ riêng lẻ, mà còn nằm ở sự liên kết giữa chúng trong toàn bộ chuỗi giao dịch. Một hóa đơn có thể hỗ trợ chứng minh việc bán hàng, nhưng nếu đi kèm phiếu giao nhận, sao kê thanh toán và xác nhận công nợ thì giá trị chứng minh mạnh hơn.

²¹ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

²² Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngược lại, phiếu giao hàng không ghi rõ người nhận, không có chữ ký người có thẩm quyền hoặc không gắn được với hóa đơn có thể làm phát sinh tranh luận về việc hàng hóa đã được giao hợp lệ hay chưa.

Đối với chứng cứ điện tử, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (Điều 8,9,11) có ý nghĩa bổ trợ quan trọng. Đạo luật này thiết lập nền tảng pháp lý vững chắc cho giao dịch số thông qua việc thừa nhận hiệu lực pháp lý độc lập của thông điệp dữ liệu, khẳng định hình thức thể hiện điện tử không phải là căn cứ để phủ nhận giá trị của thông tin. Khi đáp ứng điều kiện về khả năng truy cập và sử dụng để tham chiếu, thông điệp dữ liệu được công nhận có giá trị pháp lý tương đương với văn bản truyền thống. Đồng thời, tư cách chứng cứ của thông điệp dữ liệu được ghi nhận trong mối tương quan hệ thống giữa Luật Giao dịch điện tử và pháp luật tố tụng; trong đó, giá trị chứng minh của nguồn chứng cứ này được định lượng dựa trên mức độ tin cậy của quy trình khởi tạo, truyền nhận, lưu trữ, tính toàn vẹn của dữ liệu và cơ chế xác thực chủ thể. Quy định này phù hợp với thực tiễn giao dịch thương mại hiện nay, khi việc đặt hàng, xác nhận công nợ, gửi hóa đơn, thông báo giao hàng hoặc khiếu nại chất lượng thường được thực hiện qua email, tin nhắn, ứng dụng mạng xã hội hoặc phần mềm quản lý bán hàng.

Tuy nhiên, bất cập lớn là pháp luật đã thừa nhận tương đối rộng về nguồn chứng cứ, nhưng việc thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử trong thực tiễn vẫn còn nhiều khó khăn. Chứng cứ điện tử do một bên cung cấp có thể bị phản bác về tính toàn vẹn, nguồn gốc, chủ thể gửi nhận hoặc bối cảnh trao đổi. Nhiều trường hợp tin nhắn bị chụp rời rạc, email không đầy đủ chuỗi trao đổi, file dữ liệu không thể hiện thời điểm khởi tạo, hoặc tài khoản giao dịch không chứng minh được là của người có thẩm quyền đại diện. Một nghiên cứu về chứng cứ điện tử trong tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng chỉ ra rằng chứng cứ điện tử nếu được lưu trữ không đầy đủ, bị đứt quãng hoặc không logic với các chứng cứ khác trong hồ sơ thì giá trị chứng minh sẽ bị hạn chế²³.

Đối với tranh chấp chất lượng hàng hóa, khó khăn chứng minh càng rõ. Luật Thương mại quy định thời hạn khiếu nại về số lượng, chất lượng và các vi phạm khác trong trường hợp các bên không có thỏa thuận (Điều 318 Luật Thương mại năm 2005).

²³ Luật sư Nguyễn Đình Hải, *Chứng cứ điện tử trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại: Lý luận và thực tiễn*, 01/03/2023, <https://lsvn.vn/chung-cu-dien-tu-trong-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-ly-luan-va-thuc-tien-1677596363-a128152.html>

Quy định này giúp tạo khuôn khổ thời gian để bên mua phản ứng khi phát hiện hàng hóa không phù hợp. Tuy nhiên, trong thực tiễn, bên mua thường không lập biên bản kiểm tra hàng hóa ngay khi nhận, không lưu mẫu hàng, không yêu cầu giám định kịp thời hoặc tiếp tục sử dụng hàng hóa sau khi phát hiện khiếm khuyết. Khi tranh chấp phát sinh, việc xác định hàng hóa có khiếm khuyết tại thời điểm giao nhận hay hư hỏng do bảo quản, vận chuyển, sử dụng sau đó trở nên rất khó khăn. Vì vậy, dù pháp luật về chứng cứ đã có cơ sở tương đối đầy đủ, hiệu quả áp dụng vẫn phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị chứng từ của các chủ thể kinh doanh và kỹ năng đánh giá chứng cứ của Tòa án.

2.1.3. Thực trạng pháp luật về hòa giải, xét xử và phán quyết của Tòa án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Hòa giải và xét xử là hai giai đoạn quan trọng trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp HĐMBHH. Đây là cơ chế thể hiện quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự và có ý nghĩa đặc biệt trong tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Trong tranh chấp HĐMBHH, hòa giải có giá trị thực tiễn cao vì nhiều vụ việc thực chất là tranh chấp công nợ, tranh chấp tiến độ giao hàng, tranh chấp đổi trả hàng hóa hoặc bất đồng về chất lượng hàng hóa. Các bên có thể thỏa thuận trả nợ theo lộ trình, giảm một phần lãi chậm trả, đổi hàng, giảm giá, nhận lại hàng, hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Khi hòa giải thành, tranh chấp được giải quyết nhanh hơn, chi phí tố tụng thấp hơn và quan hệ kinh doanh có thể được duy trì. Tuy nhiên, hiệu quả hòa giải phụ thuộc rất lớn vào thiện chí của các bên. Nếu một bên sử dụng hòa giải như công cụ kéo dài thời gian thanh toán hoặc trì hoãn nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, hòa giải có thể làm chậm tiến độ giải quyết vụ án. Một số nghiên cứu về hòa giải trong tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng cho rằng cần bảo đảm tốt hơn quyền của các bên trong thủ tục hòa giải, nhất là quyền tham gia, quyền không tham gia và quyền được bảo vệ trước việc hòa giải bị lợi dụng để kéo dài tố tụng²⁴.

Bên cạnh hòa giải trong tố tụng, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 tạo thêm cơ chế hòa giải, đối thoại trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Sau ngày 01/7/2025, Luật số 85/2025/QH15 cũng sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, trong đó có vấn đề lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách

²⁴ Cao Nhất Linh, Phạm Việt Trung, *Quyền của bị đơn trong thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại*, Tạp chí Công thương, 06/07/2019, <https://tapchicongthuong.vn/quyen-cua-bi-don-trong-thu-tuc-hoa-giai-tranh-chap-kinh-doanh--thuong-mai-63719.htm>

Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền hoặc TAND khu vực khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh. Quy định này phù hợp với bối cảnh tổ chức lại hệ thống Tòa án theo mô hình TAND khu vực, giúp cơ chế hòa giải thích ứng với thay đổi về thẩm quyền và địa giới. Tuy nhiên, trong tranh chấp HĐMBHH, nếu đương sự không cung cấp đủ tài liệu về hợp đồng, giao hàng, thanh toán hoặc công nợ, Hòa giải viên khó đánh giá đúng vị thế pháp lý của các bên, từ đó khó định hướng thỏa thuận hợp lý.

Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án phải xác định đầy đủ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nếu có; xác định vấn đề cần chứng minh; thu thập, kiểm tra, giao nộp và công khai chứng cứ; triệu tập các bên tham gia tố tụng. Đối với tranh chấp HĐMBHH, giai đoạn này có ý nghĩa quyết định vì nếu Tòa án không làm rõ ngay từ đầu khoản tiền nào là nợ gốc, khoản nào là lãi, khoản nào là phạt vi phạm, khoản nào là bồi thường thiệt hại, thì bản án dễ tuyên thiếu rõ ràng hoặc bỏ sót yêu cầu. Đặc biệt, trong những vụ án có phản tố về chất lượng hàng hóa, Tòa án phải xác định rõ bên mua phản tố yêu cầu gì: giảm giá, đổi hàng, bồi thường, hủy hợp đồng hay chỉ dùng lý do hàng hóa không phù hợp để phản đối nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi các bên được trình bày, phản biện, đối chất và bảo vệ quan điểm của mình. Đối với tranh chấp HĐMBHH, nội dung tranh tụng thường tập trung vào các vấn đề: hợp đồng có tồn tại và có hiệu lực hay không; bên bán đã giao hàng chưa; hàng hóa có đúng thỏa thuận không; bên mua đã thanh toán bao nhiêu; có căn cứ tính lãi chậm trả không; có thỏa thuận phạt vi phạm không; thiệt hại thực tế có được chứng minh không. Như vậy, xét xử không chỉ là hoạt động áp dụng điều luật, mà còn là quá trình kiểm tra logic thương mại của toàn bộ giao dịch.

Phán quyết của Tòa án phải rõ ràng, cụ thể và có khả năng thi hành. Trong tranh chấp HĐMBHH, bản án cần xác định chính xác nghĩa vụ thanh toán, số tiền nợ gốc, tiền lãi, khoản phạt vi phạm, khoản bồi thường thiệt hại nếu có, trách nhiệm hoàn trả hàng hóa hoặc tiền, án phí và quyền, nghĩa vụ thi hành án. Nếu bản án tuyên không rõ thời điểm tính lãi, không phân biệt nợ gốc và lãi, không xác định rõ trách nhiệm của từng bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giai đoạn thi hành án sẽ gặp khó khăn. Đây là điểm cho thấy chất lượng phán quyết không chỉ được đánh giá ở việc áp dụng đúng điều luật, mà còn ở khả năng chuyển hóa thành nghĩa vụ thực hiện cụ thể trên thực tế.

2.1.4. Thực trạng pháp luật về chế tài hợp đồng và thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Chế tài hợp đồng là nội dung pháp luật có ý nghĩa trực tiếp trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Theo quy định tại (Điều 292) Luật Thương mại 2005, hệ thống chế tài trong hoạt động thương mại được thiết lập bao gồm: buộc thực hiện đúng hợp đồng, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, tạm ngừng, đình chỉ hoặc hủy bỏ thực hiện hợp đồng. Bên cạnh các biện pháp mang tính luật định này, điều luật còn mở ra biên độ thỏa thuận cho các chủ thể, cho phép áp dụng các hình thức xử lý vi phạm khác với điều kiện không xung đột với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và tập quán thương mại quốc tế. Quy định này tạo khung pháp lý tương đối đầy đủ để Tòa án xử lý hậu quả của hành vi vi phạm trong HĐMBHH.

Trong tranh chấp HĐMBHH, chế tài được áp dụng phổ biến nhất là buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khi bên bán chứng minh đã giao hàng và bên mua chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ, Tòa án có cơ sở buộc bên mua trả tiền hàng còn nợ. Chế định buộc thực hiện đúng hợp đồng theo quy định tại (Điều 297) Luật Thương mại năm 2005 được phân định cụ thể dựa trên tính chất vi phạm của từng chủ thể song vụ. Trong trường hợp bên bán vi phạm nghĩa vụ bàn giao tài sản, biện pháp này buộc họ phải cung ứng đủ số lượng hoặc sửa chữa, thay thế đối tượng hợp đồng kém chất lượng; ngược lại, nếu lỗi thuộc về bên mua, cơ chế pháp lý cho phép bên bán cưỡng chế bên mua thực hiện nghĩa vụ tất toán chi phí, tiếp nhận tài sản hoặc các cam kết phụ thuộc khác.. Quy định này phù hợp với bản chất song vụ của HĐMBHH, nhưng trong thực tiễn việc buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng không phải lúc nào cũng hiệu quả, nhất là khi hàng hóa có tính thời vụ, giá thị trường biến động mạnh hoặc mục đích hợp đồng không còn đạt được.

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là hai chế tài thường bị nhầm lẫn. Phạt vi phạm là chế tài dựa trên thỏa thuận; bên bị vi phạm chỉ có quyền yêu cầu tiền phạt nếu trong hợp đồng có thỏa thuận về phạt vi phạm, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm (Điều 300 Luật Thương mại năm 2005). Chế định phạt vi phạm hợp đồng trong hoạt động thương mại được kiểm soát bởi quy tắc giới hạn tỷ lệ tối đa quy định tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005. Theo đó, mức phạt đối với một hoặc nhiều hành vi vi phạm do các chủ thể giao dịch thỏa thuận không được vượt quá ngưỡng 8% tổng giá

trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị xâm phạm, trừ hệ thống các ngoại lệ do luật định. Bất cập trong thực tiễn là nhiều hợp đồng ghi điều khoản phạt không rõ: phạt trên toàn bộ giá trị hợp đồng hay phần nghĩa vụ bị vi phạm; phạt cho chậm thanh toán hay chậm giao hàng; phạt có cộng với lãi chậm trả hay không. Một số bài viết chuyên sâu về phạt vi phạm trong hoạt động thương mại cũng chỉ ra rằng quy định về điều kiện áp dụng và giới hạn mức phạt vẫn còn gây tranh luận trong thực tiễn xét xử²⁵.

Bồi thường thiệt hại có cấu trúc pháp lý khác với phạt vi phạm. Trách nhiệm bồi thường phát sinh khi có hành vi vi phạm hợp đồng, có thiệt hại thực tế và hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại (Điều 303). Bên yêu cầu bồi thường phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất và khoản lợi trực tiếp bị mất (Điều 304). Như vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại không thể chỉ dựa trên việc có vi phạm, mà phải có chứng cứ về thiệt hại và quan hệ nhân quả. Trong thực tiễn, nhiều yêu cầu bồi thường không được chấp nhận toàn bộ vì bên yêu cầu không chứng minh được thiệt hại thực tế hoặc không tách được thiệt hại do hành vi vi phạm với thiệt hại do biến động thị trường, bảo quản hàng hóa hoặc lỗi của chính mình.

Lãi chậm trả là chế định có ý nghĩa đặc biệt trong tranh chấp thanh toán tiền hàng. Quy định này bảo vệ lợi ích của bên bị chậm thanh toán, nhưng bất cập là khái niệm “lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường” chưa thật sự dễ áp dụng thống nhất. Án lệ số 09/2016/AL từng định hướng việc lấy mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương để tính lãi chậm thanh toán; tuy nhiên, việc lựa chọn ngân hàng nào, tại địa phương nào, thời điểm nào và cách tính bình quân ra sao vẫn có thể dẫn đến kết quả khác nhau²⁶. Lãi suất chậm thanh toán trong HĐMBHH cũng nhấn mạnh đây là vấn đề thường phát sinh khi các bên không thỏa thuận cụ thể tiền lãi do chậm thanh toán²⁷.

Bên cạnh chế tài hợp đồng, án phí và thi hành bản án là hai nội dung quyết định hiệu quả thực tế của việc giải quyết tranh chấp. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, trong đó án phí kinh doanh, thương mại có giá ngạch được xác định theo giá trị tranh

²⁵ Th.S. Nguyễn Đức Anh, *Phạt vi phạm hợp đồng theo pháp luật thương mại Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 05/05/2021, <https://tapchitoaan.vn/phat-vi-pham-hop-dong-theo-phap-luat-thuong-mai-viet-nam>

²⁶ Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Án lệ số 09/2016/AL*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/an-le-so-09-2016-al>

²⁷ Trần Xuân Hải, *Bàn về lãi suất chậm thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 26/01/2022, <https://tapchitoaan.vn/ba%CC%80n-ve%CC%80-la%CC%83i-sua%CC%81t-cha%CC%A3m-thanh-toa%CC%81n-trong-ho%CC%A3p-do%CC%80ng-mua-ba%CC%81n-ha%CC%80ng-ho%CC%81a5750.html>

chấp²⁸. Trong tranh chấp HĐMBHH, đương sự thường yêu cầu nhiều khoản cùng lúc, gồm nợ gốc, lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Tòa án cần xác định rõ khoản nào được chấp nhận, khoản nào không được chấp nhận để phân bổ án phí chính xác. Nếu bản án không tách bạch từng khoản, việc tính án phí và thi hành án đều có thể gặp khó khăn.

Thi hành bản án là giai đoạn chuyển hóa quyền được Tòa án công nhận thành lợi ích thực tế. Trong tranh chấp HĐMBHH, nghĩa vụ thi hành án thường là nghĩa vụ trả tiền, trả lãi, bồi thường thiệt hại hoặc hoàn trả hàng hóa. Nếu bên phải thi hành án không còn tài sản, tẩu tán tài sản, ngừng hoạt động, thay đổi địa chỉ hoặc cố tình không hợp tác, quyền lợi của bên thắng kiện vẫn có thể không được bảo đảm đầy đủ. Luật Thi hành án dân sự năm 2025 đã được ban hành ngày 05/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; văn bản này đặt ra nhiều nội dung mới về tổ chức thi hành án dân sự, trong đó có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định sơ thẩm của TAND khu vực. Tuy nhiên, đối với thực trạng pháp luật áp dụng cho các vụ việc trước thời điểm luật này có hiệu lực, cần thận trọng phân biệt giữa quy định đang áp dụng và quy định mới sẽ áp dụng từ 01/7/2026. Đây là điểm cần ghi rõ trong đề án để tránh sử dụng luật chưa có hiệu lực như căn cứ áp dụng trực tiếp cho các vụ tranh chấp đã phát sinh trước thời điểm đó.

Từ các phân tích trên có thể thấy, pháp luật hiện hành đã tạo lập một khung tương đối đầy đủ cho việc áp dụng chế tài và bảo đảm thi hành phán quyết trong tranh chấp HĐMBHH. Tuy nhiên, một số bất cập vẫn tồn tại, đặc biệt là cách xác định lãi chậm trả, chứng minh thiệt hại thực tế, phân biệt phạt vi phạm với bồi thường thiệt hại, xác định phần nghĩa vụ bị vi phạm để tính mức phạt, và bảo đảm thi hành bản án khi bên phải thi hành án không còn điều kiện tài sản. Vì vậy, hiệu quả giải quyết tranh chấp không chỉ phụ thuộc vào việc Tòa án tuyên đúng, mà còn phụ thuộc vào khả năng bản án được thi hành trên thực tế.

2.2. Khái quát điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng

2.2.1. Khái quát điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là địa bàn có cấu trúc kinh tế đa dạng, trong đó hoạt động nông nghiệp hàng hóa, du lịch, dịch vụ, xây dựng, vận tải và phân phối hàng hóa đều có tác

²⁸ Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*

động trực tiếp đến sự hình thành các quan hệ mua bán hàng hóa. Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Lâm Đồng đã là địa phương có thế mạnh nổi bật về nông nghiệp công nghệ cao; năm 2024, diện tích nông nghiệp công nghệ cao đạt hơn 69,6 nghìn ha, chiếm 21,2% diện tích canh tác, đồng thời toàn tỉnh có 255 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm²⁹. Đặc điểm này làm cho các giao dịch mua bán nông sản, cây giống, phân bón, vật tư nông nghiệp, máy móc phục vụ sản xuất, bao bì, phương tiện vận chuyển và dịch vụ logistics có vị trí quan trọng trong đời sống thương mại của địa phương.

Bên cạnh nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch cũng là những lĩnh vực làm phát sinh nhiều giao dịch mua bán hàng hóa. Riêng thành phố Đà Lạt, năm 2024 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 50.051,4 tỷ đồng, tăng 21,01% so với cùng kỳ; trong đó tổng mức bán lẻ đạt 26.488,4 tỷ đồng và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 23.563,02 tỷ đồng³⁰. Các số liệu này cho thấy hoạt động lưu thông hàng hóa tại Lâm Đồng không chỉ gắn với sản xuất nông nghiệp mà còn gắn với tiêu dùng, du lịch, lưu trú, nhà hàng, vận tải, xây dựng và các chuỗi cung ứng phục vụ dịch vụ. Vì vậy, tranh chấp HĐMBHH trên địa bàn có thể phát sinh từ nhiều nhóm hàng hóa khác nhau như nông sản, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thiết bị, máy móc, hàng hóa phục vụ nhà hàng - khách sạn và sản phẩm phân phối bán lẻ.

Một điểm bắt buộc phải nhận diện trong Chương 2 là bối cảnh Lâm Đồng sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh từ ngày 01/7/2025. Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lâm Đồng; sau sắp xếp, tỉnh Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 24.233,07 km², quy mô dân số 3.872.999 người và giáp các tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Vương quốc Campuchia và Biển Đông³¹. Sự thay đổi này làm cho không gian kinh tế của Lâm Đồng mở rộng từ cao nguyên xuống vùng duyên hải, kết nối nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch biển, logistics và thương mại liên vùng. Do đó, khi phân tích thực tiễn tranh chấp HĐMBHH, đề án cần phân biệt rõ số liệu, bản án và

²⁹ Mai Văn Bảo, *Nông nghiệp công nghệ cao chiếm hơn 21% diện tích canh tác tại Lâm Đồng*, Báo Nhân dân, 06/01/2025, <https://nhandan.vn/nong-nghiep-cong-nghe-cao-chiem-hon-21-dien-tich-can-tac-tai-lam-dong-post854682.html>

³⁰ Chi cục Thống kê khu vực Đà Lạt – Lạc Dương, *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 thành phố Đà Lạt*, cập nhật: 01/02/2025, <https://cucthongke.lamdongtructuyen.vn/chi-tiet-tin-tuc/?param=tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nam-2024-thanh-pho-da-lat-5f061c33-065a-4d1b-8ac5-75413587dd48>

³¹ Quốc hội, *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*

phạm vi địa bàn trước và sau ngày 01/7/2025, tránh đồng nhất cơ học giữa Lâm Đồng trước sáp nhập với Lâm Đồng mới sau sáp nhập.

Trong điều kiện địa bàn rộng, chuỗi cung ứng phân tán và chủ thể kinh doanh không đồng đều về năng lực pháp lý, nhiều giao dịch mua bán hàng hóa có thể được hình thành trên cơ sở quen biết, đặt hàng qua điện thoại, tin nhắn, giao hàng nhiều lần rồi đối chiếu công nợ sau. Cách giao dịch này giúp tiết kiệm thời gian trong quan hệ thương mại thường xuyên, nhưng lại làm tăng rủi ro chứng cứ khi tranh chấp phát sinh. Bên bán có thể khó chứng minh đã giao đủ hàng, bên mua có thể khó chứng minh hàng hóa không đạt chất lượng, còn Tòa án phải đánh giá quan hệ hợp đồng thông qua chuỗi chứng cứ gián tiếp. Đây là đặc điểm thực tiễn quan trọng cần được phản ánh trong các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng.

2.2.2. Tình hình tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng

Qua chất liệu bản án được học viên cung cấp, tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng chủ yếu xoay quanh nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa, chủ thể có nghĩa vụ thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và cách tính lãi chậm trả. Trong một số vụ, hàng hóa không đạt chất lượng được nêu ra như lý do để bên mua không hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Có thể nhận thấy hai lớp tranh chấp đan xen. Lớp thứ nhất là tranh chấp công nợ: bên bán đã giao hàng và yêu cầu bên mua thanh toán số tiền còn lại. Lớp thứ hai là tranh chấp phản đối nghĩa vụ: bên mua cho rằng hàng hóa không đúng chất lượng, không đúng mẫu, không đáp ứng mục đích sử dụng hoặc đã có thỏa thuận giảm nợ. Sự đan xen này làm cho Tòa án không thể chỉ kiểm tra con số công nợ mà còn phải xem xét toàn bộ quá trình giao nhận, kiểm tra, khiếu nại và thanh toán.

Sau sáp nhập, số lượng và tính chất tranh chấp có thể thay đổi do phạm vi địa bàn rộng hơn, bao gồm cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải. Vì vậy, các số liệu trước năm 2025 chỉ phản ánh Lâm Đồng cũ; khi sử dụng cho Lâm Đồng mới cần ghi chú rõ giới hạn. Đây là điểm kỹ thuật quan trọng để đề án không bị lỗi phạm vi nghiên cứu.

Các dạng tranh chấp HĐMBHH thường gặp tại tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

Dạng thường gặp nhất là tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền hàng. Bên bán xuất trình hóa đơn, phiếu giao hàng, xác nhận công nợ hoặc chứng từ chuyển khoản để chứng minh đã giao hàng và bên mua còn nợ. Bên mua có thể thừa nhận một phần

công nợ nhưng yêu cầu trừ do hàng hóa có lỗi, do đã thanh toán bằng tiền mặt hoặc do có thỏa thuận giảm nợ.

Dạng thứ hai là tranh chấp về chất lượng hàng hóa. Chất lượng thường được nêu ra sau khi bên bán khởi kiện đòi tiền, thể hiện qua lập luận rằng hàng bị lệch màu, kém chất lượng, không bán được cho khách hàng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Điểm khó là bên mua phải chứng minh khiếm khuyết tồn tại tại thời điểm nhận hàng và đã thông báo trong thời hạn hợp lý.

Dạng thứ ba là tranh chấp về lãi chậm trả. Các vụ việc thực tiễn cho thấy việc xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường còn khó thống nhất, nhất là khi cần xác định lấy lãi suất của ngân hàng nào, tại địa phương nào, thời điểm nào và loại kỳ hạn nào. Đây là vướng mắc có giá trị thực tiễn cao trong đề án.

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng

Thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng cần được phân tích trên cơ sở đối chiếu với các nhóm quy định đã được trình bày tại Mục 2.1, gồm: xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; quyền khởi kiện, thụ lý và điều kiện giải quyết vụ án; chứng cứ và chứng minh; hòa giải, xét xử và phán quyết; chế tài hợp đồng và thi hành bản án. Cách tiếp cận này giúp phần thực tiễn không bị kể lại bản án một cách rời rạc, mà làm rõ cách các quy định pháp luật vận hành trong từng vụ việc cụ thể.

Nguồn chất liệu chính của mục này là các bản án, vụ việc được học viên tổng hợp trong Phụ lục 2, bao gồm: Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 05/2018/KDTM-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết; Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết; và Bản án số 02/2020/KDTM-PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Khi sử dụng các bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết trong phần thực tiễn tại Lâm Đồng, cần đặt trong bối cảnh Lâm Đồng mới sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, tỉnh Lâm Đồng mới được hình thành trên cơ sở sắp xếp tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Thuận; vì

vậy, các vụ việc phát sinh tại địa bàn Phan Thiết trước thời điểm sắp xếp cần được ghi nhận là chất liệu thực tiễn thuộc không gian Lâm Đồng mới, nhưng phải chú thích rõ bối cảnh thời gian và địa bàn để tránh đồng nhất cơ học giữa Lâm Đồng trước và sau ngày 01/7/2025. Đồng thời, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án này từ ngày 01/7/2025, nên các phân tích về thẩm quyền trong mục này cần phân biệt giữa mô hình Tòa án trước và sau thời điểm tổ chức lại hệ thống Tòa án.

2.3.1. Thực tiễn thực hiện quy định về xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH, việc đầu tiên Tòa án phải làm rõ là quan hệ tranh chấp có thực sự là quan hệ mua bán hàng hóa hay không. Thực tiễn tại Lâm Đồng cho thấy, không phải mọi giao dịch mua bán hàng hóa đều được xác lập bằng một hợp đồng văn bản hoàn chỉnh. Nhiều giao dịch được hình thành trên cơ sở đặt hàng, giao hàng từng đợt, xuất hóa đơn, thanh toán một phần, đối chiếu công nợ hoặc thậm chí chỉ dựa trên quá trình giao dịch thường xuyên giữa các bên. Do đó, việc xác định tranh chấp HĐMBHH trong thực tiễn không thể dừng lại ở câu hỏi “có hợp đồng bằng văn bản hay không”, mà phải xem xét toàn bộ chuỗi hành vi thương mại thể hiện sự thống nhất ý chí và việc thực hiện nghĩa vụ của các bên.

Vụ việc giữa Công ty Ngọc Bích và Công ty Xuyên Á là ví dụ tiêu biểu. Trong vụ việc này, các bên không lập hợp đồng mua bán bằng văn bản, mà việc mua bán được thực hiện thông qua các đợt giao hàng và hóa đơn. Bị đơn nêu lý do chưa thanh toán tiền mua gạch vì cho rằng 280 m² gạch bị lệch màu, đồng thời yêu cầu hoàn lại tiền hàng và chi phí phát sinh 40.829.500 đồng. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý của vụ việc là dù thiếu văn bản hợp đồng, các bên đã có hành vi giao hàng, nhận hàng, xuất hóa đơn và phát sinh công nợ; do đó, việc xác định quan hệ tranh chấp phải dựa vào bản chất mua bán hàng hóa, không chỉ dựa vào sự tồn tại của một hợp đồng riêng biệt có chữ ký của hai bên. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Cách tiếp cận này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Trong hoạt động kinh doanh tại địa phương, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, đại lý phân phối vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp hoặc hàng hóa tiêu dùng, quan hệ mua

bán thường được thực hiện linh hoạt và lặp lại nhiều lần. Việc mua bán có thể bắt đầu bằng thỏa thuận miệng hoặc đặt hàng qua điện thoại, sau đó bên bán giao hàng, xuất hóa đơn, bên mua nhận hàng và thanh toán từng phần. Nếu Tòa án chỉ coi hợp đồng bằng văn bản là căn cứ duy nhất để nhận diện quan hệ HĐMBHH, nhiều giao dịch thương mại thực tế sẽ không được đánh giá đúng bản chất. Ngược lại, nếu Tòa án xem xét toàn bộ quá trình giao dịch, bao gồm hóa đơn, phiếu giao hàng, xác nhận công nợ và hành vi thanh toán, thì việc xác định quan hệ tranh chấp sẽ phù hợp hơn với thực tiễn thương mại.

Từ góc độ thẩm quyền, các vụ việc trong Phụ lục 2 cho thấy tranh chấp HĐMBHH thường được giải quyết theo thủ tục kinh doanh, thương mại tại Tòa án. Chẳng hạn, các bản án được Phụ lục 2 liệt kê đều được ghi nhận dưới mã KDTM-ST hoặc KDTM-PT, thể hiện đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Danh mục này bao gồm cả các bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết trong giai đoạn trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Điều này phản ánh thực tiễn tranh chấp HĐMBHH không chỉ phát sinh ở một nhóm hàng hóa nhất định, mà xuất hiện trong nhiều quan hệ kinh doanh khác nhau, từ mua bán gạch, nguyên liệu sản xuất, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đến các hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy việc xác định quan hệ tranh chấp không phải lúc nào cũng đơn giản. Trong một số vụ việc, tranh chấp mua bán hàng hóa đan xen với vấn đề chất lượng hàng hóa, giải thể doanh nghiệp, thay đổi tên doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp, chi nhánh thực hiện giao dịch hoặc người đại diện tham gia giao dịch. Những yếu tố này có thể làm cho việc xác định đúng chủ thể, đúng quan hệ pháp luật và đúng phạm vi thẩm quyền trở nên phức tạp hơn. Chẳng hạn, trong vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á, bên bị yêu cầu thanh toán viện dẫn việc Công ty Xuyên Á đã hoàn tất thủ tục giải thể, không còn vốn để phân chia cho các thành viên và người kế thừa quyền, nghĩa vụ không đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Tòa án cấp phúc thẩm sau đó xác định thành viên Công ty Xuyên Á phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán nợ gốc và lãi tổng cộng 168.476.000 đồng cho Công ty Ngọc Bích. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Vụ việc này cho thấy thẩm quyền giải quyết của Tòa án không chỉ dừng ở việc xác định loại tranh chấp, mà còn gắn với yêu cầu xử lý hậu quả pháp lý của các biến động về chủ thể. Khi doanh nghiệp đã giải thể, Tòa án phải làm rõ việc giải thể có làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán hay không, ai là chủ thể kế thừa trách nhiệm và phạm vi trách nhiệm của các thành viên hoặc người có liên quan. Đây là điểm thực tiễn quan trọng vì trong hoạt động thương mại, không ít trường hợp bên mua hoặc bên bán thay đổi tư cách pháp lý trong quá trình giao dịch hoặc sau khi tranh chấp phát sinh. Nếu Tòa án không xác định đúng chủ thể có quyền và nghĩa vụ, bản án có thể khó thi hành hoặc không bảo vệ đầy đủ quyền lợi của bên bị vi phạm.

Sau ngày 01/7/2025, vấn đề thẩm quyền trong các tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng cần được đặt trong bối cảnh mới. Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự và một số luật tố tụng khác, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; cùng với Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, mô hình Tòa án được tổ chức lại theo Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực. Vì vậy, khi nghiên cứu các bản án trước năm 2025, cần ghi nhận chúng trong bối cảnh mô hình tổ chức Tòa án cũ; còn khi đánh giá thực tiễn từ sau thời điểm này, phải đối chiếu với mô hình Tòa án mới, đặc biệt là phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực. Đây là yêu cầu kỹ thuật nhưng có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, bởi nếu không phân biệt bối cảnh trước và sau sắp xếp, đề án có thể đưa ra nhận định thiếu chính xác về thẩm quyền và địa bàn xét xử.

Nhìn chung, thực tiễn xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tại Lâm Đồng cho thấy Tòa án đã tiếp cận tranh chấp HĐMBHH theo hướng coi trọng bản chất giao dịch và chuỗi hành vi thực hiện hợp đồng. Đây là hướng phù hợp với thực tiễn thương mại, nơi hợp đồng không phải lúc nào cũng được lập đầy đủ bằng văn bản. Tuy nhiên, các vụ việc cũng cho thấy rủi ro lớn của giao dịch sơ sài: khi không có hợp đồng rõ ràng, không xác định chặt chẽ chủ thể giao dịch, không có điều khoản về chất lượng, thanh toán và chế tài, thì Tòa án phải tái dựng quan hệ pháp lý từ nhiều chứng cứ gián tiếp. Điều này làm tăng thời gian giải quyết, tăng nguy cơ tranh luận về chứng cứ và làm giảm tính dự đoán của kết quả xét xử.

2.3.2. Thực tiễn thực hiện quy định về quyền khởi kiện, thụ lý và điều kiện giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Quyền khởi kiện trong tranh chấp HĐMBHH thường được kích hoạt khi một bên cho rằng bên kia đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng. Trong thực tiễn tại Lâm Đồng, yêu cầu khởi kiện phổ biến nhất là yêu cầu thanh toán tiền hàng, kèm theo lãi chậm trả; ngoài ra còn có yêu cầu xác định trách nhiệm của chủ thể kế thừa nghĩa vụ, xác định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với giao dịch do chi nhánh thực hiện, hoặc yêu cầu buộc bên mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi đã nhận hàng.

Qua các vụ việc trong Phụ lục 2, có thể thấy quyền khởi kiện của bên bán thường dựa trên các căn cứ thực tế như đã giao hàng, đã xuất hóa đơn, đã có xác nhận công nợ hoặc bên mua đã thừa nhận nợ nhưng chưa thanh toán. Trong vụ Công ty H - bà Dương Thị Hồng Ph1, số nợ 734.000.000 đồng được bên mua thừa nhận, nhưng bên mua cho rằng sản phẩm kém chất lượng nên không thu hồi được nợ của khách hàng; đồng thời cho rằng hai bên đã thỏa thuận chỉ trả 200.000.000 đồng là hết nợ. (Vụ việc số 3, Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Tình huống này cho thấy quyền khởi kiện của bên bán không chỉ đặt ra khi bên mua phủ nhận toàn bộ nghĩa vụ, mà còn đặt ra khi bên mua thừa nhận giao dịch nhưng phản đối phạm vi nghĩa vụ phải thanh toán.

Thực tiễn này làm rõ vai trò của giai đoạn khởi kiện và thụ lý. Đối với tranh chấp HĐMBHH, đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo phải giúp Tòa án xác định được ít nhất bốn vấn đề: có quan hệ mua bán hàng hóa hay không; hàng hóa đã được giao, nhận như thế nào; số tiền còn nợ là bao nhiêu; yêu cầu kèm theo như lãi, phạt, bồi thường hoặc trách nhiệm liên đới dựa trên căn cứ nào. Nếu hồ sơ khởi kiện không thể hiện rõ các nội dung này, Tòa án phải yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc trong quá trình chuẩn bị xét xử phải làm rõ lại phạm vi tranh chấp. Điều này có thể làm kéo dài thời gian giải quyết.

Vụ Công ty Xây lắp - Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc cũng cho thấy tính chất phức hợp của yêu cầu khởi kiện trong tranh chấp HĐMBHH. Theo tài liệu vụ việc, ông Nguyễn Văn Tâm, người liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, thừa nhận Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc còn nợ Công ty Xây lắp 298.365.120 đồng, nhưng yêu cầu kiểm tra lại chất lượng lô hàng trước khi thanh toán; đồng thời nguyên đơn yêu cầu lãi chậm trả theo biểu lãi suất cho vay của BIDV chi nhánh Lâm Đồng, mức 7,5%/năm x 150% trong 16 tháng, tương ứng 44.754.768 đồng. (Vụ việc số 5, Bản án số 17/2020/KDTM-

ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết). Như vậy, một vụ kiện đòi tiền hàng có thể đồng thời bao gồm tranh chấp về chất lượng hàng hóa, trách nhiệm liên đới và lãi chậm trả.

Đối với điều kiện thụ lý, các vụ việc thực tiễn cho thấy hồ sơ khởi kiện trong tranh chấp HĐMBHH thường phải dựa vào các loại chứng cứ khác nhau: hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao hàng, xác nhận nợ, biên bản đối chiếu công nợ, chứng từ thanh toán hoặc lời thừa nhận của bên có nghĩa vụ. Trong nhiều trường hợp, hợp đồng bằng văn bản không đầy đủ hoặc không có, nhưng nếu chuỗi chứng cứ cho thấy có giao dịch mua bán, Tòa án vẫn có cơ sở để thụ lý và giải quyết. Đây là điểm tích cực vì pháp luật tố tụng không đóng cửa quyền khởi kiện chỉ vì các bên không có hợp đồng văn bản, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc đánh giá tài liệu ban đầu.

Thực tiễn tại Lâm Đồng cũng cho thấy việc xác định đúng tư cách đương sự ngay từ giai đoạn đầu có ý nghĩa rất quan trọng. Trong vụ anh Sang, chị Dung - anh Tuấn, chị Tiên, các bên đều tham gia giao dịch mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định cấp sơ thẩm cần xác định tư cách tham gia tố tụng giữa nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Sang do chị Phó Thị Xuân Dung là chủ doanh nghiệp, bị đơn là anh Phan Văn Tuấn đại diện hộ kinh doanh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn Sang, chị Phạm Thị Tiên; tuy thiếu sót này không lớn và không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên nhưng cần rút kinh nghiệm. (Vụ việc số 6, Bản án số 02/2020/KDTM-PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Vụ việc này cho thấy điều kiện giải quyết vụ án không chỉ là đơn khởi kiện có đủ nội dung hay không, mà còn bao gồm việc xác định đúng chủ thể tố tụng. Trong tranh chấp HĐMBHH, chủ thể giao dịch có thể là doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chi nhánh, người đại diện theo ủy quyền hoặc người trực tiếp giao nhận hàng. Nếu không xác định đúng ai là chủ thể có quyền, ai là chủ thể có nghĩa vụ, ai là người liên quan, thì quá trình xét xử có thể thiếu chính xác. Đặc biệt, trong trường hợp có doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ kinh doanh, cần phân biệt giữa tư cách của chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch để tránh nhầm lẫn giữa quyền, nghĩa vụ của cơ sở kinh doanh với quyền, nghĩa vụ cá nhân.

Từ các vụ việc trên có thể nhận xét rằng, thực tiễn khởi kiện và thụ lý tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng đã phản ánh đúng bản chất của loại tranh chấp này: phần lớn xuất phát từ việc bên bán yêu cầu thanh toán tiền hàng, còn bên mua phản đối bằng cách viện dẫn chất lượng hàng hóa, thỏa thuận giảm nợ, chủ thể nhận thanh toán hoặc trách nhiệm của chi nhánh, người đại diện. Do đó, muốn nâng cao hiệu quả thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án cần làm rõ ngay từ đầu phạm vi yêu cầu, tư cách đương sự và chứng cứ nền tảng. Đối với đương sự, cần chuẩn bị hồ sơ khởi kiện có cấu trúc rõ: chứng cứ về quan hệ mua bán, chứng cứ giao hàng, chứng cứ nhận hàng, chứng cứ công nợ, chứng cứ thanh toán và căn cứ yêu cầu lãi hoặc chế tài.

2.3.3. Thực tiễn thực hiện quy định về chứng cứ và chứng minh trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Chứng cứ và chứng minh là điểm nghẽn lớn nhất trong thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Về bản chất, tranh chấp HĐMBHH thường là tranh chấp tài sản, nhưng không phải lúc nào cũng có thể giải quyết chỉ bằng việc cộng trừ số tiền nợ. Đằng sau yêu cầu thanh toán thường là các vấn đề về giao hàng, nhận hàng, chất lượng hàng hóa, đối chiếu công nợ, thanh toán từng phần, giảm nợ, bồi thường hoặc lãi chậm trả. Vì vậy, Tòa án phải đánh giá toàn bộ chuỗi chứng cứ chứ không thể chỉ dựa vào một tài liệu riêng lẻ.

Vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á cho thấy chứng cứ về giao dịch có thể tồn tại dưới dạng hóa đơn, giao hàng từng đợt và công nợ, dù không có hợp đồng văn bản. Trong vụ việc này, bị đơn nêu lý do chưa thanh toán tiền mua gạch vì cho rằng 280 m² gạch bị lệch màu, yêu cầu hoàn lại tiền hàng và chi phí phát sinh 40.829.500 đồng. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Vụ việc thể hiện rõ hai tầng chứng minh: bên bán phải chứng minh đã giao hàng, bên mua đã nhận hàng và phát sinh nghĩa vụ thanh toán; trong khi bên mua, nếu viện dẫn chất lượng hàng hóa để phản đối nghĩa vụ thanh toán, phải chứng minh hàng hóa có khiếm khuyết, khiếm khuyết đó thuộc trách nhiệm của bên bán và gây ra thiệt hại thực tế.

Điểm khó của tranh chấp chất lượng hàng hóa là chất lượng thường phải được xác định tại thời điểm giao nhận, trong khi khiếu nại lại có thể được nêu ra sau một thời gian. Nếu hàng hóa đã được đưa vào sử dụng, đã bán lại, đã lưu kho trong điều kiện không được kiểm soát hoặc đã bị thay đổi tình trạng, việc xác định khiếm khuyết

ban đầu trở nên khó khăn. Vì vậy, chứng cứ về chất lượng hàng hóa không chỉ là lời khai của bên mua mà cần có biên bản kiểm tra, biên bản giao nhận ghi nhận tình trạng hàng hóa, hình ảnh, mẫu hàng, kết quả giám định hoặc thông báo khiếu nại gửi cho bên bán trong thời hạn phù hợp. Nếu thiếu các chứng cứ này, lập luận về hàng hóa kém chất lượng sẽ khó đủ sức làm giảm hoặc loại trừ nghĩa vụ thanh toán.

Vụ Công ty H - bà Dương Thị Hồng Ph1 cũng phản ánh đặc điểm này. Bà Ph1 thừa nhận số nợ 734.000.000 đồng nhưng cho rằng sản phẩm kém chất lượng nên không thu hồi được nợ của người mua; đồng thời cho rằng sau khi đối chiếu công nợ, đại diện công ty yêu cầu bà trả 200.000.000 đồng là hết nợ và bà đã trả xong. (Vụ việc số 3, Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Ở đây, lời thừa nhận nợ là chứng cứ rất quan trọng, nhưng không làm mất quyền của bị đơn trong việc đưa ra các lập luận phản đối. Tuy nhiên, để các lập luận này được chấp nhận, bên mua phải chứng minh được hai vấn đề độc lập: hàng hóa thực sự kém chất lượng và có thỏa thuận giảm nghĩa vụ xuống còn 200.000.000 đồng. Nếu không chứng minh được thỏa thuận giảm nợ, thì việc đã trả 200.000.000 đồng không đương nhiên làm chấm dứt toàn bộ nghĩa vụ.

Từ góc độ chứng minh, vụ Công ty H - bà Ph1 cho thấy sự khác biệt giữa “thừa nhận một phần sự kiện” và “thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ”. Việc bên mua thừa nhận có nợ không có nghĩa là bên bán đương nhiên được chấp nhận toàn bộ yêu cầu; nhưng việc bên mua viện dẫn chất lượng hàng hóa hoặc thỏa thuận giảm nợ cũng không có nghĩa là nghĩa vụ thanh toán bị loại trừ. Tòa án phải đặt các lời khai, biên bản đối chiếu công nợ, chứng cứ thanh toán, chứng cứ về chất lượng hàng hóa và chứng cứ về thỏa thuận giảm nợ trong cùng một tổng thể. Cách đánh giá này bảo đảm cân bằng giữa quyền đòi nợ của bên bán và quyền phản đối của bên mua.

Vụ Công ty Xây lắp - Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc tiếp tục cho thấy tranh chấp chứng cứ thường phát sinh khi bên mua thừa nhận công nợ nhưng yêu cầu kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi thanh toán. Theo tài liệu, ông Nguyễn Văn Tâm, người liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, thừa nhận Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc còn nợ 298.365.120 đồng nhưng cho rằng hàng hóa không đảm bảo chất lượng và yêu cầu kiểm tra lại lô hàng; nếu bảo đảm chất lượng thì mới thanh toán theo yêu cầu. (Vụ việc số 5, Bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết). Vụ việc cho thấy khiếu nại chất lượng thường được sử dụng như một cơ

chế trì hoãn hoặc phản đối nghĩa vụ thanh toán, nhưng giá trị của lập luận này phụ thuộc hoàn toàn vào chứng cứ chứng minh.

Trong tranh chấp HĐMBHH, chứng cứ còn có ý nghĩa đặc biệt đối với việc xác định chủ thể có nghĩa vụ và chủ thể nhận thanh toán. Vụ Công ty GFC - Công ty Cổ phần NTACO liên quan đến khoản nợ 873.459.321 đồng của Chi nhánh Công ty Cổ phần NTACO - Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản Việt Thái đối với Công ty GFC. Đại diện Công ty Cổ phần NTACO cho rằng ban giám đốc mới không được bàn giao công nợ, nhà máy là chi nhánh hạch toán độc lập và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy nhà máy vẫn là chi nhánh của Công ty Cổ phần NTACO, nên lập luận cho rằng công ty không chịu trách nhiệm là không có cơ sở. (Vụ việc số 2, Bản án số 05/2018/KDTM-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết).

Vụ việc này cho thấy chứng cứ trong tranh chấp HĐMBHH không chỉ là chứng cứ về hàng hóa và tiền, mà còn là chứng cứ về tư cách pháp lý, phạm vi đại diện và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Khi chi nhánh xác lập, thực hiện giao dịch, Tòa án cần xem xét chi nhánh đó có phải là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp hay không, giao dịch có được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của chi nhánh hay không và doanh nghiệp có phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ phát sinh hay không. Đây là dạng chứng cứ có tính pháp lý tổ chức, khác với chứng cứ giao nhận hàng hóa nhưng lại có ảnh hưởng trực tiếp đến nghĩa vụ thanh toán.

Nhìn chung, thực tiễn chứng cứ và chứng minh tại Lâm Đồng cho thấy ba vấn đề nổi bật. Thứ nhất, chứng cứ về sự tồn tại của HĐMBHH có thể được chứng minh bằng chuỗi hành vi thương mại, nhưng càng thiếu hợp đồng văn bản thì gánh nặng đánh giá chứng cứ càng lớn. Thứ hai, chứng cứ về chất lượng hàng hóa là nhóm chứng cứ khó nhất, vì phải chứng minh tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận và mối liên hệ giữa khiếm khuyết với trách nhiệm của bên bán. Thứ ba, chứng cứ về chủ thể có nghĩa vụ và chủ thể nhận thanh toán cần được xem xét kỹ trong trường hợp doanh nghiệp giải thể, đổi tên, sáp nhập hoặc giao dịch qua chi nhánh. Những điểm này cho thấy quản trị chứng cứ không chỉ là yêu cầu tổ tụng sau khi tranh chấp phát sinh, mà phải được xem là một phần của quản trị hợp đồng ngay từ đầu.

Tóm lại, trong thực tế tại Lâm Đồng, việc chứng minh và thu thập chứng cứ thường gặp ba thách thức chính. Đầu tiên, để chứng minh sự tồn tại của hợp đồng mua

bán hàng hóa, chuỗi hành vi thương mại có thể được sử dụng, tuy nhiên, khi thiếu hợp đồng văn bản, việc đánh giá chứng cứ sẽ trở nên phức tạp hơn nhiều. Thứ hai, chứng cứ về chất lượng hàng hóa là một trong những loại chứng cứ khó khăn nhất, vì cần xác định tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận và liên kết khiếm khuyết với trách nhiệm của người bán. Cuối cùng, việc xác định các chủ thể có nghĩa vụ và người nhận thanh toán cần được xem xét tỉ mỉ trong trường hợp doanh nghiệp giải thể, đổi tên, sáp nhập hoặc thực hiện giao dịch qua chi nhánh. Những vấn đề này chỉ ra rằng quản trị chứng cứ không chỉ là vấn đề cần giải quyết sau khi tranh chấp xảy ra mà nên được coi là một phần của quy trình quản trị hợp đồng ngay từ ban đầu.

2.3.4. Thực tiễn thực hiện quy định về hòa giải, xét xử và phán quyết của Tòa án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Hòa giải, xét xử và phán quyết là giai đoạn thể hiện rõ nhất vai trò tài phán của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐMBHH. Trong thực tiễn tại Lâm Đồng, nhiều tranh chấp mua bán hàng hóa có khả năng hòa giải nếu bản chất tranh chấp chủ yếu là công nợ và bên mua còn thiện chí thanh toán. Tuy nhiên, khi tranh chấp đan xen giữa công nợ, chất lượng hàng hóa, chủ thể thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và lãi chậm trả, khả năng hòa giải thường giảm, bởi mỗi bên có cách nhìn khác nhau về căn cứ phát sinh nghĩa vụ và phạm vi nghĩa vụ phải thực hiện.

Các vụ việc được Phụ lục 2 ghi nhận cho thấy phần lớn tranh chấp HĐMBHH tại địa phương phát sinh từ quan hệ thương mại đã được thực hiện một phần hoặc nhiều phần. Bên bán thường đã giao hàng và yêu cầu thanh toán; bên mua có thể đã nhận hàng, đã thanh toán một phần hoặc đã ký đối chiếu công nợ, nhưng sau đó viện dẫn chất lượng hàng hóa, thỏa thuận giảm nợ, chi nhánh tự chịu trách nhiệm hoặc chủ thể nhận thanh toán đã thay đổi. Chính vì vậy, nếu hòa giải được tổ chức hiệu quả, Tòa án có thể giúp các bên nhận diện rủi ro chứng minh và đạt được phương án thỏa thuận như trả nợ theo lộ trình, giảm một phần lãi, xác nhận lại công nợ hoặc đổi trả hàng hóa. Tuy nhiên, nếu bên có nghĩa vụ thanh toán sử dụng hòa giải như cách kéo dài thời gian hoặc tiếp tục phủ nhận nghĩa vụ mà không có chứng cứ, hòa giải sẽ khó đạt mục tiêu.

Trong giai đoạn xét xử, Tòa án phải làm rõ yêu cầu của nguyên đơn, lập luận phản đối của bị đơn và chứng cứ của từng bên. Vụ Công ty H - bà Dương Thị Hồng Ph1 cho thấy Tòa án không thể chỉ dừng ở việc xác định bị đơn có thừa nhận nợ hay

không, mà còn phải xem xét lập luận về chất lượng hàng hóa và thỏa thuận giám nghĩa vụ. (Vụ việc số 3, Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Nếu Tòa án bỏ qua lập luận phản đối của bị đơn, phán quyết có thể thiếu toàn diện; ngược lại, nếu Tòa án chấp nhận lập luận phản đối mà không yêu cầu chứng minh đầy đủ, quyền lợi của bên bán sẽ không được bảo vệ đúng mức. Do đó, xét xử tranh chấp HĐMBHH luôn đòi hỏi sự cân bằng giữa tính nghiêm túc của nghĩa vụ thanh toán và quyền phản đối hợp pháp của bên mua.

Vụ Công ty GFC - Công ty Cổ phần NTACO lại cho thấy vai trò của xét xử trong việc xác định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với giao dịch do chi nhánh thực hiện. Công ty Cổ phần NTACO cho rằng ban giám đốc mới không được bàn giao công nợ của Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản Việt Thái và nhà máy là chi nhánh hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định nhà máy vẫn là chi nhánh của Công ty Cổ phần NTACO, nên lập luận của bị đơn không có cơ sở. (Vụ việc số 2, Bản án số 05/2018/KDTM-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết). Cách giải quyết này cho thấy Tòa án phải vượt qua hình thức tổ chức nội bộ của doanh nghiệp để xác định đúng chủ thể chịu trách nhiệm trước bên giao dịch.

Tuy nhiên, chính vụ việc này cũng gợi ra một vướng mắc cần chú ý. Bản đề án học viên nhận xét rằng pháp luật còn có bất cập liên quan đến xác định trách nhiệm của doanh nghiệp, pháp nhân phát sinh từ các giao dịch do chi nhánh xác lập, thực hiện; đồng thời cho rằng trong vụ việc số 2, Tòa án còn chưa xem xét rõ khía cạnh Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản Việt Thái có thực hiện đúng phạm vi, thẩm quyền đại diện của mình hay không. Nhận xét này có giá trị ở chỗ cho thấy bản án không chỉ là kết quả giải quyết vụ việc, mà còn là nguồn phản ánh những điểm chưa thật sự rõ trong pháp luật hoặc trong cách lập luận xét xử.

Đối với phán quyết, yêu cầu quan trọng nhất là phải rõ ràng, cụ thể và có khả năng thi hành. Trong vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á, Tòa án cấp phúc thẩm buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Xuyên Á thanh toán cho Công ty Ngọc Bích tổng số tiền nợ gốc và lãi là 168.476.000 đồng. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Việc xác định rõ chủ thể phải thanh toán và số tiền phải thanh toán là điều kiện quan trọng để bản án có thể được thi hành. Nếu bản án chỉ tuyên chung chung rằng “công ty phải

thanh toán” trong khi công ty đã giải thể hoặc không xác định rõ người kế thừa nghĩa vụ, việc thi hành án sẽ gặp khó khăn.

Vụ Công ty H - Công ty KC và bà Dương Thị Hồng Ph1 cũng cho thấy yêu cầu này. Theo tài liệu, bà Ph1 cho rằng bà ký hợp đồng với Công ty H nhưng công ty này đã giải thể; căn cứ giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Công ty H đổi tên thành Công ty KC nên Công ty KC tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty H. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm và buộc bà Ph1 trả 500.000.000 đồng cho Công ty KC trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. (Vụ việc số 4, Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Vụ việc này phản ánh hai yêu cầu đối với phán quyết. Thứ nhất, Tòa án phải xác định đúng chủ thể nhận thanh toán khi bên có quyền đã đổi tên, sáp nhập hoặc thay đổi tư cách pháp lý. Thứ hai, bản án cần xác định rõ thời hạn, phương thức hoặc nghĩa vụ thanh toán cụ thể để bảo đảm khả năng thi hành. Trong quan hệ HĐMBHH, nếu chủ thể nhận thanh toán không được xác định chính xác, bên phải thanh toán có thể tiếp tục viện dẫn lý do “không giao dịch với chủ thể mới” hoặc “không biết việc kế thừa quyền” để trì hoãn nghĩa vụ.

Thực tiễn xét xử cũng cho thấy cấp phúc thẩm có vai trò kiểm tra và chỉnh lý những thiếu sót của cấp sơ thẩm. Trong vụ anh Sang, chị Dung - anh Tuấn, chị Tiên, cấp phúc thẩm đã lưu ý cấp sơ thẩm cần xác định tư cách tham gia tổ tụng giữa doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy thiếu sót không lớn nhưng cần rút kinh nghiệm. (Vụ việc số 6, Bản án số 02/2020/KDTM-PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Điều này cho thấy chất lượng xét xử không chỉ nằm ở kết quả chấp nhận hay bác yêu cầu, mà còn ở việc xác định đúng tư cách tổ tụng, đúng quan hệ pháp luật và đúng phạm vi nghĩa vụ của từng chủ thể.

Từ các vụ việc trên, có thể thấy thực tiễn hòa giải, xét xử và phán quyết trong tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng đặt ra yêu cầu rất cao đối với kỹ năng của Thẩm phán. Thẩm phán phải hiểu cấu trúc giao dịch thương mại, nhận diện đúng chứng cứ, phân biệt công nợ với tranh chấp chất lượng, xác định đúng chủ thể, làm rõ yêu cầu và phản đối của các bên, đồng thời tuyên án đủ cụ thể để thi hành. Một phán quyết tốt trong tranh chấp HĐMBHH không chỉ trả lời câu hỏi bên nào thắng kiện, mà còn phải

làm rõ vì sao bên đó thắng kiện, nghĩa vụ cụ thể phải thực hiện là gì, ai phải thực hiện, thực hiện cho ai, số tiền bao nhiêu, lãi tính thế nào và bản án có thể thi hành ra sao.

2.3.5. Thực tiễn thực hiện quy định về chế tài hợp đồng và thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Trong tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng, chế tài được áp dụng phổ biến nhất là buộc thanh toán tiền hàng và lãi chậm trả. Đây là điều dễ hiểu vì phần lớn vụ việc trong Phụ lục 2 đều xoay quanh việc bên bán đã giao hàng nhưng bên mua chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy yêu cầu thanh toán tiền hàng hiếm khi đứng một mình; nó thường đi kèm với các vấn đề về chất lượng hàng hóa, giảm trừ nghĩa vụ, lãi chậm trả, trách nhiệm liên đới hoặc chủ thể nhận thanh toán.

Trong vụ Công ty H - bà Dương Thị Hồng Ph1, số nợ 734.000.000 đồng được bên mua thừa nhận nhưng bên mua cho rằng sản phẩm kém chất lượng và đã có thỏa thuận chỉ trả 200.000.000 đồng là hết nợ. (Vụ việc số 3, Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Vụ việc cho thấy khi áp dụng chế tài buộc thanh toán, Tòa án phải xác định rõ khoản nợ gốc và xem xét có căn cứ giảm trừ nghĩa vụ hay không. Nếu bên mua chứng minh được có thỏa thuận giảm nợ hợp pháp, phạm vi nghĩa vụ thanh toán có thể thay đổi. Ngược lại, nếu không chứng minh được, nghĩa vụ thanh toán vẫn phải được thực hiện theo công nợ đã xác nhận hoặc theo chứng cứ giao dịch.

Trong vụ Công ty Xây lắp - Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc, khoản nợ gốc được thừa nhận là 298.365.120 đồng, nhưng bên có nghĩa vụ yêu cầu kiểm tra chất lượng lô hàng trước khi thanh toán. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu lãi chậm trả theo biểu lãi suất cho vay của BIDV chi nhánh Lâm Đồng, mức 7,5%/năm x 150% trong 16 tháng, tương ứng 44.754.768 đồng. (Vụ việc số 5, Bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết). Vụ việc này cho thấy khi giải quyết yêu cầu thanh toán, Tòa án cần tách bạch giữa nợ gốc và lãi chậm trả. Nợ gốc phản ánh nghĩa vụ thanh toán tiền hàng; lãi chậm trả phản ánh hậu quả của việc chậm thực hiện nghĩa vụ tiền tệ.

Lãi chậm trả là một trong những vấn đề thực tiễn đáng chú ý nhất. Trong vụ anh Sang, chị Dung - anh Tuấn, chị Tiên, Tòa án cấp phúc thẩm xác định cấp sơ thẩm tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là

0,92%/tháng. Cách tính được chia thành hai giai đoạn: từ ngày 06/01/2017 đến ngày 26/5/2018 trên số tiền 2.319.271.000 đồng; sau khi khấu trừ số đã trả, tiếp tục tính từ ngày 27/5/2018 đến ngày 10/12/2019 trên số nợ còn lại 2.222.892.000 đồng. (Vụ việc số 6, Bản án số 02/2020/KDTM-PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Cách tính này có ý nghĩa thực tiễn tích cực vì đã thể hiện việc tính lãi theo từng giai đoạn và có tính đến khoản đã thanh toán. Trong tranh chấp HĐMBHH, nếu bên mua đã trả một phần tiền hàng, Tòa án không thể tính lãi trên toàn bộ số nợ ban đầu cho toàn bộ thời gian chậm trả. Việc khấu trừ khoản đã trả và tính lãi trên số dư còn lại thể hiện sự hợp lý trong xác định hậu quả của chậm thanh toán. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy bản án cần làm rõ hơn nguồn xác định mức lãi suất 0,92%/tháng, cơ sở lựa chọn thời điểm tính lãi và phương pháp xác định “lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường”. Nếu bản án chỉ nêu mức lãi mà không giải thích nguồn xác định, khả năng kiểm tra, dự đoán và thi hành có thể bị hạn chế.

Vấn đề lãi chậm trả có mối liên hệ trực tiếp với Án lệ số 09/2016/AL, vốn định hướng việc xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường trong trường hợp chậm thanh toán. Danh mục tài liệu của bản thảo cũng đã xác định Án lệ số 09/2016/AL là tài liệu tham chiếu về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Trong thực tiễn, việc lựa chọn ngân hàng nào, tại địa phương nào, tại thời điểm nào để tính trung bình vẫn có thể tạo ra khác biệt. Vì vậy, đối với các tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả cần được xem là một nội dung độc lập, phải được lập luận riêng, không nên chỉ coi là hệ quả phụ của yêu cầu thanh toán.

Ngoài lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cũng là những chế tài có thể phát sinh, nhưng các chất liệu thực tiễn trong Phụ lục 2 cho thấy yêu cầu về bồi thường thường khó chứng minh hơn yêu cầu thanh toán tiền hàng. Vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á cho thấy bên mua viện dẫn 280 m² gạch lệch màu và yêu cầu hoàn lại tiền hàng, chi phí phát sinh 40.829.500 đồng. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Để yêu cầu này có thể được chấp nhận như một dạng bồi thường hoặc giảm trừ nghĩa vụ, bên mua phải chứng minh thiệt hại thực tế, mức thiệt hại, hành vi vi phạm của bên bán và quan hệ nhân quả giữa việc giao hàng lệch màu với khoản thiệt hại yêu cầu. Nếu chỉ nêu

hàng hóa bị lỗi mà không chứng minh được thiệt hại cụ thể, yêu cầu bồi thường sẽ khó có căn cứ.

Thực tiễn này cho thấy sự khác biệt quan trọng giữa yêu cầu thanh toán và yêu cầu bồi thường. Đối với yêu cầu thanh toán, bên bán thường chứng minh bằng việc giao hàng, hóa đơn, công nợ và chứng từ thanh toán. Đối với yêu cầu bồi thường, bên yêu cầu phải chứng minh thêm thiệt hại thực tế và quan hệ nhân quả. Trong tranh chấp chất lượng hàng hóa, bên mua thường cho rằng hàng hóa không bán được cho khách hàng, bị khách hàng khiếu nại hoặc làm phát sinh chi phí khác. Tuy nhiên, nếu không có chứng cứ về việc khách hàng khiếu nại, biên bản trả hàng, chi phí xử lý, kết quả giám định hoặc tài liệu chứng minh tổn thất cụ thể, thì yêu cầu bồi thường khó được chấp nhận.

Đối với thi hành bản án, thực tiễn các vụ việc cũng cho thấy tầm quan trọng của việc tuyên rõ chủ thể và nghĩa vụ. Trong vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á, do Công ty Xuyên Á đã giải thể, Tòa án cấp phúc thẩm buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty thanh toán nợ gốc và lãi tổng cộng 168.476.000 đồng. (Vụ việc số 1, Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Nếu Tòa án không xác định rõ chủ thể phải thi hành án trong bối cảnh doanh nghiệp đã giải thể, bản án có thể rơi vào tình trạng khó tổ chức thi hành, dù nội dung xét xử về công nợ là có căn cứ.

Tương tự, trong vụ Công ty H đổi tên thành Công ty KC, Tòa án xác định Công ty KC tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty H, từ đó buộc bà Ph1 trả 500.000.000 đồng cho Công ty KC trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. (Vụ việc số 4, Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Cách tuyên này có ý nghĩa thi hành án rõ rệt: bên phải thi hành biết phải thanh toán cho ai, số tiền bao nhiêu và trong thời hạn nào. Đồng thời, nó cũng loại bỏ lập luận rằng vì công ty cũ đã thay đổi tên nên nghĩa vụ thanh toán không còn hoặc không xác định được chủ thể nhận thanh toán.

Vụ Công ty cổ phần nông dược TSC sáp nhập vào Công ty cổ phần L cũng cho thấy vấn đề tương tự. Theo tài liệu, hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Kim H chưa trả số tiền 231.065.465 đồng, một phần lấy lý do chưa giao dịch với Công ty cổ phần L. Tuy nhiên, quá trình mua bán diễn ra trong thời gian dài; khi đối chiếu công nợ, bà H đã ký xác nhận nợ và biết rõ việc Công ty cổ phần nông dược TSC sáp nhập vào Công ty cổ

phần L, nên nghĩa vụ đối với Công ty TSC nay phải thực hiện cho Công ty L. (Vụ việc số 4, Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng). Vụ việc này cho thấy trong thi hành nghĩa vụ thanh toán, việc thay đổi chủ thể nhận thanh toán không đương nhiên làm mất nghĩa vụ của bên mua nếu có căn cứ chứng minh sự kế thừa quyền.

Từ các vụ việc trên có thể thấy, hiệu quả thực hiện pháp luật về chế tài và thi hành bản án trong tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng phụ thuộc vào ba điều kiện. Thứ nhất, Tòa án phải xác định đúng loại chế tài: thanh toán, lãi chậm trả, bồi thường, trách nhiệm liên đới hoặc nghĩa vụ kế thừa. Thứ hai, Tòa án phải tuyên rõ nghĩa vụ cụ thể: ai trả, trả cho ai, số tiền bao nhiêu, lãi tính đến thời điểm nào, có tiếp tục tính lãi sau bản án hay không. Thứ ba, bản án phải gắn với khả năng thi hành thực tế, nhất là trong trường hợp doanh nghiệp giải thể, sáp nhập, đổi tên hoặc giao dịch qua chi nhánh.

2.3.6. Nhận xét chung từ thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng

Từ các nội dung trên có thể rút ra một số nhận xét chung về thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng.

Thứ nhất, các tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng có tính chất đa dạng nhưng tập trung vào một số nhóm vấn đề nổi bật: thanh toán tiền hàng, chất lượng hàng hóa, chủ thể có nghĩa vụ thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và lãi chậm trả. Các vụ việc trong Phụ lục 2 đều xoay quanh những vấn đề này, cho thấy đây là những điểm có giá trị thực tiễn cao đối với đề án.

Thứ hai, tranh chấp thanh toán thường không tồn tại độc lập mà đan xen với tranh chấp chất lượng hàng hóa. Bên bán thường chứng minh đã giao hàng và yêu cầu thanh toán; bên mua thường phản đối bằng lập luận hàng hóa không đạt chất lượng, không bán được cho khách hàng hoặc đã có thỏa thuận giảm nghĩa vụ. Điều này thể hiện rõ trong các vụ Công ty Ngọc Bích - Công ty Xuyên Á, Công ty H - bà Dương Thị Hồng Ph1 và Công ty Xây lắp - Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc.

Thứ ba, chứng cứ là yếu tố quyết định hiệu quả giải quyết tranh chấp. Khi các bên có hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao hàng, chứng từ thanh toán và đối chiếu công nợ rõ ràng, Tòa án có điều kiện xác định nghĩa vụ nhanh hơn. Ngược lại, khi giao dịch bằng lời nói, không có hợp đồng văn bản, chứng cứ giao nhận rời rạc hoặc khiếu nại

chất lượng không được lập thành văn bản, Tòa án phải đánh giá qua chuỗi chứng cứ gián tiếp, làm tăng độ phức tạp của vụ án.

Thứ tư, việc xác định chủ thể có quyền và nghĩa vụ trong tranh chấp HĐMBHH có vai trò đặc biệt quan trọng. Các vụ việc về Công ty GFC - Công ty Cổ phần NTACO, Công ty H - Công ty KC, Công ty cổ phần nông dược TSC - Công ty cổ phần L cho thấy sự thay đổi về chi nhánh, tên doanh nghiệp, sáp nhập hoặc kế thừa quyền, nghĩa vụ có thể trở thành căn cứ để bên có nghĩa vụ trì hoãn thanh toán. Tòa án phải xử lý chặt chẽ vấn đề này để bảo đảm phán quyết có thể thi hành.

Thứ năm, lãi chậm trả là vấn đề cần tiếp tục được chú ý. Các vụ Công ty Xây lắp - Công ty Tài Lộc Phát Phú Quốc và anh Sang, chị Dung - anh Tuấn, chị Tiên cho thấy việc tính lãi cần được tuyên rõ về mức lãi, thời gian tính, số tiền làm căn cứ tính và cách xử lý khi đã thanh toán một phần. Đây là yêu cầu quan trọng không chỉ để bảo đảm quyền lợi của bên bị chậm thanh toán, mà còn để hạn chế tranh chấp ở giai đoạn thi hành án.

Tóm lại, thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng cho thấy pháp luật hiện hành đã tạo cơ sở để Tòa án bảo vệ quyền lợi của bên bị vi phạm, đặc biệt trong các tranh chấp thanh toán tiền hàng và lãi chậm trả. Tuy nhiên, hiệu quả giải quyết vẫn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng hợp đồng, chất lượng chứng cứ, năng lực chứng minh của các bên và kỹ năng lập luận của Tòa án. Những vướng mắc phát sinh từ giao dịch không có hợp đồng văn bản, chứng cứ chất lượng hàng hóa không đầy đủ, thay đổi chủ thể nhận thanh toán, trách nhiệm của chi nhánh và cách tính lãi chậm trả là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề án tiếp tục đánh giá chung và đề xuất giải pháp ở Chương 3.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng. Trên phương diện pháp luật, Chương 2 cho thấy hệ thống quy định hiện hành đã tạo lập khuôn khổ tương đối đầy đủ cho việc giải quyết tranh chấp, bao gồm các quy định về xác định tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án; quyền khởi kiện, thụ lý và điều kiện giải quyết vụ án; chứng cứ và chứng minh; hòa giải, xét xử, phán quyết; cũng như chế tài hợp đồng và thi hành bản án. Đặc biệt, việc cập nhật các thay đổi sau ngày 01/7/2025 cho thấy yêu cầu phải

nhận diện lại thẩm quyền của Tòa án trong bối cảnh tổ chức hệ thống Tòa án theo mô hình mới và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Trên phương diện thực tiễn, Chương 2 đã làm rõ những đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng có ảnh hưởng trực tiếp đến tranh chấp HĐMBHH, nhất là đặc thù về nông nghiệp hàng hóa, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, dịch vụ và phân phối. Thực tiễn các vụ việc được nghiên cứu cho thấy tranh chấp HĐMBHH tại địa phương thường tập trung vào nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa, chủ thể có nghĩa vụ thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và cách tính lãi chậm trả. Các tranh chấp này thường không tồn tại đơn lẻ mà đan xen với nhau, làm cho Tòa án phải xem xét toàn bộ quá trình giao kết, giao nhận, đối chiếu công nợ, khiếu nại chất lượng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Chương 2 cũng chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc đáng chú ý. Nhiều giao dịch chưa được lập thành hợp đồng chặt chẽ; chứng cứ giao nhận, thanh toán, chất lượng hàng hóa còn thiếu hoặc không liên tục; việc chứng minh khiếm khuyết hàng hóa còn khó khăn; việc xác định lãi chậm trả và chủ thể kế thừa quyền, nghĩa vụ trong một số trường hợp vẫn đặt ra yêu cầu lập luận kỹ lưỡng hơn. Những hạn chế này không chỉ xuất phát từ quy định pháp luật, mà còn từ năng lực quản trị hợp đồng và ý thức pháp lý của các chủ thể giao dịch.

Từ kết quả nghiên cứu của Chương 2, Chương 3 cần tiếp tục đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng. Các giải pháp cần hướng đồng thời tới Tòa án, cơ quan thi hành án và các chủ thể tham gia HĐMBHH.

Chương 3: GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TÒA ÁN Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án

Theo người viết Đề án, hoàn thiện quy định pháp luật về thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa cần đáp ứng các định hướng sau:

3.1.1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa

Yêu cầu đầu tiên của việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng. HĐMBHH là quan hệ pháp lý dựa trên sự thỏa thuận, tự nguyện và bình đẳng, nhưng khi tranh chấp phát sinh, sự bình đẳng trên giấy tờ chỉ có ý nghĩa thực tế nếu các bên có cơ chế bảo vệ quyền hiệu quả. Bên bán cần được bảo vệ khi đã giao hàng nhưng không được thanh toán; bên mua cần được bảo vệ khi hàng hóa không đúng chất lượng, số lượng, chủng loại hoặc không đáp ứng mục đích sử dụng đã thỏa thuận. Vì vậy, giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án không thể nghiêng hẳn về bên đòi tiền hoặc bên phản đối nghĩa vụ, mà phải đặt trên nguyên tắc cân bằng giữa quyền yêu cầu và nghĩa vụ chứng minh.

Trong thực tiễn, nhiều tranh chấp HĐMBHH có bề ngoài là tranh chấp công nợ nhưng bên trong lại gắn với tranh chấp về chất lượng hàng hóa, chủ thể thanh toán, thỏa thuận giảm nợ hoặc lãi chậm trả. Chương 2 đã cho thấy chất liệu thực tiễn tại Lâm Đồng phản ánh rõ tình trạng này: tranh chấp chủ yếu xoay quanh nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa và lãi chậm trả; đồng thời các vướng mắc không chỉ xuất phát từ quy định pháp luật, mà còn từ cách giao kết, thực hiện, lưu giữ chứng cứ và khả năng thi hành bản án của các bên. Do đó, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp không đơn thuần là rút ngắn thời gian xét xử, mà còn phải bảo đảm Tòa án xác định đúng bản chất quan hệ tranh chấp, đúng phạm vi nghĩa vụ, đúng loại chế tài và đúng chủ thể phải thi hành án.

Yêu cầu bảo vệ quyền hợp pháp của các bên cũng đòi hỏi Tòa án không gián lược nghĩa vụ chứng minh. Bên bán yêu cầu thanh toán phải chứng minh việc giao hàng, giá trị hàng hóa, số tiền còn nợ và căn cứ tính lãi. Bên mua phản đối nghĩa vụ

thanh toán vì hàng hóa không phù hợp phải chứng minh tình trạng hàng hóa, thời điểm phát hiện khiếm khuyết, việc thông báo khiếu nại và thiệt hại thực tế nếu có. Một cơ chế xét xử tốt là cơ chế không để bên có nghĩa vụ lợi dụng khiếu nại chất lượng để trì hoãn thanh toán, nhưng cũng không để bên bán mặc nhiên được chấp nhận yêu cầu nếu chứng cứ giao hàng, chất lượng hoặc công nợ chưa rõ ràng.

3.1.2. Bảo đảm tính nhanh chóng, kịp thời nhưng không làm giảm chất lượng hoạt động xét xử

Trong tranh chấp thương mại, thời gian là yếu tố có giá trị kinh tế. Một vụ án kéo dài có thể làm tăng chi phí tố tụng, làm mất cơ hội kinh doanh, làm giảm khả năng thu hồi công nợ và thậm chí làm cho bản án sau cùng khó thi hành vì bên phải thi hành án không còn tài sản hoặc đã ngừng hoạt động. Đối với HĐMBHH, đặc biệt là các giao dịch về nông sản, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, máy móc hoặc hàng hóa phục vụ sản xuất, thời gian giải quyết tranh chấp càng có ý nghĩa quan trọng, bởi hàng hóa có thể mất giá, hư hỏng, biến đổi chất lượng hoặc không còn phù hợp với mục đích ban đầu.

Tuy nhiên, yêu cầu nhanh chóng không đồng nghĩa với việc giải quyết đơn giản hóa. Nếu Tòa án chỉ dựa vào hóa đơn hoặc xác nhận công nợ mà không xem xét lập luận về chất lượng hàng hóa, việc thanh toán từng phần, thỏa thuận giảm nghĩa vụ hoặc chủ thể nhận thanh toán, bản án có thể thiếu toàn diện. Ngược lại, nếu Tòa án mở rộng xác minh quá mức, không xác định sớm vấn đề cần chứng minh, vụ án có thể kéo dài không cần thiết. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải giải quyết nhanh trên cơ sở hồ sơ được chuẩn hóa, chứng cứ được xác định sớm và phạm vi tranh chấp được giới hạn rõ ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Muốn đạt yêu cầu này, Tòa án cần có cơ chế sàng lọc vấn đề pháp lý ngay sau khi thụ lý. Đối với tranh chấp HĐMBHH, Thẩm phán cần xác định sớm vụ án thuộc dạng nào: đòi tiền hàng đơn thuần, tranh chấp chất lượng hàng hóa, tranh chấp chủ thể thanh toán, tranh chấp lãi chậm trả, hay tranh chấp có yêu cầu phản tố về bồi thường. Khi đã xác định được “trục tranh chấp”, Tòa án có thể yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ tương ứng, tránh tình trạng đến phiên tòa mới phát sinh tranh luận về các vấn đề chưa được chuẩn bị.

3.1.3. Bảo đảm tính thống nhất, dự đoán được trong áp dụng pháp luật

Một trong những yêu cầu quan trọng của môi trường kinh doanh là khả năng dự đoán hậu quả pháp lý. Các chủ thể kinh doanh chỉ có thể yên tâm giao kết và thực hiện hợp đồng khi họ có thể dự liệu tương đối rõ: nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi như thế nào; nếu giao hàng không phù hợp thì phải chịu trách nhiệm ra sao; nếu không chứng minh được thiệt hại thì yêu cầu bồi thường có được chấp nhận hay không; nếu không thỏa thuận phạt vi phạm thì có thể yêu cầu phạt hay không.

Chương 2 đã chỉ ra rằng pháp luật hiện hành đã tạo cơ sở tương đối đầy đủ cho việc giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án, nhưng vẫn còn những điểm có độ mở cao, đặc biệt là về lãi chậm trả, chứng cứ điện tử, xác định thiệt hại và xử lý hàng hóa không phù hợp trong trường hợp hợp đồng không quy định rõ. Vì vậy, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật không chỉ là nâng cao năng lực của từng Thẩm phán, mà còn là tăng tính thống nhất trong cách hiểu và cách áp dụng pháp luật.

Tính thống nhất cần được thể hiện trước hết ở cách xác định quan hệ tranh chấp. Nếu các bên không có hợp đồng văn bản nhưng có giao hàng, nhận hàng, hóa đơn, công nợ và thanh toán từng phần, Tòa án cần đánh giá bản chất quan hệ mua bán trên cơ sở chuỗi hành vi thương mại, không nên hình thức hóa quá mức. Tiếp đó, tính thống nhất cần thể hiện ở cách đánh giá chứng cứ về chất lượng hàng hóa, thời hạn khiếu nại, giá trị của chứng cứ điện tử, lãi chậm trả, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Một bản án có lập luận rõ không chỉ giải quyết vụ án cụ thể, mà còn góp phần định hướng hành vi cho các chủ thể kinh doanh khác.

3.1.4. Bảo đảm sự phù hợp với bối cảnh tổ chức Tòa án và địa bàn Lâm Đồng sau ngày 01/7/2025

Từ ngày 01/7/2025, việc tổ chức lại hệ thống Tòa án và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đặt ra yêu cầu mới đối với việc giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Lâm Đồng. Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số luật tổ tụng, trong đó có BLTTDS và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 thành lập TAND cấp tỉnh, TAND khu vực và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án này, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với đề án vì Lâm Đồng mới được hình thành trong bối cảnh địa bàn rộng hơn, không gian kinh tế đa dạng hơn và hệ thống Tòa án được tổ chức lại. Những bản án trước ngày 01/7/2025 cần được nhìn nhận trong bối cảnh mô hình Tòa án cũ; còn các vụ việc phát sinh sau thời điểm này cần được đặt

trong mô hình TAND cấp tỉnh, TAND khu vực và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ mới. Nếu không phân biệt rõ, việc đánh giá thực tiễn có thể bị sai lệch về phạm vi địa bàn, cơ quan xét xử và bối cảnh áp dụng pháp luật.

Vì vậy, các giải pháp ở Chương 3 phải hướng đến yêu cầu thích ứng với tổ chức Tòa án mới. Tòa án ở Lâm Đồng cần có cơ chế chuyển tiếp hồ sơ, thống nhất cách ghi nhận địa danh, thẩm quyền theo lãnh thổ, thông tin đương sự và kế thừa dữ liệu từ các Tòa án trước đây. Đồng thời, cần xây dựng cơ sở dữ liệu bản án, vụ việc theo địa bàn mới để theo dõi xu hướng tranh chấp HĐMBHH sau sắp xếp đơn vị hành chính.

3.1.5. Bảo đảm tính khả thi của giải pháp

Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật phải có tính khả thi. Một giải pháp tốt không chỉ đúng về lý luận mà còn phải phù hợp với nguồn lực của Tòa án, cơ quan THADS, cơ quan quản lý địa phương và năng lực của các chủ thể kinh doanh. Đối với tỉnh Lâm Đồng, giải pháp không thể chỉ dừng ở kiến nghị sửa luật ở tầm quốc gia, mà cần bao gồm các biện pháp có thể thực hiện ngay ở địa phương như chuẩn hóa hồ sơ khởi kiện, tập huấn kỹ năng chứng cứ, tăng cường hòa giải thực chất, xây dựng mẫu điều khoản hợp đồng, nâng cao năng lực quản trị chứng cứ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Tính khả thi cũng đòi hỏi giải pháp phải phân tầng. Những vấn đề thuộc về pháp luật nội dung và tổ tụng cần kiến nghị cơ quan trung ương hướng dẫn hoặc sửa đổi. Những vấn đề thuộc về tổ chức xét xử cần kiến nghị TAND tỉnh Lâm Đồng, các TAND khu vực thực hiện thông qua tập huấn, rút kinh nghiệm, xây dựng mẫu bản án, checklist chứng cứ. Những vấn đề thuộc về chủ thể kinh doanh cần giải quyết bằng phổ biến pháp luật, tư vấn hợp đồng, mẫu hóa chứng từ giao nhận, thanh toán và khiếu nại chất lượng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại TAND tỉnh Lâm Đồng

Nghiên cứu về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho thấy sự đa dạng và phức tạp, phản ánh rõ nét đặc thù kinh tế địa phương. Qua phân tích thực tiễn xét xử, các vướng mắc phổ biến thường bắt nguồn từ việc xác lập chứng cứ lỏng lẻo, lạm dụng quy trình giải thể để trốn tránh nghĩa vụ hoặc nhầm lẫn về sự kiện bất khả kháng...Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thể hiện quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ tính minh bạch và đề cao trách nhiệm tự quản trị của

thương nhân thông qua các phán quyết về giá trị pháp lý của con dấu và trách nhiệm liên đới của thành viên góp vốn. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro về tranh chấp trong giao kết, thực hiện HĐMBHH, thương nhân cần đầu tư khâu soạn thảo, rà soát hợp đồng, nâng cao năng lực quản trị và dự đoán trước rủi ro, và minh bạch hóa quá trình thực thi quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật thông qua phát triển, áp dụng án lệ sẽ là chìa khóa để nâng cao hiệu quả tư pháp, đảm bảo quyền các chủ thể, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh an toàn và bền vững cho tỉnh Lâm Đồng nói riêng, cả nước nói chung. Vì vậy, liên quan tới hợp đồng mua bán hàng hóa, theo người viết Đề án, cần hoàn thiện các quy định pháp luật sau đây:

3.2.1. Hoàn thiện quy định và hướng dẫn về thẩm quyền, chuyển tiếp thẩm quyền sau khi tổ chức Tòa án theo mô hình mới

Bất cập đầu tiên cần được xử lý là sự thay đổi thẩm quyền sau ngày 01/7/2025. Sự thay đổi này là cần thiết trong bối cảnh tổ chức lại hệ thống Tòa án, nhưng cũng có thể làm phát sinh khó khăn trong giai đoạn đầu áp dụng: vụ án đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 thì Tòa án nào tiếp tục giải quyết; địa chỉ đương sự sau sắp xếp đơn vị hành chính được ghi nhận thế nào; tranh chấp có yếu tố liên tỉnh trong địa bàn Lâm Đồng mới được xác định thẩm quyền ra sao; việc kế thừa hồ sơ, dữ liệu, lịch xét xử giữa Tòa án cũ và Tòa án mới được tổ chức như thế nào.

Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn áp dụng về thẩm quyền trong giai đoạn chuyển tiếp. Hướng dẫn này cần tập trung vào bốn vấn đề. Thứ nhất, xác định rõ nguyên tắc kế thừa thẩm quyền đối với vụ án KDTM đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong. Thứ hai, hướng dẫn cách xác định thẩm quyền theo lãnh thổ đối với trường hợp bị đơn thay đổi địa chỉ, doanh nghiệp chuyển trụ sở, hộ kinh doanh thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc địa danh hành chính đã thay đổi. Thứ ba, hướng dẫn cách ghi tên Tòa án, địa chỉ đương sự và địa bàn trong bản án, quyết định sau sắp xếp đơn vị hành chính. Thứ tư, hướng dẫn xử lý trường hợp hợp đồng có thỏa thuận Tòa án theo địa danh cũ.

Về phương diện hoàn thiện pháp luật, TAND tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hoặc án lệ/giải đáp nghiệp vụ liên quan đến thẩm quyền của TAND khu vực trong tranh chấp KDTM sau khi Luật số 85/2025/QH15 có hiệu lực. Cách hướng dẫn không nên chỉ dừng ở nguyên tắc chung mà cần có tình huống mẫu:

tranh chấp giữa doanh nghiệp có trụ sở tại địa bàn cũ của Bình Thuận và bên mua tại địa bàn cũ của Lâm Đồng; tranh chấp phát sinh trước sáp nhập nhưng khởi kiện sau sáp nhập; tranh chấp đã thụ lý trước sáp nhập nhưng xét xử sau sáp nhập. Việc hướng dẫn bằng tình huống sẽ giúp Thẩm phán, Thư ký, luật sư và đương sự dễ áp dụng hơn.

Đối với Lâm Đồng, giải pháp này càng cần thiết vì Chương 2 đã xác định việc sử dụng bản án trước và sau ngày 01/7/2025 phải phân biệt rõ phạm vi địa bàn và mô hình Tòa án. Nếu không có cách hiểu thống nhất, các vụ án HĐMBHH có thể bị kéo dài do xác định sai thẩm quyền, chuyển hồ sơ nhiều lần hoặc phải sửa đổi thông tin đương sự. Một cơ chế thẩm quyền rõ ràng sẽ làm giảm chi phí tố tụng, tăng khả năng tiếp cận Tòa án và bảo đảm tính liên tục trong giải quyết tranh chấp.

3.2.2. Hoàn thiện hướng dẫn về chứng cứ, chứng cứ điện tử và nghĩa vụ chứng minh trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Hạn chế nổi bật nhất được Chương 2 chỉ ra là chất lượng hợp đồng và chứng cứ của các bên còn thấp; nhiều giao dịch không có hợp đồng văn bản hoặc hợp đồng sơ sài, không ghi rõ chất lượng, thời hạn kiểm tra, chế tài, lãi chậm trả và cơ quan giải quyết tranh chấp, làm cho việc chứng minh khi tranh chấp phát sinh trở nên khó khăn. Vì vậy, giải pháp hoàn thiện pháp luật phải tập trung vào chứng cứ và chứng minh.

BLTTDS đã quy định nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh, khái niệm chứng cứ và nguồn chứng cứ; Luật Giao dịch điện tử năm 2023 cũng ghi nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, giá trị như văn bản và giá trị làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu khi đáp ứng điều kiện luật định. Tuy nhiên, trong tranh chấp HĐMBHH, vấn đề không chỉ là pháp luật có thừa nhận chứng cứ điện tử hay không, mà là Tòa án đánh giá chứng cứ điện tử như thế nào: ảnh chụp tin nhắn có đủ không; email không có chữ ký số nhưng có chuỗi trao đổi liên tục có giá trị ra sao; dữ liệu từ phần mềm bán hàng có cần xác nhận của đơn vị cung cấp phần mềm hay không; tin nhắn từ số điện thoại cá nhân của nhân viên mua hàng có ràng buộc doanh nghiệp không. Luật Giao dịch điện tử 2023 có hiệu lực từ 01/7/2024 và đã xác lập nền tảng quan trọng về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, nhưng việc vận dụng trong tố tụng vẫn cần hướng dẫn chi tiết hơn.

Do đó, cần ban hành hướng dẫn chuyên sâu về chứng cứ trong tranh chấp KDTM, trong đó có tranh chấp HĐMBHH. Hướng dẫn này cần xác định các nhóm chứng cứ tối thiểu cho từng dạng yêu cầu. Đối với yêu cầu thanh toán tiền hàng, chứng

cứ tối thiểu gồm hợp đồng hoặc tài liệu thể hiện giao dịch, hóa đơn, phiếu giao hàng, chứng từ thanh toán, xác nhận công nợ hoặc thông tin trao đổi về việc mua bán. Đối với yêu cầu phản đối do hàng hóa không phù hợp, chứng cứ tối thiểu gồm tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng, biên bản giao nhận, biên bản kiểm tra, thông báo khiếu nại, hình ảnh, mẫu hàng, kết quả giám định nếu có. Đối với yêu cầu bồi thường, cần chứng minh thiệt hại thực tế, mức thiệt hại và quan hệ nhân quả.

Đồng thời, cần hướng dẫn cách đánh giá chuỗi chứng cứ. Trong thực tiễn, có thể không có một tài liệu duy nhất chứng minh toàn bộ quan hệ mua bán. Một hợp đồng sơ sài nhưng đi kèm hóa đơn, phiếu giao hàng, sao kê và xác nhận công nợ có thể đủ để xác định nghĩa vụ thanh toán. Ngược lại, một hóa đơn đơn lẻ nhưng không chứng minh được việc giao hàng, nhận hàng và công nợ có thể chưa đủ. Tòa án cần đánh giá chứng cứ trong mối liên hệ logic, liên tục và phù hợp với tập quán giao dịch.

Hoàn thiện hướng dẫn chứng cứ cũng cần đi cùng với cơ chế yêu cầu giao nộp chứng cứ sớm. Trong tranh chấp HĐMBHH, ngay khi thụ lý, Tòa án nên yêu cầu bên bán cung cấp tài liệu chứng minh giao hàng và công nợ; yêu cầu bên mua nếu phản đối chất lượng phải cung cấp chứng cứ về khiếm khuyết, thời điểm khiếu nại, tài liệu giám định hoặc tài liệu chứng minh thiệt hại. Việc xác định sớm nghĩa vụ chứng minh giúp tránh tình trạng tại phiên tòa mới phát sinh yêu cầu giám định, yêu cầu đổi chất hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, làm kéo dài vụ án.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng về chất lượng hàng hóa, kiểm tra hàng hóa và khiếu nại chất lượng

Chương 2 cho thấy vướng mắc về chất lượng hàng hóa là một hạn chế lớn: bên mua thường nêu hàng hóa kém chất lượng như lý do để không thanh toán hoặc chậm thanh toán, nhưng chứng cứ chứng minh khiếm khuyết thường không đầy đủ, thời điểm khiếu nại không rõ, không có giám định hoặc biên bản nghiệm thu. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về chất lượng hàng hóa trong HĐMBHH có ý nghĩa trực tiếp đối với hiệu quả giải quyết tranh chấp.

Luật Thương mại 2005 đã có quy định về nghĩa vụ giao hàng phù hợp, thời hạn khiếu nại và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, trong thực tiễn, nhiều hợp đồng không quy định rõ tiêu chuẩn chất lượng, phương thức kiểm tra, thời hạn nghiệm thu, trách nhiệm lưu mẫu hàng, cơ chế giám định hoặc cách xử lý hàng hóa không phù hợp. Khi tranh chấp phát sinh, bên mua thường cho rằng hàng hóa có lỗi nhưng không

chứng minh được lỗi tồn tại tại thời điểm nhận hàng; bên bán lại cho rằng bên mua đã nhận hàng, đã sử dụng hoặc đã bán lại nên không còn quyền phản đối.

Do đó, cần hướng dẫn cụ thể hơn về chứng minh hàng hóa không phù hợp. Hướng dẫn nên làm rõ rằng bên mua muốn từ chối thanh toán, yêu cầu giảm giá, đòi hàng hoặc bồi thường do hàng hóa không phù hợp thì phải chứng minh ba yếu tố: hàng hóa có khiếm khuyết so với thỏa thuận hoặc tiêu chuẩn áp dụng; khiếm khuyết tồn tại tại thời điểm chuyển giao hoặc thuộc trách nhiệm của bên bán; bên mua đã kiểm tra, thông báo, khiếu nại trong thời hạn hợp lý hoặc theo thời hạn luật định, trừ trường hợp bên bán biết hoặc phải biết khiếm khuyết mà không thông báo. Cách tiếp cận này giúp cân bằng giữa bảo vệ bên mua và bảo đảm an toàn thanh toán cho bên bán.

Đối với các loại hàng hóa đặc thù tại Lâm Đồng như nông sản, phân bón, vật tư nông nghiệp, cây giống, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, giải pháp cân cụ thể hơn. Tòa án khi giải quyết tranh chấp cần xem xét đặc điểm của từng loại hàng hóa. Nông sản có thể biến đổi chất lượng do thời gian, điều kiện bảo quản, vận chuyển; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc, hạn sử dụng; vật liệu xây dựng như gạch, đá, xi măng có thể phát sinh tranh chấp về màu sắc, kích thước, cường độ, quy cách; máy móc thiết bị gắn với bảo hành, vận hành, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng. Vì vậy, chứng cứ về chất lượng cần được đánh giá trong bối cảnh loại hàng hóa cụ thể, không thể áp dụng một cách máy móc cho mọi trường hợp.

Về lâu dài, cần khuyến nghị cơ quan có thẩm quyền xây dựng hướng dẫn hoặc án lệ về tranh chấp hàng hóa không phù hợp trong HĐMBHH. Án lệ hoặc hướng dẫn nên tập trung vào các vấn đề thường gặp: bên mua nhận hàng nhưng không lập biên bản khiếu nại có còn quyền phản đối chất lượng không; hàng hóa đã bán lại hoặc sử dụng thì chứng minh khiếm khuyết thế nào; kết quả giám định được lập sau thời điểm nhận hàng có giá trị ra sao; việc bên mua chậm thanh toán với lý do hàng hóa kém chất lượng có được xem là có căn cứ không. Những hướng dẫn này sẽ giúp tăng tính dự đoán trong xét xử.

3.2.4. Hoàn thiện hướng dẫn về lãi chậm trả trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Lãi chậm trả là một trong những vướng mắc nổi bật của thực tiễn. Chương 2 đã chỉ ra rằng cách xác định lãi chậm trả chưa thật thống nhất; khái niệm “lãi suất nợ quá

hạn trung bình trên thị trường” cần được hướng dẫn cụ thể hơn về số lượng ngân hàng, địa bàn lấy lãi suất, loại kỳ hạn và thời điểm xác định.

Văn bản hợp nhất số 113/VBHN-VPQH năm 2025 hợp nhất Luật Thương mại 2005 hiện là nguồn đối chiếu cập nhật cho các quy định của Luật Thương mại 2005, trong đó có nhóm quy định về chế tài thương mại và lãi chậm trả.

Để bảo đảm thống nhất, TAND tối cao cần ban hành hướng dẫn cụ thể về cách xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường trong tranh chấp HĐMBHH. Hướng dẫn cần giải quyết ít nhất năm vấn đề. Thứ nhất, số lượng ngân hàng được sử dụng để xác định mức trung bình là bao nhiêu. Thứ hai, ngân hàng được chọn phải là ngân hàng tại địa phương nơi Tòa án giải quyết vụ án, nơi bên có nghĩa vụ thanh toán cư trú/trụ sở, hay ngân hàng thương mại phổ biến trên thị trường. Thứ ba, loại lãi suất nào được dùng: lãi suất cho vay quá hạn, lãi suất cho vay thông thường nhân với tỷ lệ quá hạn, hay lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay cùng loại. Thứ tư, thời điểm xác định lãi suất là thời điểm thanh toán, thời điểm xét xử sơ thẩm, thời điểm xét xử phúc thẩm hay thời điểm yêu cầu tính lãi. Thứ năm, trường hợp bên mua thanh toán một phần thì khoản đã thanh toán được trừ vào gốc hay lãi trước, và từ thời điểm nào tính lãi trên số dư còn lại.

Đối với tỉnh Lâm Đồng, hướng dẫn này có ý nghĩa rất thực tế. Các vụ việc được nghiên cứu cho thấy có trường hợp Tòa án sử dụng mức 0,92%/tháng; có trường hợp nguyên đơn yêu cầu tính theo biểu lãi suất cho vay của BIDV chi nhánh Lâm Đồng, mức 7,5%/năm x 150%. Nếu bản án không giải thích rõ nguồn xác định lãi suất, cơ sở lựa chọn ngân hàng, loại lãi và thời điểm tính lãi, tính thuyết phục của phán quyết sẽ bị giảm. Vì vậy, giải pháp hoàn thiện không chỉ là sửa luật, mà còn là chuẩn hóa cách lập luận trong bản án.

Một hướng khả thi là TAND tối cao ban hành biểu mẫu lập luận về lãi chậm trả trong tranh chấp HĐMBHH. Biểu mẫu này không ấn định một mức lãi cứng, nhưng yêu cầu bản án phải nêu rõ: khoản tiền chậm trả; thời điểm bắt đầu tính lãi; các lần thanh toán từng phần; số tiền còn lại sau mỗi lần thanh toán; mức lãi suất được áp dụng; nguồn xác định mức lãi; công thức tính; tổng số lãi đến ngày xét xử; nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi sau khi bản án có hiệu lực nếu chưa thi hành. Cách làm này giúp bản án rõ ràng hơn và giảm tranh chấp ở giai đoạn thi hành án.

3.2.5. Hoàn thiện pháp luật về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và quan hệ giữa các chế tài

Trong tranh chấp HĐMBHH, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và lãi chậm trả thường bị nhầm lẫn. Phạt vi phạm phụ thuộc vào thỏa thuận và giới hạn luật định; bồi thường thiệt hại đòi hỏi chứng minh thiệt hại thực tế, hành vi vi phạm và quan hệ nhân quả; lãi chậm trả gắn với nghĩa vụ thanh toán bị chậm thực hiện. Nếu Tòa án hoặc đương sự không phân biệt đúng, yêu cầu khởi kiện có thể bị trình bày lẫn lộn, bản án có thể tuyên thiếu rõ hoặc áp dụng chế tài không phù hợp.

Về phạt vi phạm, cần tiếp tục hướng dẫn rõ “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” trong HĐMBHH. Đây là vấn đề quan trọng vì mức phạt theo Luật Thương mại 2005 bị giới hạn theo giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, không phải mặc nhiên theo toàn bộ giá trị hợp đồng. Trong thực tiễn, nhiều hợp đồng ghi phạt vi phạm trên “tổng giá trị hợp đồng”, nhưng hành vi vi phạm chỉ liên quan đến một phần nghĩa vụ như chậm giao một lô hàng, giao thiếu một phần hàng, chậm thanh toán một phần công nợ. Nếu không xác định đúng “phần nghĩa vụ bị vi phạm”, mức phạt có thể vượt quá giới hạn hợp lý.

Về bồi thường thiệt hại, cần hướng dẫn rõ hơn nghĩa vụ chứng minh thiệt hại thực tế trong tranh chấp chất lượng hàng hóa. Bên mua thường cho rằng hàng hóa không bán được, khách hàng trả lại hàng, mất uy tín hoặc phát sinh chi phí xử lý. Tuy nhiên, những thiệt hại này cần được chứng minh bằng tài liệu cụ thể: hợp đồng bán lại, chứng từ khách hàng trả hàng, biên bản khiếu nại, hóa đơn chi phí sửa chữa, lưu kho, vận chuyển, kết quả giám định, tài liệu thể hiện khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng. Nếu không có chứng cứ, yêu cầu bồi thường không thể được chấp nhận chỉ dựa trên lời khai.

Về quan hệ giữa các chế tài, cần làm rõ trường hợp bên bị vi phạm có thể yêu cầu đồng thời phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, hoặc yêu cầu lãi chậm trả cùng với phạt vi phạm do chậm thanh toán. Sự thiếu rõ ràng trong hợp đồng và cách diễn đạt yêu cầu khởi kiện có thể dẫn đến tình trạng yêu cầu trùng lặp, ví dụ vừa yêu cầu lãi chậm trả, vừa yêu cầu bồi thường thiệt hại vì bị chiếm dụng vốn mà không chứng minh thiệt hại khác. Do đó, Tòa án cần phân loại từng khoản yêu cầu theo bản chất pháp lý: khoản nào là nợ gốc, khoản nào là lãi, khoản nào là phạt, khoản nào là bồi thường, khoản nào là chi phí tố tụng hoặc chi phí hợp lý khác.

Hoàn thiện pháp luật ở điểm này có thể thực hiện thông qua nghị quyết hướng dẫn, án lệ hoặc giải đáp nghiệp vụ. Mục tiêu không phải là làm phức tạp thêm hệ thống chế tài, mà là giúp các bên và Tòa án áp dụng đúng từng chế tài. Khi chế tài được áp dụng đúng, phán quyết sẽ công bằng hơn, rõ ràng hơn và dễ thi hành hơn.

3.2.6. Hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn về thi hành bản án trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án không chỉ nằm ở việc bản án tuyên đúng, mà còn ở khả năng thi hành bản án. Chương 2 đã chỉ ra rằng thi hành án có thể gặp khó khăn khi bên phải thi hành án không còn tài sản, thay đổi địa chỉ, ngừng hoạt động hoặc tẩu tán tài sản; bản án cần tuyên rõ số tiền gốc, lãi, thời điểm tiếp tục tính lãi, nghĩa vụ liên đới và án phí để cơ quan thi hành án thuận lợi tổ chức thi hành.

Luật THADS năm 2025 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Văn bản này cần được lưu ý trong các giải pháp dài hạn, nhưng khi đánh giá các vụ việc trước thời điểm luật có hiệu lực thì không dùng như căn cứ áp dụng trực tiếp. Trong giai đoạn chuyển tiếp, cần chuẩn bị sớm việc cập nhật nghiệp vụ THADS, đặc biệt đối với các bản án KDTM có nghĩa vụ trả tiền, lãi và trách nhiệm liên đới.

Giải pháp hoàn thiện cần tập trung vào hai hướng. Thứ nhất, bản án về tranh chấp HĐMBHH phải được tuyên đủ rõ để thi hành. Bản án cần xác định rõ người phải thi hành án, người được thi hành án, số tiền gốc, tiền lãi đến thời điểm xét xử, mức lãi tiếp tục phát sinh sau bản án, thời điểm bắt đầu tính lãi tiếp tục, nghĩa vụ liên đới nếu có, án phí và chi phí khác. Đối với trường hợp doanh nghiệp giải thể, đổi tên, sáp nhập hoặc giao dịch qua chi nhánh, bản án cần tuyên rõ chủ thể kế thừa quyền, nghĩa vụ hoặc phạm vi trách nhiệm của từng chủ thể.

Thứ hai, cần tăng cường cơ chế bảo đảm thi hành án ngay trong quá trình tố tụng. Trong các vụ tranh chấp có giá trị lớn, có dấu hiệu tẩu tán tài sản hoặc bên phải thi hành án đang ngừng hoạt động, Tòa án cần xem xét kịp thời yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nếu có căn cứ. Điều này giúp tránh tình trạng bên thắng kiện có bản án nhưng không thể thu hồi được tiền. Đồng thời, cơ quan THADS cần phối hợp với Tòa án trong việc giải thích bản án, xác minh điều kiện thi hành án và xử lý tài sản của bên phải thi hành.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại TAND tỉnh Lâm Đồng

Từ thực tiễn xét xử các vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, có thể thấy các tranh chấp HĐMBHH thường nảy sinh do sự thiếu chặt chẽ trong khâu xác lập văn bản và những bất cập trong việc áp dụng quy định về lãi suất cũng như giám định chất lượng hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro pháp lý và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, nhóm tác giả đề xuất các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp đối với các chủ thể tham gia quan hệ HĐMBHH, cần:

Một là, đầu tư chú trọng công tác soạn thảo, rà soát các HĐMBHH, bao gồm việc đầu tư bộ phận pháp chế với các luật sư chuyên nghiệp. Thực tế tại Lâm Đồng, nhiều giao dịch vẫn dựa trên sự tin tưởng, thỏa thuận miệng trực tiếp hoặc qua điện thoại, tài khoản cá nhân trên mạng xã hội... dẫn đến việc khó chứng minh nội dung thỏa thuận, cam kết khi có tranh chấp. Do vậy, cần chú trọng xác lập HĐMBHH bằng hình thức văn bản với các điều khoản chi tiết. Hợp đồng phải quy định rõ ràng về số lượng, đơn giá, chất lượng, điều khoản thanh toán, tiến độ thanh toán, thời gian và địa điểm giao nhận hàng cụ thể. Đặc biệt, đối với các mặt hàng như cà phê hay phân bón, cần ghi rõ tiêu chuẩn chất lượng thay vì các mô tả cảm quan chung chung.

Hai là, nên áp dụng cơ chế “ký quỹ” và chế tài phạt vi phạm tương ứng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao hàng trong bối cảnh giá thị trường biến động mạnh, các bên nên đưa vào hợp đồng điều khoản ký quỹ. Đồng thời, cần thỏa thuận rõ mức phạt vi phạm và cách thức xác định thiệt hại thực tế để làm căn cứ bồi thường chênh lệch giá khi một bên mua bù hàng từ bên thứ ba.

Ba là, cần minh bạch hóa thực thi quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Hiện nay, xu hướng thanh toán chuyển khoản và các ứng dụng thanh toán ngày càng phổ biến, nhưng kèm theo là những rủi ro hệ thống như: giả mạo thông tin chuyển khoản, lỗi hệ thống khi chuyển khoản. Do vậy, khi sử dụng các phương thức giao dịch điện tử, các bên vẫn cần phải có văn bản xác nhận hoặc ký xác nhận vào văn bản ngay sau đó để đảm bảo tính hiệu lực pháp lý cao nhất trước Tòa án, mà không lệ thuộc vào bên cung cấp dịch vụ là tổ chức tín dụng. Ngoài ra, việc tự ý thanh toán qua cá nhân trung gian hoặc nhân viên không có ủy quyền hợp pháp có thể dẫn đến rủi ro không được Tòa án công nhận là đã thanh toán.

Bốn là, thương nhân cần hiểu rõ rằng biến động giá thị trường hay việc thay đổi nhân sự nội bộ thường không được Tòa án chấp nhận là sự kiện bất khả kháng để miễn

trách nhiệm. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng phương án quản trị rủi ro dự phòng và duy trì nguồn hàng ổn định để thực hiện cam kết.

Thứ hai, nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật và áp dụng pháp luật trong xét xử.

Một là, cần thiết phát triển án lệ liên quan đến HĐMBHH để thống nhất áp dụng trong xét xử. Qua khảo cứu cho thấy, tồn tại sự khác biệt trong quan điểm giải quyết giữa cấp sơ thẩm và phúc thẩm tại địa phương khi nhiều vụ án bị hủy hoặc sửa. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết về tính thống nhất áp dụng pháp luật trong xét xử, nâng cao tính minh bạch, nhất quán của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên. Có thể nghiên cứu phát triển các án lệ để áp dụng cho nhiều trường hợp như: 1) Phát triển án lệ hướng dẫn về “Hợp đồng vô hiệu do chữ ký”. Nhóm tác giả cho rằng nên chăng cần phát triển án lệ hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm của pháp nhân trong trường hợp chữ ký trên hợp đồng bị giả mạo hoặc không giám định được nhưng con dấu đóng trên chữ ký là thật. Thực tiễn xử lý vấn đề này tại Lâm Đồng cho thấy Tòa án thường buộc pháp nhân chịu trách nhiệm vì lý do quản lý con dấu lỏng lẻo, nhưng cần một chuẩn mực án lệ để tránh các phán quyết trái ngược. 2) Án lệ về giải thể doanh nghiệp nhằm trốn tránh “nợ”. Nhóm tác giả cho rằng cần phát triển án lệ về với cơ chế buộc các thành viên góp vốn chịu trách nhiệm tài sản cá nhân, nếu doanh nghiệp giải thể mà không thực hiện đúng quy trình thông báo cho chủ nợ, nhằm bảo vệ tính minh bạch của thị trường và quyền lợi của các chủ nợ.

Hai là, cần thống nhất cách tính lãi suất chậm trả do vi phạm hợp đồng. Nội dung này cũng đã có quy định pháp luật tại Điều 306 Luật Thương mại. Dù vậy, vẫn cần áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử đối với việc xác định “lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường”. Hiện nay, Tòa án Lâm Đồng thường lấy mức trung bình của 02-03 ngân hàng tại địa phương, nhưng thời điểm bắt đầu tính lãi (từ ngày giao hàng, từ ngày vi phạm hay từ ngày có thông báo nợ) vẫn còn sự chưa thống nhất giữa các thẩm phán. Nên chăng cần có quy trình tính toán tự động hoặc bảng lãi suất tham chiếu hàng tháng sẽ giúp đương sự dễ dàng dự đoán kết quả.

3.3.1. Xây dựng cơ chế nhận diện và phân loại sớm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

TAND tỉnh Lâm Đồng và các TAND khu vực cần xây dựng cơ chế nhận diện, phân loại sớm tranh chấp HĐMBHH ngay từ giai đoạn tiếp nhận đơn và thụ lý. Cơ chế

này có thể được thực hiện thông qua bảng kiểm nghiệp vụ đối với các vụ án KDTM về mua bán hàng hóa. Bảng kiểm cần giúp Thẩm phán và Thư ký xác định nhanh các vấn đề: quan hệ tranh chấp có phải HĐMBHH hay không; các bên có hợp đồng văn bản không; hàng hóa đã giao chưa; bên mua đã nhận hàng chưa; có hóa đơn, phiếu giao hàng, đối chiếu công nợ không; có tranh chấp về chất lượng không; có yêu cầu lãi, phạt, bồi thường không; có yếu tố thay đổi chủ thể như giải thể, sáp nhập, đổi tên, chi nhánh không.

Việc phân loại sớm giúp Tòa án không bị động. Nếu vụ án chỉ là đòi tiền hàng có công nợ rõ ràng, Tòa án có thể tập trung vào xác minh nghĩa vụ thanh toán và hòa giải phương án trả nợ. Nếu vụ án có tranh chấp chất lượng, cần yêu cầu bên mua cung cấp chứng cứ khiếm khuyết, thời điểm khiếu nại và tài liệu giám định. Nếu vụ án có tranh chấp chủ thể, cần kiểm tra đăng ký doanh nghiệp, thông tin chi nhánh, văn bản sáp nhập, đổi tên, giải thể. Nếu vụ án có yêu cầu lãi, cần yêu cầu nguyên đơn trình bày rõ công thức, thời điểm và nguồn lãi suất.

Cách làm này phù hợp với thực tiễn Lâm Đồng, nơi nhiều tranh chấp có hình thức là đòi tiền hàng nhưng thực chất đan xen với chất lượng hàng hóa, chủ thể thanh toán và lãi chậm trả. Khi Tòa án xác định đúng trọng tâm ngay từ đầu, quá trình chuẩn bị xét xử sẽ ngắn hơn, hòa giải thực chất hơn và bản án rõ hơn.

3.3.2. Nâng cao năng lực chuyên môn của Thẩm phán, Thư ký trong giải quyết tranh chấp thương mại

Tranh chấp HĐMBHH đòi hỏi người tiến hành tố tụng không chỉ hiểu pháp luật tố tụng, mà còn phải hiểu cấu trúc giao dịch thương mại. Một vụ án đòi tiền hàng không chỉ là phép tính số học; nó liên quan đến giao hàng, nhận hàng, hóa đơn, công nợ, chất lượng, thời hạn khiếu nại, lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường và khả năng thi hành án. Vì vậy, cần tăng cường đào tạo chuyên sâu cho Thẩm phán, Thư ký về kỹ năng giải quyết tranh chấp HĐMBHH.

Nội dung tập huấn cần đi vào những điểm thực tiễn, không chỉ nhắc lại điều luật. Thứ nhất, kỹ năng xác định quan hệ tranh chấp khi không có hợp đồng văn bản. Thứ hai, kỹ năng đánh giá chuỗi chứng cứ gồm hóa đơn, phiếu giao hàng, sao kê, xác nhận công nợ, tin nhắn, email. Thứ ba, kỹ năng xử lý tranh chấp chất lượng hàng hóa, bao gồm xác định thời điểm khiếm khuyết, nghĩa vụ kiểm tra, khiếu nại và giám định. Thứ tư, kỹ năng tính lãi chậm trả và lập luận rõ trong bản án. Thứ năm, kỹ năng xác định

chủ thể chịu trách nhiệm trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, chi nhánh, doanh nghiệp đổi tên, sáp nhập hoặc giải thể.

TAND tỉnh Lâm Đồng có thể tổ chức các buổi rút kinh nghiệm chuyên đề từ chính các bản án đã giải quyết. Không nên chỉ rút kinh nghiệm theo hướng chỉ ra sai sót, mà cần hệ thống hóa thành bài học nghiệp vụ: vụ nào cho thấy cần xác định tư cách tố tụng sớm; vụ nào cho thấy cần làm rõ nguồn lãi suất; vụ nào cho thấy thiếu chứng cứ chất lượng; vụ nào cho thấy bản án phải tuyên rõ nghĩa vụ của chủ thể kế thừa. Cách học từ chính thực tiễn địa phương sẽ thiết thực hơn so với tập huấn lý thuyết chung.

3.3.3. Chuẩn hóa yêu cầu cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử

Một trong những nguyên nhân làm vụ án kéo dài là chứng cứ không đầy đủ hoặc giao nộp muộn. Do đó, Tòa án cần chuẩn hóa yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với tranh chấp HĐMBHH. Ngay sau khi thụ lý, Thẩm phán nên ban hành thông báo yêu cầu các bên giao nộp chứng cứ theo nhóm vấn đề cụ thể, không chỉ yêu cầu chung chung.

Đối với bên bán yêu cầu thanh toán, cần yêu cầu cung cấp hợp đồng hoặc tài liệu thể hiện giao dịch; hóa đơn; phiếu giao hàng; biên bản nghiệm thu nếu có; chứng từ thanh toán; đối chiếu công nợ; thông báo nhắc nợ; cách tính nợ gốc và lãi. Đối với bên mua phản đối vì hàng hóa không phù hợp, cần yêu cầu cung cấp tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng, biên bản kiểm tra, thông báo khiếu nại, chứng cứ giám định, chứng cứ thiệt hại, tài liệu thể hiện việc đã thanh toán hoặc thỏa thuận giảm nghĩa vụ. Đối với trường hợp tranh chấp chủ thể, cần yêu cầu tài liệu đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận hộ kinh doanh, văn bản ủy quyền, thông tin chi nhánh, quyết định sáp nhập, đổi tên hoặc giải thể.

Việc chuẩn hóa này có hai tác dụng. Một là giúp đương sự hiểu rõ mình phải chứng minh gì, tránh tình trạng chỉ trình bày bằng lời. Hai là giúp Tòa án giới hạn phạm vi tranh chấp, tránh bị kéo vào các lập luận không có căn cứ. Khi nghĩa vụ chứng minh được xác định rõ, phiên hòa giải và phiên tòa sẽ tập trung hơn.

3.3.4. Nâng cao chất lượng hòa giải trong tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Hòa giải có ý nghĩa lớn trong tranh chấp HĐMBHH vì nhiều vụ án về bản chất là tranh chấp công nợ hoặc tranh chấp về cách thức thanh toán. Nếu được tổ chức đúng,

hòa giải có thể giúp bên bán thu hồi tiền nhanh hơn, bên mua giảm áp lực tài chính và các bên có thể duy trì quan hệ kinh doanh. Tuy nhiên, hòa giải chỉ có hiệu quả khi dựa trên nhận diện đúng quyền, nghĩa vụ và rủi ro chứng minh của mỗi bên.

Tại Lâm Đồng, Tòa án cần tổ chức hòa giải theo hướng thực chất. Trước phiên hòa giải, Thẩm phán cần xác định rõ số tiền nợ gốc, số tiền đã thanh toán, phần lãi đang yêu cầu, tranh chấp về chất lượng nếu có và khả năng chứng minh của từng bên. Trong phiên hòa giải, Thẩm phán không nên chỉ hỏi các bên có thỏa thuận được hay không, mà cần phân tích rủi ro pháp lý: nếu bên mua không có chứng cứ về hàng hóa kém chất lượng, khả năng phản đối nghĩa vụ thanh toán sẽ hạn chế; nếu bên bán không chứng minh được giao hàng đầy đủ, yêu cầu thanh toán có thể không được chấp nhận toàn bộ; nếu vụ án kéo dài, lãi chậm trả và chi phí tố tụng có thể tăng.

Đối với tranh chấp công nợ, phương án hòa giải có thể là trả nợ theo lộ trình, giảm một phần lãi, thỏa thuận thời hạn thanh toán và cam kết chịu lãi nếu tiếp tục chậm trả. Đối với tranh chấp chất lượng, phương án hòa giải có thể là giảm giá, đổi hàng, trả lại một phần hàng hoặc thỏa thuận giám định. Đối với tranh chấp chủ thể nhận thanh toán, hòa giải cần làm rõ chủ thể kế thừa quyền và tài khoản thanh toán để tránh tranh cãi sau này.

3.3.5. Chuẩn hóa cách lập luận và tuyên án trong bản án kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa

Chất lượng bản án có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả giải quyết tranh chấp. Một bản án tốt phải không chỉ tuyên đúng mà còn lập luận rõ, giúp các bên hiểu vì sao yêu cầu được chấp nhận hoặc bị bác. Trong tranh chấp HĐMBHH, bản án cần có cấu trúc lập luận mạch lạc theo các vấn đề: có quan hệ HĐMBHH hay không; nghĩa vụ của từng bên là gì; bên nào vi phạm; chứng cứ nào chứng minh; yêu cầu thanh toán có căn cứ đến đâu; khiếu nại chất lượng có được chứng minh không; lãi tính thế nào; phạt, bồi thường có đủ điều kiện không; ai phải thi hành và thi hành cho ai.

TAND tỉnh Lâm Đồng có thể xây dựng mẫu cấu trúc lập luận nội bộ cho bản án tranh chấp HĐMBHH. Mẫu này không làm mất tính độc lập xét xử, mà giúp bảo đảm bản án không bỏ sót vấn đề. Đối với yêu cầu thanh toán, bản án cần tách rõ nợ gốc, tiền đã trả, số còn nợ. Đối với lãi, cần tách thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc, mức lãi, nguồn lãi suất, công thức tính. Đối với chất lượng hàng hóa, cần nêu rõ bên mua có chứng cứ gì, chứng cứ đó có chứng minh được khiếm khuyết tại thời điểm giao nhận

không. Đối với chủ thể, cần nêu rõ tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, chi nhánh, người đại diện hoặc chủ thể kế thừa quyền, nghĩa vụ.

Bản án cũng cần tuyên rõ nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi sau khi bản án có hiệu lực nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán. Đây là điểm quan trọng để tránh tranh cãi trong giai đoạn THADS. Nếu bản án chỉ tuyên số tiền lãi đến ngày xét xử mà không nêu nghĩa vụ lãi tiếp tục, bên được thi hành án có thể gặp khó khăn khi yêu cầu tính lãi sau bản án.

3.3.6. Tăng cường phối hợp giữa Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự

Tòa án giải quyết tranh chấp nhưng cơ quan THADS mới là thiết chế trực tiếp bảo đảm quyền được công nhận trong bản án trở thành lợi ích thực tế. Vì vậy, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH không thể tách rời công tác THADS. Đối với tranh chấp HĐMBHH, nghĩa vụ thi hành chủ yếu là nghĩa vụ trả tiền, trả lãi, bồi thường hoặc hoàn trả hàng hóa. Nếu bên phải thi hành án không còn tài sản, thay đổi địa chỉ, ngừng hoạt động hoặc cố tình tẩu tán tài sản, bản án dù đúng vẫn khó mang lại hiệu quả thực tế.

Giải pháp đặt ra là tăng cường phối hợp thông tin giữa Tòa án và cơ quan THADS. Tòa án cần tuyên án rõ ràng để cơ quan THADS dễ tổ chức thi hành. Cơ quan THADS cần phản hồi những vướng mắc thường gặp trong thi hành các bản án HĐMBHH, ví dụ bản án không rõ lãi sau xét xử, không rõ trách nhiệm liên đới, không rõ chủ thể nhận thanh toán, không rõ tài sản phải hoàn trả. Những phản hồi này cần được TAND tỉnh tổng hợp để rút kinh nghiệm xét xử.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, nếu có dấu hiệu bên phải thi hành án có thể tẩu tán tài sản, Tòa án cần chú ý hướng dẫn đương sự về quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc áp dụng đúng và kịp thời biện pháp này có thể làm tăng khả năng thi hành bản án sau này. Tuy nhiên, cũng cần bảo đảm không lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây ảnh hưởng bất hợp lý đến hoạt động kinh doanh của bên bị yêu cầu.

3.4. Giải pháp đối với các chủ thể tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Lâm Đồng

3.4.1. Nâng cao chất lượng soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa

Nhiều hạn chế trong thực tiễn không bắt đầu từ Tòa án mà bắt đầu từ chính hợp đồng. Nếu hợp đồng được lập sơ sài, không ghi rõ hàng hóa, chất lượng, thời hạn giao

hàng, thời hạn kiểm tra, phương thức thanh toán, lãi chậm trả, phạt vi phạm, bồi thường và cơ quan giải quyết tranh chấp, thì khi xảy ra tranh chấp, Tòa án phải giải thích hợp đồng dựa trên chứng cứ gián tiếp. Điều này làm tăng rủi ro cho cả hai bên.

Do đó, giải pháp quan trọng là nâng cao chất lượng soạn thảo HĐMBHH. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại Lâm Đồng cần hạn chế giao dịch chỉ bằng lời nói hoặc tin nhắn rời rạc đối với những giao dịch có giá trị đáng kể. Hợp đồng tối thiểu cần có các điều khoản: thông tin chủ thể; tên hàng, số lượng, chất lượng, quy cách; giá và phương thức thanh toán; thời hạn, địa điểm, phương thức giao hàng; chứng từ giao nhận; thời hạn kiểm tra và khiếu nại; bảo hành nếu có; phạt vi phạm; lãi chậm trả; bồi thường thiệt hại; giải quyết tranh chấp.

Đối với hàng hóa đặc thù của Lâm Đồng như nông sản, phân bón, vật tư nông nghiệp, cây giống, vật liệu xây dựng, cần chú trọng điều khoản chất lượng. Hợp đồng nên ghi rõ tiêu chuẩn áp dụng, mẫu hàng, phương pháp kiểm tra, cơ quan giám định, trách nhiệm lưu mẫu, điều kiện bảo quản và hậu quả khi hàng hóa không phù hợp. Nếu không quy định rõ, mỗi bên có thể diễn giải chất lượng theo hướng có lợi cho mình, làm tăng nguy cơ tranh chấp.

3.4.2. Quản trị chứng cứ trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng

Quản trị chứng cứ phải được xem là một phần của quản trị hợp đồng. Chủ thể kinh doanh không nên đợi đến khi tranh chấp phát sinh mới tìm chứng cứ. Ngay từ khi giao kết và thực hiện HĐMBHH, các bên cần tạo lập và lưu giữ chứng cứ một cách có hệ thống.

Bên bán cần lưu hợp đồng, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng có chữ ký người nhận, hóa đơn, chứng từ thanh toán, tin nhắn xác nhận đặt hàng, biên bản đối chiếu công nợ và thông báo nhắc nợ. Bên mua cần lưu chứng cứ nhận hàng, kiểm tra hàng, thông báo khiếu nại, hình ảnh hàng hóa lỗi, kết quả giám định, biên bản trả hàng, chứng từ thanh toán và thỏa thuận giảm giá nếu có. Nếu giao dịch qua email, tin nhắn, mạng xã hội hoặc phần mềm bán hàng, cần lưu trữ toàn bộ chuỗi trao đổi thay vì chỉ chụp một đoạn rời rạc.

Đối với giao hàng nhiều lần, cần đối chiếu công nợ định kỳ. Biên bản đối chiếu công nợ phải ghi rõ thời điểm, số tiền nợ gốc, số tiền đã thanh toán, số còn nợ, khoản lãi nếu có và chữ ký của người có thẩm quyền. Nếu người ký là nhân viên, đại lý hoặc người nhận hàng, cần có căn cứ chứng minh thẩm quyền hoặc sự chấp nhận của doanh

nghiệp. Điều này giúp tránh tranh chấp về việc người ký có đại diện hợp pháp hay không.

3.4.3. Thiết lập quy trình kiểm tra và khiếu nại chất lượng hàng hóa

Tranh chấp chất lượng hàng hóa thường khó giải quyết vì chứng cứ không được lập kịp thời. Vì vậy, các chủ thể kinh doanh cần thiết lập quy trình kiểm tra và khiếu nại chất lượng. Khi nhận hàng, bên mua cần kiểm tra ngay số lượng, chủng loại, tình trạng bên ngoài, quy cách, hạn sử dụng, tem nhãn, chứng từ kỹ thuật. Nếu phát hiện hàng hóa có vấn đề, cần lập biên bản với bên giao hàng, chụp ảnh, lưu mẫu, thông báo bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có thể chứng minh được thời điểm gửi.

Đối với hàng hóa cần kiểm định kỹ thuật, hợp đồng nên quy định cơ quan giám định hoặc phương thức giám định. Nếu hàng hóa là nông sản hoặc vật tư nông nghiệp, cần ghi nhận điều kiện bảo quản, vận chuyển và thời điểm chuyển rủi ro. Nếu hàng hóa đã được bên mua đưa vào sử dụng, bán lại hoặc bảo quản trong thời gian dài, việc chứng minh khiếm khuyết thuộc trách nhiệm bên bán sẽ khó hơn. Vì vậy, thông báo khiếu nại phải được thực hiện càng sớm càng tốt.

Bên bán cũng cần có quy trình phản hồi khiếu nại. Không nên im lặng trước khiếu nại chất lượng, vì sự im lặng có thể bị bên mua diễn giải như sự thừa nhận. Bên bán cần kiểm tra, lập biên bản, đề xuất giám định, đổi trả hoặc từ chối khiếu nại bằng văn bản nếu cho rằng khiếu nại không có căn cứ. Việc phản hồi rõ ràng giúp giảm tranh chấp và tạo chứng cứ nếu vụ việc đưa ra Tòa án.

3.4.4. Chuẩn hóa điều khoản thanh toán, lãi chậm trả và đối chiếu công nợ

Thanh toán là trung tâm của hầu hết tranh chấp HĐMBHH. Vì vậy, hợp đồng cần quy định rõ thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán, tài khoản nhận tiền, người có quyền nhận tiền, chứng từ thanh toán và hậu quả của chậm thanh toán. Nếu thanh toán nhiều đợt, cần ghi rõ đợt thanh toán, điều kiện thanh toán và cách xử lý khi một bên chậm thực hiện.

Điều khoản lãi chậm trả cần được soạn thảo rõ. Các bên có thể thỏa thuận mức lãi trong giới hạn pháp luật cho phép hoặc thỏa thuận cách xác định lãi nếu chậm thanh toán. Nếu không thỏa thuận, khi tranh chấp phát sinh sẽ phải áp dụng quy định pháp luật về lãi chậm trả, nhưng cách xác định lãi suất có thể phát sinh tranh luận. Do đó, một điều khoản lãi rõ ràng sẽ làm giảm rủi ro tố tụng.

Đổi chiếu công nợ cần được thực hiện định kỳ, đặc biệt trong quan hệ mua bán nhiều lần. Biên bản đổi chiếu phải thể hiện rõ số liệu và người ký. Nếu có thỏa thuận giảm nợ, miễn lãi hoặc giãn nợ, phải lập văn bản riêng. Không nên chỉ trao đổi miệng hoặc qua tin nhắn không rõ chủ thể. Trong thực tiễn, nhiều bên mua cho rằng đã có thỏa thuận giảm nợ nhưng không chứng minh được; điều này làm cho lập luận phản đối nghĩa vụ thanh toán khó được Tòa án chấp nhận.

3.4.5. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh

Tại Lâm Đồng, nhiều chủ thể tham gia HĐMBHH là doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đại lý vật tư nông nghiệp, cơ sở phân phối hàng hóa. Nhóm chủ thể này thường có kinh nghiệm kinh doanh nhưng chưa mạnh về quản trị pháp lý. Họ có thể quen giao dịch dựa trên niềm tin, quan hệ quen biết, sổ công nợ hoặc thanh toán tiền mặt. Cách giao dịch này linh hoạt nhưng rủi ro cao khi tranh chấp phát sinh.

Vì vậy, cần tăng cường hỗ trợ pháp lý cho nhóm chủ thể này. Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư, hiệp hội doanh nghiệp, liên minh hợp tác xã có thể phối hợp xây dựng các chương trình phổ biến pháp luật về HĐMBHH. Nội dung không nên quá lý thuyết, mà cần tập trung vào kỹ năng thực tế: cách lập hợp đồng, cách ghi phiếu giao hàng, cách xác nhận công nợ, cách khiếu nại chất lượng, cách lưu chứng cứ điện tử, cách tính lãi chậm trả, cách chuẩn bị hồ sơ khởi kiện.

Có thể xây dựng bộ mẫu hợp đồng và chứng từ dùng cho các giao dịch phổ biến ở địa phương: mua bán nông sản, mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp, cây giống, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị. Mẫu hợp đồng không thay thế tư vấn pháp lý chuyên sâu, nhưng giúp các chủ thể nhỏ tránh những lỗi cơ bản như không ghi chất lượng, không ghi thời hạn thanh toán, không ghi lãi chậm trả, không ghi cơ chế khiếu nại.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án ở tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Chương 1 và Chương 2. Các giải pháp được xây dựng theo hướng bám sát các hạn chế đã được nhận diện: vướng mắc về thẩm quyền trong bối cảnh tổ chức Tòa án mới; chất lượng hợp đồng và chứng cứ còn thấp; khó khăn trong chứng minh

chất lượng hàng hóa; cách xác định lãi chậm trả chưa thống nhất; sự nhầm lẫn giữa phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và lãi chậm trả; khó khăn trong thi hành bản án.

Về hoàn thiện pháp luật, Chương 3 kiến nghị cần có hướng dẫn cụ thể hơn về thẩm quyền sau sắp xếp, chứng cứ điện tử, chứng minh hàng hóa không phù hợp, lãi chậm trả, chế tài hợp đồng và thi hành án. Về tổ chức thực hiện tại Lâm Đồng, Chương 3 đề xuất xây dựng cơ chế phân loại sớm vụ án, chuẩn hóa yêu cầu chứng cứ, nâng cao năng lực Thẩm phán, tăng cường hòa giải thực chất, chuẩn hóa bản án và phối hợp chặt chẽ với cơ quan THADS. Về phía chủ thể kinh doanh, Chương 3 nhấn mạnh yêu cầu nâng cao quản trị hợp đồng, quản trị chứng cứ, quy trình kiểm tra chất lượng và đối chiếu công nợ.

Nhìn chung, các giải pháp không chỉ hướng đến việc xử lý tranh chấp sau khi đã phát sinh, mà còn hướng đến phòng ngừa tranh chấp từ giai đoạn giao kết và thực hiện HĐMBHH. Đây là hướng tiếp cận cần thiết để bảo đảm quyền lợi của các bên, nâng cao chất lượng xét xử và góp phần xây dựng môi trường thương mại ổn định, minh bạch tại tỉnh Lâm Đồng.

KẾT LUẬN

Giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh và bảo đảm sự ổn định của trật tự thương mại. Trong nền kinh tế thị trường, HĐMBHH không chỉ là công cụ pháp lý để lưu thông hàng hóa, mà còn là cơ chế phân bổ lợi ích, rủi ro và trách nhiệm giữa các bên. Khi hợp đồng bị vi phạm hoặc khi các bên bất đồng về việc thực hiện nghĩa vụ, Tòa án giữ vai trò là thiết chế tài phán chính thức, có thẩm quyền xác định sự thật pháp lý của tranh chấp và ban hành phán quyết có giá trị bắt buộc thi hành.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, đề án đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của HĐMBHH; nhận diện đặc điểm, dạng thức và nguyên nhân tranh chấp HĐMBHH; đồng thời phân tích vai trò của TAND trong giải quyết tranh chấp này. Kết quả cho thấy hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại TAND phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có chất lượng hệ thống pháp luật, năng lực của người tiến hành tố tụng, thiện chí của các bên, chất lượng chứng cứ và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Về thực trạng pháp luật, đề án đã phân tích các nhóm quy định cơ bản về xác định tranh chấp và thẩm quyền, quyền khởi kiện và thụ lý, chứng cứ và chứng minh, hòa giải và xét xử, chế tài hợp đồng và thi hành bản án. Nhìn chung, pháp luật hiện hành đã tạo lập khuôn khổ tương đối đầy đủ cho việc giải quyết tranh chấp HĐMBHH tại Tòa án. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn đặt ra một số vướng mắc, nhất là trong xác định chứng cứ điện tử, chứng minh chất lượng hàng hóa, tính lãi chậm trả, phân biệt phạt vi phạm với bồi thường thiệt hại và bảo đảm thi hành bản án.

Qua thực tiễn tại Lâm Đồng, đề án cho thấy tranh chấp HĐMBHH chủ yếu tập trung vào nghĩa vụ thanh toán, chất lượng hàng hóa, xác định chủ thể có nghĩa vụ thanh toán, chủ thể nhận thanh toán và lãi chậm trả. Những khó khăn phát sinh không chỉ từ quy định pháp luật, mà còn từ thói quen giao kết sơ sài, thiếu chứng cứ giao nhận, đối chiếu công nợ chưa chặt chẽ và quy trình kiểm tra, khiếu nại chất lượng hàng hóa chưa rõ ràng. Trên cơ sở đó, đề án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử, tăng hiệu quả thi hành án và nâng cao năng lực quản trị hợp đồng của chủ thể kinh doanh. Các giải pháp hướng tới xử lý hiệu quả tranh chấp đã phát sinh, đồng thời phòng ngừa rủi ro ngay từ giai đoạn giao kết và thực hiện HĐMBHH./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 2015.
2. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
3. Quốc hội, Luật Thương mại năm 2005.
4. Quốc hội, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020.
5. Quốc hội, Luật Giao dịch điện tử năm 2023.
6. Quốc hội, Luật Thi hành án dân sự năm 2025.
7. Quốc hội, Luật số 81/2025/QH15.
8. Quốc hội, Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự và một số luật tố tụng khác.
9. Quốc hội, Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
10. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.
11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
12. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.
13. Văn phòng Quốc hội, Văn bản hợp nhất số 113/VBHN-VPQH năm 2025 hợp nhất Luật Thương mại.
14. Bộ Công Thương. (2025, 22 tháng 6). *Thông số 42/2025/TT-BCT ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung*. Hà Nội, Việt Nam.
15. Huỳnh, THC (2025, 20 tháng 3). Luật hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của Việt Nam và Trung Quốc: Góc nhìn so sánh trong bối cảnh thực thi CISG. *Tạp chí Công Thương*. <https://tapchicongthuong.vn/the-law-on-international-goods-sale-contracts-of-vietnam-and-china--a-comparative-perspective-in-the-context-of-cisg-implementation-138531.htm>, ngày xem 18/03/2026.
16. Lý, VK (2024). Bàn về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa ở Việt Nam từ góc nhìn của Công ước Viên năm 1980. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Trường Đại học Hòa Bình*, (14), 70–75.
17. Nguyễn, VV (2017, tháng 8). Bàn về giải quyết tranh chấp hợp lý đồng mua bán hàng hóa. *Tạp chí Công Thương*. <https://ojs.tapchicongthuong.vn/vi/ojs-post/ban-ve-giai-quyet-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-27320.htm>, ngày xem 18/03/2026.
18. Phủ chính. (2018, 15 tháng 1). *Nghị định số 09/2018/ND-CP quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà tư nước ngoài, tổ chức kinh tế đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
19. Quốc hội. (1992). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
20. Quốc hội. (2005). *Luật Thương mại*. Hà Nội, Việt Nam.

21. Quốc hội. (2007). *Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*. Hà Nội, Việt Nam.
22. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
23. Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự*. Hà Nội, Việt Nam.
24. Quốc hội. (2023). *Luật Bảo vệ quyền lợi người dùng*. Hà Nội, Việt Nam.
25. Trương, NQ (2020). *Pháp luật về hợp đồng: Các vấn đề pháp lý cơ bản*. Nhà xuất bản Dân trí.
26. Trương, TTD (2018). *Hợp đồng mua bán hàng hóa theo pháp luật Việt Nam* (Luận văn khoa sĩ Luật học). Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

II. Tài liệu Tiếng Anh

27. United Nations, United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods, 1980.
28. Gabriel, HD (2022). *Hợp đồng mua bán hàng hóa: So sánh luật pháp Hoa Kỳ và quốc tế* (ấn bản thứ 3). Nhà xuất bản Đại học Oxford. <https://academic.oup.com/oxford-law-pro/book/57726>, ngày xem 18/03/2026.
29. Hội đồng tư vấn CISG. (2005). Ý kiến số 4: Hợp đồng mua bán hàng hóa được sản xuất hoặc chế tạo và hợp đồng hỗn hợp (Điều 3 CISG). *Tạp chí Luật Quốc tế Pace*, 17(1). <https://digitalcommons.pace.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1095&context=pilr>, ngày xem 18/05/2026.
30. Nguyễn, HN (2021). Khảo sát về việc áp dụng Công ước CISG trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam: Tình hình hiện tại và các giải pháp. Trong *Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế lần thứ 2 về Nghiên cứu Khoa học, Công nghệ và Xã hội*.
31. Nguyễn, TH, & Hồ, PMQ (31 tháng 5 năm 2017). Biện pháp khắc phục của người mua trong hợp đồng mua bán quốc tế theo CISG 1980 và Luật Thương mại Việt Nam 2005: Phân tích so sánh. *Tạp chí Kinh tế và Quản lý Quốc tế*, (94). <https://jiem.ftu.edu.vn/index.php/jiem/article/view/164>, ngày xem 18/04/2026.
32. Nguyễn, TH, Đoàn, NPC, & Nguyễn, MP (2024). Quyền hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: So sánh Việt Nam với CISG và PICC. *Tạp chí Đổi mới và Phát triển Bền vững của CTU*, 16(1), 1–6. <https://doi.org/10.22144/ctujosd.2024.258>, ngày xem 18/04/2026.
33. Oviedo-Albán, J. (2017). Cách sử dụng và thực tiễn trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Usos y prácticas en los contratos de compraventa internacional de mercaderías). *Vniversitas*, (135), 255–282. <https://www.redalyc.org/pdf/825/82553417009.pdf>, ngày xem 18/05/2026.
34. Salinas Alcaraz, IC (2014). Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (CISG) và luật chung: Thách thức trong việc giải thích Điều 7. *Revista IUSTA*, 1 (40), 57–93. <https://www.redalyc.org/pdf/5603/560358700005.pdf>, ngày xem 18/05/2026.
35. Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế Liên Hợp Quốc. (2010). *Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (Vienna, 1980)*. Liên Hợp Quốc. https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-09951_e_ebook.pdf, ngày xem 18/04/2026.

III. Các án lệ

36. Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
37. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
38. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Án lệ số 12/2017/AL về xác định trường hợp đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất sau khi Tòa án đã hoãn phiên tòa, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/chitietanle?dDocName=TAND014316>

Phụ lục 1: DANH MỤC BẢN ÁN SỬ DỤNG TRONG ĐỀ ÁN

1. Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.
2. Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.
3. Bản án số 03/2021/KDTM-PT ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
4. Bản án số 02/2020/KDTM- PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
5. Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
6. Bản án số 06/2018/KDTM-PT ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
7. Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v Tranh chấp HĐ mua bán.
8. Bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết (cũ) tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
9. Bản án số 05/2018/KDTM – ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết (cũ) tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Phụ lục 2: CÁC VỤ VIỆC SỬ DỤNG TRONG ĐỀ ÁN

Vụ việc số 1: Trích Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Vụ việc số 2: Trích Bản án số 05/2018/KDTM – ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết (cũ) tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Vụ việc số 3: Trích Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v Tranh chấp HĐ mua bán.

Vụ việc số 4: Trích Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Vụ việc số 5: Trích Bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết (cũ) tỉnh Lâm Đồng V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Vụ việc số 6: Trích Bản án số 02/2020/KDTM- PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.